

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : TRỤ VŨ

2 — 3	Võ Liêm Sơn	<i>Ngắm non Hồng</i>
4	Dạ Giao Đăng	<i>Diên Hồng</i>
5	Trần Dzạ Lữ	<i>Tuyên ngôn</i>
6	Minh Dũng	<i>Bài viết cho mình</i>
7	Đỳnh Trầm Ca	<i>Phiên gác</i>
8 — 9	Trụ Vũ	<i>Còn gì để lại cho em</i>
10 — 11	Nguyễn Mạnh Song Ka	<i>Kẻ chờ đợi..., Lời xin với Trời</i>
12 — 13	Nguyễn Nho Nhượn	<i>Tiếng động mùa Xuân</i>
14	Lê Gia Trung Hậu	<i>Tôi vẫn tin rằng</i>
15 — 18	Thiếu Sơn	<i>Văn hào Georges Duhamel...</i>
19 — 24	Nguyễn Dũng	<i>Trả về</i>
25 — 32	Sơn Nam	<i>Câu chuyện sắn vàng</i>
33 — 36	Phi Chiến	<i>Lương tâm của nhân loại...</i>
37 — 42	Phong Sơn	<i>Khu vực Tây</i>
43 — 45	Kiên Minh	<i>Giòng sông đen</i>
46 — 59	Yên Hy Ba	<i>Cháy đỏ đêm dài</i>
60 — 64	Phong Sơn	<i>Rắc rối</i>
65 — 68	Chinh Văn	<i>Cây chuối</i>
69 — 73	Nhất Hạnh	<i>Nổi với tuổi hai mươi</i>
74 — 80	Minh Lương	<i>Dân nhạc thiếu nhi...</i>
81 — 84	Lưu Nghi	<i>Con sâu</i>
85 — 86	Minh Dũng	<i>Chuyện hai anh em...</i>
87 — 94	Vương Pền Liêm	<i>Giáo dục cộng đồng</i>
95 — 105	Nhất Hạnh	<i>Nẻo về của ý</i>

ngắm non hồng

non Hồng chín mười chín ngọn
ngọn cao thứ nhất trước nhà tôi
năm tuổi tôi đã biết đứng ngắm
cách đây năm chục ngoài năm rồi

thuở bé vì sao tôi yêu núi ?
yêu vì có cái dáng sợ hãi
lần lần tôi biết cái đáng yêu
nghe gió thông reo lòng mát rượi

năm mười hai tuổi lên chùa Hương
mây đưa suối dắt, dốc đưa đường
một cảnh thanh u trên cao rộng
lòng thơ lay động giữa menh mang

hái hoa ăn quả uống nước suối
ngước mắt lòng tôi càng đắm đuối
nguyện đời ở lại với non Hồng
trong đám chăn bò cùng đốn củi

ông thầy ao thụng ngồi giường cao
sân Trình cửa Khổng đã ra vào
bảo tôi trong những chồng sách cũ
thiếu gì non nước để tiêu dao

non Hồng từ đó càng xa cách
tối ngày chôn đầu trong đồng sách
bức tranh sơn thủy trong đầu tôi
khuyên diêm ông đồ đã xoá sạch

đường đời kẻ đó vạch tung ra
thách tôi nếm thử bước sơn hà
non Hồng ở lại không thay đổi
tôi cứ đi, đi mãi tới già

phen này trở về vì việc nước
ngắm lại non Hồng không khác trước
ngồn ngang trăm mối chất bên lòng
muốn tỏ cùng non không tỏ được

đầu non mây bạc bóng tờ mờ
đầu tôi tóc bạc đáng bơ phờ
ngọn gì cao nhất trên non đó ?
có phải mờ tôi đang đợi chờ

chờ có một ngày tôi trở bước
sang cõi vô sinh như kiếp trước
tinh thần dù với xác trần tan
vẫn cứ định ninh lời nguyện ước

bên mờ có mọc một cây thông
để cho xương thịt máu vun trồng
theo gió reo lên một khúc nhạc
kêu vang chín chín ngọn non Hồng

Chí sĩ VÕ LIÊM SƠN

diên hồng

chúng ta nói chuyện đạo phật
tại sao ta không nhớ diên hồng
trong bi trí dũng — nếu bi là nhụy nếu trí là hoa
thì dũng là đài
đài nâng đỡ nhụy và hoa

nghĩa từ bi chỉ có trong tinh thần dũng cảm
kẻ cúi đầu cam chịu — quay lưng trước sự điều
linh ô nhục của giống nòi — không thể nhân danh
hai chữ từ bi — không quyền nhắc đến

ông cha mình đã đứng lên
lấy máu để tiêm hồng sinh khí
cho tượng quan thế âm — yêu thương và nhân
bản — được sinh động làm người
trong nét đẹp tuyệt vời của chân-thiện-mỹ-nhân

●
hãy đứng lên, làm trần hưng đạo
hãy đứng lên, làm nguyên quang trung

ĐẠ GIAO ĐĂNG
1963

tuyên ngôn

quê hương tôi ở đó
sông và núi và rừng
xin các người khi đến
đừng học thói thực dân

quê hương tôi ở đó
đất hẹp lại dân nghèo
xin các người khi đến
đừng học thói phân chia

quê hương tôi ở đó
thành phố và con đường
xin các người khi đến
đừng ngụy biện chiến tranh
mà rào hèn dân tộc

quê hương tôi ở đó
lúa vàng thơm ý dân
xin các người khi đến
đừng cướp của giết người

quê hương tôi ở đó
mọi người sống cảm thông
xin các người khi đến
đừng học thói xảo ngôn

dân tôi vốn chất phác
không ưa bốc đồng đầu
hai mùa vui khoai sắn
với tháng ngày ca dao
xin các người khi đến
đừng chia cắt lòng đau

quê hương tôi ở đó
chiến tranh cũng đã nhiều
xin các người khi đến
làm sao bớt chiến tranh ?

TRẦN DẠ LỮ

bài viết cho mình

Như loài chim sâu trên dòng nước ngọt
nghe lá buổi chiều tiếng hát luân lưu
và loài rong buồn tủi hờn dưới biển
ôm nhau trong miền bão táp đã lâu.

Như loài ốc sên xin trời tiếng nói
muốn được ngậm ngùi trên bãi cát nâu
và loài nhện già giăng tình trong ngục
cánh nhớ xa vời bóng hót năm châu.

Như loài da đen suốt đời ngồi khóc
bức tượng giữa đời máu chảy sau lưng
đứa trẻ sơ sinh đã mù đôi mắt
thương mồ hôi muối trên lỗ chân lông.

Đây loài da vàng ôm ghì súng thép
mắt đỏ nhìn quanh quê thuốc đạn bay
ôi cha — ôi má — ôi tình — ôi bạn !
hú vía ông bà cho sống đến nay.

MINH DŨNG

Huế 65

năm 1954

đêm xưa rừng rú cúi đầu
ngàn con suối rãnh năm châu chảy về
đoàn người rời bỏ thôn đi
mẹ già khóc thét chuyện gì thế con ?

MINH DŨNG

phiên gác

1

bây giờ ba giờ sáng
sương xuống đầy trên vai
gió lạnh đầy trên tóc
và bóng tối phủ vây
anh đứng ghì tay súng
nghe lá rừng xôn xao
bỗng thềm từng khối thuốc
và thấy buồn nao nao...

2

bây giờ ba giờ sáng
em ngủ ngoan rồi sao ?
giấc mơ hiền nào đến
cho em mím miệng cười ?
lạy Chúa, đêm yên tĩnh
súng bom đừng rền vang
cho em tròn giấc đẹp
(ơ! giấc mơ hiền ngoan!)

3

bây giờ ba giờ sáng
sương xuống đầy trên vai
anh đứng ghì tay súng
nghĩ nhiều về tương lai
và cuộc chiến tranh này
bỗng đứng buồn muốn khóc
còn lâu lắm em ơi !
mặt trời chưa muốn mọc
mình xa nhau suốt đời.

4

bây giờ 3 giờ sáng
đêm đen, vô cùng đen...

ĐYNH TRẦM CA

(Thủ làm người)

còn gì để lại cho em

1

còn gì để lại cho em
nín đi những hận, nói thêm thẹn lời
còn gì để lại cho tươi
còn gì để lại cho người, cho thơm
còn gì cho chuỗi bà hương
cho xôi nếp một, cho đường mía lau
còn gì để lại em đâu
ôi non cao với biển sâu nghìn trùng

2

bây giờ còn có chi không
cho em lệ mặn máu hồng quanh nôi
cho em bom đạn tuyết vời
dặm thêm nốt nhạc điệu hời mẹ ru
khung trời tiên của trẻ thơ
cho em trái sáng đèn bù trắng sao
(kẹo em ra đứng bờ ao
trông cá cá lặn, trông sao sao mờ
em buồn — con nhện giăng tơ)
cho em bầm sáu ngọn cờ em treo
chà, cho em biết bao nhiêu
cho em như thế có nhiều không em

3

cho em non nước đôi miền
con dao xẻ nửa con tim mẹ nghèo
cho em ghềnh đá cheo leo
đường qua xứ nội những đèo cùng sông
cho em xác mẹ ngoài đồng
xác cha ngoài nội, xác ông sau nhà

cho em mười bãi tha ma
bắt buông cỏ lạnh tỳ bà gió lay

4

cho em đôi cánh tàu bay
đôi chân tàu lặn, đôi tay tàu bò
cho em họng súng thật to
trái bom thật lớn, cái mìn thật dày
cho em son phấn đời nay
để em trang điểm những ngày lấm lem

5

cho em hè phố mưa đêm
cho em ngõ hẻm ngọn đèn lắt leo
cho em đồng rác làm đèo
bãi phân làm núi, em trèo em chơi •
cái rãnh thì làm biển khơi
lá khô rác vụn em bơi làm thuyền
xung quanh những tối cùng đêm
cho em rạp hát để em làm ngày
để em «nhạc ý kèn tây»
cây da bền cũ quên ngày ấu thơ
còn chi mà ước mà mơ
mà trông mà đợi mà chờ hỡi em

6

cho em cái bị xin tiền
cho em cái gậy cho em ăn mày
cho em ba vạ «thằng tây»
ba muôn «thằng nhật» ngày rày em xin
cười đi em, cười đi em
cho em như thế, cả miền thanh lâu

7

trong em còn chút tự hào
chút sâu của biển, chút cao của trời

chút thao thức phận làm người
chút trinh bạch của nụ cười việt nam
thì, nhân danh chữ bình an
cho em nhuộm trọn thân chàm tự ty
để em mặt cúi chân quỳ
thân lươn thoi có quần gì bùn đen

8

thế là tất cả cho em
bao nhiêu ân huệ trước đèn tây minh

TRỤ VŨ

kẻ chờ đợi nhẫn nại

khí mặt trời mọc lên tôi sẽ đào một cái hầm
rồi rủ anh em xuống nằm dưới đó
chờ mặt trời đi thức dậy lang thang
không nói gì hết mà chỉ biết cười
hai mươi năm rồi tôi đào rất nhiều cái hầm
trốn hoài nên giờ mệt mỗi chán nản
thôi nằm ngủ đây với nắng và gió
chim chóc vô tình kéo nhau bay qua
ôi thân phận này như rong như rêu
ôi thân phận này như đất cát
sỏi đá trên rừng nằm im buồn thiu
tôi cũng buồn theo nên chỉ biết cười
rồi ngày cũng qua rồi ngày cũng đến
có tiếng khóc của mẹ già có tiếng khóc của trẻ nhỏ
mỗi sáng mở cửa nghe tin người chết
nghe hoài nghe hoài không biết làm sao
khi mặt trời mọc lên tôi sẽ đào một cái hầm
rồi sẽ nhắm mắt đứng yên ở đó
chờ nỗi rủi may như chờ người yêu

NGUYỄN MẠNH SONG KA

Qui Nhơn 1966

lời xin với trời

xin một tiếng khóc trẻ thơ trên chiếc xe   mang xác
người cha

xin những vì sao sáng hoải như một trời đèn màu

cho lãng quên đến thật mau trên vành khăn tang người vợ

và cho những tiếng cười sống lâu ngàn năm

xin những cánh hoa nở đầy dưới biển nở đầy trên rừng

cho những cuộc chém giết bớt buồn

cho những kẻ nằm xuống nhắm mắt yên lòng

và cho những kẻ chiến thắng hái về tặng người yêu

xin những cánh đồng bỏ hoang chín đầy lúa vàng

xin những căn nhà bỏ hoang buổi chiều có khói

đề chiếc lưng mẹ già đỡ còng

đề những đứa trẻ sinh ra có một quê hương

xin những con chim nhỏ bay về thật nhiều ca hát

xin những cánh rừng mọc lá thật nhanh    

đề mùa thu có những con nai mang cặp mắt em

và đề những con suối ngàn đời nói chuyện thì thầm

xin cho mỗi người có thêm một quả tim có thêm một con mắt

đề nhìn nhau và đề thương nhau

và xin cho tôi có thêm một bàn tay dịu em

đề hai tay kia ở không vượt mặt kẻ thù

NGUYỄN MẠNH SÔNG KA

Qui nhơn

1966

tiếng động mùa xuân

một chín sáu sáu
đó là vinh dự cho những loài sâu
thích lá non đọt mới
thích nắng vàng sưởi ấm
qua những cuộc mộng du lớn lao
tâm hồn quay về an nghỉ
nhưng chỉ là sự mệt mỏi và già cỗi

•

xin đừng hỏi tại sao
khi thấy hoa vẫn chưa nở cho mùa xuân mới
khi thấy những đồng rác là phương tiện
sinh sống cho bà già con trẻ
những hộp lon bị khóa động lèng keng tạo thành
những điệu nhạc mới cho thời đại
mà âm thanh sẽ không mất trong lòng người

•

xin đừng hỏi tại sao
nếu có người không biết bây giờ là ngày mấy tháng mấy
thời gian chỉ được đo lường bằng sự đau khổ
ngày hay đêm không cần thiết
xin đừng nhìn cánh đồng bằng con mắt của kẻ nhàn du
chỉ là cỏ hoang và gốc rạ
những mái nhà tranh càng thêm thấp xuống
con cò bay qua thản nhiên và ngơ ngác
như kẻ lữ hành cô độc
cũng xin đừng tưởng đó là cuộc vui
khi ban đêm nghe tiếng mõ tiếng trống khua vang
đèn đuốc sáng trưng như ngày hội

một chín sáu sáu
và mây hiểu gì
khi mây nghĩ đến mây
con chim chưa đủ lông đủ cánh
tay buông xuôi mà nói chuyện đất trời
những lần mơ hóa bướm
những lần ước thành tiên
bây giờ
mây cũng vẫn tắm thân tàn ma dại
sáng Hội an, chiều Vĩnh điện dật dờ
năm ba chữ không làm nên sự nghiệp
đôi mắt nhìn chưa hết vẻ ngây thơ
vẫn bốn bức tường giam thân lớp học
trang giấy còn chờ đợi những lời khuyên
tiếng thầy giáo buồn trong giờ sử địa
những phân tranh chia cắt khắp miền
vẫn người con gái tay đeo vòng cầm thạch
mỗi sáng mỗi chiều còn gọi tên nhau
cho quên đi bao niềm chua xót
mùa xuân ơi tuổi trẻ biết về đâu ?

●

xin đừng hỏi đừng nói
hãy sống bằng hơi thở miền nhiệt đới
hãy suy nghĩ
một chín sáu sáu

NGUYỄN NHỎ NHƯƠN

tôi vẫn tin rằng

cho L. và NG.

1

tôi viết bài thơ này hôm nay
em bé ơi em bé ơi hãy cười lên nhé
dù đàn dế mèn nội cỏ không còn
dù hôm nay mây bão ùn trời
súng găm quĩ thét
tôi vẫn tin rằng có một ngày mai

tôi viết bài thơ này hôm nay
mẹ già ơi mẹ già ơi xin người yên ngủ
dù niềm ưu tư trắng từng sợi tóc
dù chiến tranh cướp mất nụ cười
ruộng vườn héo úa
con vẫn tin rằng có một ngày mai

tôi viết bài thơ này hôm nay
người yêu ơi người yêu ơi xin em đừng khóc
dù lá tình thư hoen mờ nước mắt
dù súng gươm chia cắt niềm thương
người người xa lạ
tôi vẫn tin rằng có một ngày mai

tôi viết bài thơ này hôm nay
quê hương ơi quê hương ơi xin bừng sức sống
dù cắt chia ngăn chặn vẫn còn
dù máu đào xương trắng còn phơi
tù đầy chết chóc
tôi vẫn tin rằng có một ngày mai

2

lời thơ lời thơ tôi xin thành cuồng phong
lời thơ lời thơ tôi xin thành nước lũ
lời thơ lời thơ tôi xin thành phần nộ
cuốn phăng đi bóng tối giữa người người

tháng ba một chín sáu sáu

LÊ GIA TRUNG HẬU

thiếu sơn

VĂN HÀO Georges DUHAMEL con người lương thiện

CẢ thế giới đều đã hay tin văn hào Georges Duhamel tạ thế, hưởng thọ 82 tuổi. Ông có chôn trong viện Hàn Lâm Pháp, làm chủ tịch Viện Hàn Lâm Y khoa và mới được mời về Viện Hàn Lâm Khoa học Đạo đức và Chánh trị. Ông đã để lại trên một trăm tác phẩm trong đó có những sách rào rạt tình thương nhân loại và những thiên biên khảo có giá trị. Ông mất đi, nhân loại mất một nhà văn nhân bản, nước Pháp mất đi một thiên tài.

TÔI đã từng là độc giả của ông, biết ông là một con người lương thiện, thích sự trong sạch ở câu văn ở tư tưởng, ở tâm hồn. Ông không thích người ta dùng những câu văn tối nghĩa, có những tư tưởng tối tăm và có tâm hồn mờ ám. Ông không phải là một nhà văn tiến bộ theo quan điểm của chúng ta bây giờ, nghĩa là tả khuynh có lập trường xã hội. Ông vẫn cho ông là con người bảo thủ, thuộc

thành phần tư sản. Nhưng ông ghét bạo lực, ghét chiến tranh, ghét văn minh cơ khí và thích nếp sống thanh tịch, u nhàn nó làm cho con người lương thiện, thanh cao không nô lệ cho vật chất. Cái mà ông ghét nhất là cái máy thâu thanh, ông không gọi là TSiF mà ông gọi là Téheff một cách ngạo nghễ và khinh bỉ. Ông cho rằng việc sáng chế ra cái máy thâu thanh là một tai họa ghê gớm cho loài người. Người ta bắt nghe hết dài này tới dài khác rồi người ta đâm ra cuồng loạn, cuồng loạn về tin tức, về luận điệu tuyên truyền mỗi nơi một khác, có khi lại tương phản lẫn nhau. Không có máy đó đời đã ồn ào lắm rồi, thêm cái máy đó đời còn ồn ào thêm nữa, làm sao có sự yên tĩnh để trầm tư mặc tưởng, để sống với lòng ta. Ông ghét sự ồn ào mà phải bắt buộc sống trong ruộc sự ồn ào tàn khốc, là cái ồn ào của chiến tranh có sự va chạm của sắt thép, có những tiếng nổ của bom đạn và theo đó có những tiếng rên siết hãi hùng của những chiến thương mà

ông phải săn sóc. Ông làm quân y bác sĩ, ông đã hàn gắn những vết thương đau cho đồng loại của ông, ông được chứng kiến những cảnh hãi hùng của chiến trận, ông càng tha thiết với sự sống và càng muốn cho nhân loại được sống yên lành trong tình tương thân tương ái. Ông đã viết sách viết báo lên án những cảnh tương tàn tương sát và đề cao tình nhân loại nên người ta mới cho ông là một nhà văn nhân bản. Văn nghiệp ông càng ngày càng phát triển rõ ràng và bắt buộc ông phải từ bỏ nghề bác sĩ để cống hiến tất cả thì giờ và tâm trí cho sự nghiệp của nhà văn. Ông còn chủ trương một tạp chí có uy tín là tờ *Mercure de France*. Trong tạp chí này có đăng bản dịch của tập thơ *«chinh phụ ngâm»* do một thanh niên trí thức Việt Nam là ông Hoàng xuân Nhị. Ông Hoàng xuân Nhị đậu Tán sĩ Triết học, sau về nước và đi khu.

BIẾT rằng ông Hàn G. Duhamel là một trong số những nhà văn Pháp được giới trí thức Việt Nam hâm mộ nên cao ủy Bollaert đã mời ông qua chơi Việt Nam vào khoảng năm 1948. Ông được mạng danh là một sứ giả văn hóa và Cao ủy Pháp hy vọng rằng ông sẽ lôi kéo được giới trí thức ở Việt Nam. Hy vọng đó đã thành đạt được phần nào vì những nhà trí thức mà Cao ủy Pháp giới thiệu với nhà văn hào đều có một giọng điệu chung là tỏ lòng trung thành với «mẫu quốc» và lên án gắt gao bọn «phiến loạn» là những kẻ bất mãn, những kẻ thất học hay vô học, những kẻ có tiền án,

những kẻ bị loại ra ngoài xã hội và pháp luật. Ông lão thật thà đã tin họ phần nào nhưng ông không thích nghe một tiếng chuông và bằng lòng cho một số trí thức khác tiếp xúc. Những người này không chịu ảnh hưởng của Cao ủy phủ và đã nói sự thật cho ông nghe. Và sự thật là họ một lòng, một dạ với kháng chiến, họ tán thành cuộc tranh đấu của toàn dân và họ có rất nhiều bạn bè ở bên kia lằn mức. Ông lão kinh ngạc và sức nhớ tới một thanh niên Việt Nam mà ông đã gặp ở tòa soạn tạp chí *Mercure de France*. Ông tả hình dáng người thanh niên đó và nói tới bản dịch *«Chinh phụ ngâm»* mà ông đã cho đăng lên tạp chí của ông.

Ông nói ; *«Nó thật là thông minh «dĩn ngộ và rất đáng yêu. Tôi còn n «nhớ nó, muốn gặp lại nó, mà nó bây giờ ở đâu »* Tôi biết là ông muốn nói tới anh Hoàng xuân Nhị nên vội vàng nhắc tới tên anh và nói : *Hiện bây giờ anh đang kháng chiến ở trong khu.* Tôi còn nói thêm là ở trong khu những người trí thức như anh Nhị không thiếu gì.

Nhà văn hào coi bộ suy-nghĩ nhiều vì ông đã biết rằng người ta đã dối ông vì không phải chỉ có bọn người bất mãn, bọn người vô học đi làm giặc mà còn có rất nhiều người có học thức, những đứa con tinh thần của Pháp cũng theo giặc để chống lại «mẫu quốc». Thế là thế nào ? Và ông cũng đủ thông minh mà hiểu rằng đây không phải là một cuộc nổi loạn tầm thường và đây là một cuộc kháng chiến của toàn dân toàn quốc muốn thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp

và muốn giành lại độc lập cho xứ sở quê hương. Hơn nữa, đã có những người trí thức ở trong đó và lại cũng có nhiều trí thức ở lại Saigon về phe với họ thì phong trào này cũng đáng cho ông phải lưu ý. Cổ nhiên một người lương thiện như ông không thể không có một thái độ xứng đáng. Ông không thể về phe với thực dân và những bọn tay sai của họ. Ông nói : « Tôi muốn gặp lại Hoàng xuân Nhị, tôi nhớ nó, làm sao cho tôi gặp nó » .

Tôi cho ông biết rằng anh Nhị không thể bỏ nhiệm vụ mà về thành, gặp một người Pháp là thượng khách của Cao ủy phủ vậy thì chỉ còn một cách là mời ông ra khu. Ông sẽ gặp lại Hoàng xuân Nhị và còn gặp thêm nhiều người khác nữa có thể noi chuyện với ông bằng tiếng Pháp mà không cần thông ngôn. Ông sẽ thấy rõ tất cả sự thật và kiểm được vô số đề tài. Lẽ tất nhiên là ông không thể đi được vì ông đã già yếu lắm rồi và ông không thể làm mất mặt ông Cao ủy Pháp là người đã mời ông qua đây và chịu mọi phí tổn cho ông trong chuyến du lịch này. Ông đành gửi lời thân ái chào anh Hoàng xuân Nhị và chúng tôi hứa với ông rằng chúng tôi sẽ chuyển đạt ra khu lời chào thân ái của ông.

Ở Saigon hồi đó có một tổ chức gọi là « *Liên hiệp lao động trí óc* » qui tụ một số đông những trí thức làm nghề

tự do như Luật sư, Giáo sư, Dược sư, Bác sĩ và những nhà văn, nhà báo hầu hết là những người thân kháng chiến. Tổ chức này đã làm một tiệc trà đãi văn hào Duhamel. Một nhân sĩ đã đứng lên thay mặt anh em chào mừng vị sứ giả văn hóa của nước Pháp. Trong bài diễn văn của ông tôi còn nhớ những lời này ; « *Tôi là một người xuất thân ở trường Pháp, tôi có vợ là một phụ nữ Pháp, tôi nói tiếng Pháp dễ dàng hơn nói tiếng Việt, tất cả đều khiến cho tôi gần với nước Pháp nhiều hơn là đồng bào của tôi. Nhưng chánh sách của nước Pháp ở Việt Nam làm tôi càng ngày càng xa nước Pháp. Hơn nữa đồng bào của tôi tỏ ra xứng đáng và anh hùng trong cuộc tranh đấu chống thực dân chủ nghĩa để tranh thủ tự do và độc lập. Tôi cũng phải tỏ ra xứng đáng với họ mà không thể không đứng vào hàng ngũ của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến này... »*

Nhà văn hào Pháp tỏ ra ngậm ngùi và đã trả lời đại khái như sau :

« *Các anh nói tiếng Pháp rất hay. Một điểm đó cũng đủ cho nước Việt Nam xứng đáng được độc lập. Vì nước Việt Nam đã có một giới trí thức thừa sức lãnh đạo đất nước của các anh. Nước Pháp có hân hạnh đã đào tạo ra các anh, nước Pháp có bổn phận phải trả độc lập cho các anh. Nhưng công việc đó lớn lao quá, chắc chắn là cũng phải mất đôi chút ngày giờ. Các anh đừng nóng nảy. Tôi là một người ưng họ*

chánh nghĩa của các anh. Và nhân dân Pháp, những người Pháp lương thiện cũng không thể có một lập trường khác được...

Có một nước bạn của chúng tôi i công kích chúng tôi là thực dân. Nhưng chính nước đó đã tiêu diệt người da đỏ và ngược đãi người da đen sống trên đất nước của họ. Và như thế thì họ không có quyền giảng luận lý cho chúng tôi. Cái quyền đó chỉ các anh được có mà thôi... »

Nhà văn hào còn nói nhiều hơn nữa nhưng tôi không cần phải nhắc lại đầy đủ một câu chuyện đã thuộc về

dĩ vãng. Tôi chỉ thêm rằng sau khi về Pháp văn hào Georges Duhamel đã nói và viết ra tất cả sự thật mà ông đã thấu lượm được ở Việt Nam. Cố nhiên là ông không đứng hẳn về phe kháng chiến và cũng có những dè dặt theo con mắt khách quan tư sản của ông. Nhưng ông đã thành thật nhìn nhận cái chánh nghĩa của ta và tự hào về ảnh hưởng của văn hóa Pháp đối với giới trí thức Việt Nam.

Tôi ngâm ngùi thương tiếc ông không phải vì ông là một nhà văn có đại danh trên thế giới nhưng vì ông là một con người lương thiện.

vùng tử ngục

của THÁI LUÂN

Tập thơ mà mọi người yêu thơ và yêu Việt Nam cần tìm đọc.

nguyên dung

TRẢ VÊ

1953

— DUNG hỏi tại sao tôi đi lính.

Bộ anh tưởng tôi không ghê
tởm chiến tranh sao ?

Đến đây, Dung bắt đầu kể lại những kỷ niệm của mình trong chiến tranh. Ông kể về những ngày đầu tiên đi lính, về những khó khăn, vất vả mà ông phải trải qua. Ông kể về những người bạn đồng hành, về những người anh em trong chiến trường. Ông kể về những lần ông bị thương, về những lần ông cứu người khác. Ông kể về những lần ông thấy máu chảy, về những lần ông thấy người khác chết. Ông kể về những lần ông thấy những đứa trẻ bị tàn tật, về những lần ông thấy những người phụ nữ bị hiếp đáp. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị giết, về những lần ông thấy những người lính khác bị bắt. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị hành hạ, về những lần ông thấy những người lính khác bị tra tấn. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị treo cổ, về những lần ông thấy những người lính khác bị bắn. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị chôn sống, về những lần ông thấy những người lính khác bị đốt sống. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống biển, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống sông. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống núi, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống vực. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống hố, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống hầm. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống giếng, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống ao. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống ruộng, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống đồng. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống rừng, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống núi. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống sông, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống biển. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống trời, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống đất. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống nước, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống lửa. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống gió, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống mưa. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống tuyết, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống sương. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống nắng, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống bóng. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống tiếng, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống im lặng. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống màu sắc, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống âm thanh. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống hương vị, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống cảm giác. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống suy nghĩ, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống cảm xúc. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống tâm hồn, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống thể xác. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống linh hồn, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống xác thân. Ông kể về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống tất cả, về những lần ông thấy những người lính khác bị ném xuống không gì.

Tôi bỏ ra ngoài, trời thật dễ chịu.
Đóng sầm cửa lại để ngăn tiếng léo
nhéo của ông anh. « Mày thật khùng ! »
Cũng được, tôi có lý do đề khùng.
Ý hẳn trả lời câu hỏi của anh là hết
khùng đó hả. Có ai thật sự trả lời

cho ai đâu. Tôi thì không muốn vay
mượn. Nợ chất chồng nhiều rồi, nào
tư tưởng, nào quan niệm, nào từ ngữ
đủ thứ, nó đè nặng tôi, bao vây tôi,
giết chết tôi, chưa đủ sao ? Giả sử
tôi bảo anh rằng tôi thất tình, rằng
tôi chán cuộc sống đều đặn này, anh
có tin nổi không. Tôi thì tôi không
tin nổi rồi. Nó góm ghiết, nó bị nhai
đi nhai lại nhiều rồi, tôi không hiểu
nó nữa không quen nó nữa, làm sao
tôi có nó.

Tôi bước xuống cầu thang. Trời
lạnh và sương mù dày đặc, tôi quên
không mang áo len, quên võ trang cho
mình và cũng không muốn, bao giờ
cũng thế, từ lúc lọt lòng mẹ đến lúc
biết nhìn cuộc đời. Có mấy ngọn đèn
đường cũng tắt nốt. Tôi cũng không
thấy bức dọc, còn có ánh trăng lơ
mờ. Hôm qua trời mờ hơn nữa, thằng
Minh chửi tôi một trận. Nhưng tôi không thấy

ngốc 它已經栽倒了，而且它不能
再站起來了。 Nó đã nhào lộn và nó không

đi dễ đuổi theo mình. Hy vọng một lúc nào đó, giờ khắc khung cảnh thích

ngốc 蠢 笨 愚 昧 不 明 事 理 的
[蠢] Nó đã nhầm lẫn và nó không

nhớ lại những đứa con trẻ của họ ở xứ sở ? Còn tôi cười vì không thể nín được trước một hoạt cảnh thái bình như thế. Tôi vốn không biết phân biệt loài người và nếu một người Nga, người Tàu hay Mỹ thay thế vào địa vị của người Pháp tôi vẫn cứ cười được. Tôi không muốn căm thù ai, căm thù làm cho mình cần cỗi và cô độc. Ai cũng muốn kiến tạo cả, không ai muốn tàn phá bao giờ, và chiến tranh gây ra đâu phải vì ý muốn tàn phá của con người. Ngày nay tôi lên đường. Sự thật thì không có gì quan trọng để đáng gọi là lên đường cả. Tôi chỉ làm những bước đi đã được dự tính sẵn từ lúc ra đời. Tôi không tin có số mạng, định mạng chỉ là một danh từ tự an ủi của những kẻ không chịu đựng nổi sự thất bại. Không có trời đất gì dự tính bước đi của tôi cả, chỉ có con người ; chính vì là con người nên tôi đã được dự tính. Bởi vì người ta tưởng lầm rằng họ có khả năng quyết định cho họ, nên họ thấy khổ đau, thất bại, mọi ngã đường đã có sẵn, tôi chỉ còn bước. Đường nào cũng có thể dành cho tôi được, không ngổ nào tốt hơn hay xấu hơn. Vả chẳng từ nhỏ tôi đã từng bước vào bao nhiêu con đường nào có bao giờ lựa chọn ? Chưa khoác vào mình bộ áo lính, chưa bước một bước giầy, ấy mà bao nhiêu người chịu kéo tôi lại. Điều đó cũng không làm tôi khó chịu hơn hoặc quả quyết hơn.

Đêm càng hạ nhiệt độ. Tôi bước vào quán cà-phê. Máy bản nhạc ngoại quốc rì rào. Uống một cốc sữa, nhìn mọi vật mọi người chung quanh, tôi nghĩ đến My và cảm thấy mình hơi mệt mỏi.

TÔI xô cửa vào phòng. My vẫn nằm yên trên giường, đầu ngược lên nhìn ra. Tôi bước lại ngồi trên mép giường và cúi xuống hôn nàng, môi người con gái run rẩy dễ mê. Tôi đỡ My dậy xiết chặt bộ ngực nàng vào lòng. My yên lặng cúi đầu như một đứa trẻ. Nàng nói nho nhỏ : « anh đi ngoài trời, lạnh lắm phải không ? » « — ừ, anh đi lang thang, qua phố, ghé quán cà phê vào công viên và đến em ». « Lần sau anh đừng lang thang nữa đi thẳng tới em có hơn không, em cứ tưởng anh thất tình cô nào ». Tôi cười « anh muốn xem thử thất tình ra làm sao mà vẫn chưa được. My này hôm nào em bỏ anh, em đuổi anh ra khỏi phòng này thử xem ». My ngoáy đầu vào cổ tôi làm nũng : « Bậy nà, anh bỏ em thì có » My nói đúng, tôi có hứa chung tình với nàng bao giờ đâu. Hứa hẹn trước là một điều bậy cũng như người ta bói quẻ tương lai. Tôi thích thực tế. Tôi yêu My bây giờ nhưng tôi không cười nàng bây giờ được. Tôi vẫn còn sống cho tôi nhiều năm nữa và My thì không thể chờ đợi. Câu chuyện không có gì vô lý cả. Từ lúc tôi gặp Liên trên đường đi học và quen Liên. Hôm sau tôi đến nhà gặp nàng và My cùng ở chung một phòng trọ. Tôi và My yêu nhau cũng là chuyện thường. Liên có giận hờn hay không tôi cũng chẳng để ý đến. Ngày mai tôi đi lính, chắc gì My và tôi còn yêu nhau ? Dùng một lời hứa để trói buộc mình là một điều ngông cuồng, bởi vậy tôi không cho My hứa hẹn. My hỏi tôi « anh nghĩ gì đó ? » « My đừng biết, mệt anh và cả My. Liên đâu ? » « Nó đi phố, anh hay hỏi thăm

nó, em ghen» «— Liên không nói thế khi anh hỏi thăm My.» My yên lặng. Một chặp.«Anh sắp nhập ngũ ? » «— ừ, ai nói với em ? » «— thằng bạn của Liên nói. Sao anh không nói với em ? » «có gì quan trọng ? không lẽ anh ăn cơm, anh hút tóe, anh đi ngủ, anh thèm muốn cũng nói với My bết à ? » My cào tay vào lưng tôi «anh kỳ cục và tàn nhẫn, My giận anh mấy ngày» «— Đừng thèm giận anh nữa». My yên lặng úa nước mắt. Cánh cửa phòng mở ra và Liên vào. Liên nói «chào chuẩn úy» rồi nín bật. My lúng túng gỡ vòng tay tôi nhưng tôi ghi chặt nằng hơn và cúi đầu cắn đôi môi nóng ẩm run rẩy của nằng thật lâu. Khi tôi ngừng đầu lên thì Liên đã ngồi yên trên ghế ngó ra cửa. My dựa hẳn vào mình tôi không muốn cử động. Tôi bảo Liên : «Trời lạnh, Liên nên khuấy sữa uống và làm ơn cho anh một ly» Liên yên lặng, My cũng yên lặng. Tôi đỡ My nằm xuống, nằng không có phản ứng. Tôi đi lấy sữa và cắm điện đun nước.— «Liên trẻ con, hãy lại nằm với My đi My ngồi dậy nhìn Liên và Liên cười với nằng. My chạy lại khuấy sữa. Tôi cười «có thể chứ ! » Liên nguýt tôi «ông tướng làm tàng, hóm nào ra trận Liên chúc anh bị thương»— «Bị thương hay chết mà Liên cũng chúc làm gì.» My ngừng đầu lên: «Liên ác lắm, lại muốn My khóc à ? » Liên cười to. Tôi cố gắng nghe giọng cười của nằng và tôi cảm thấy hài lòng. Đừng xem chuyện nào cũng quan trọng cả nghe Liên ! nghe My ! bao nhiêu người buồn bã tuyệt vọng vì những câu chuyện quan trọng không ra gì. Đừng bắt em khổ, em buồn, anh khổ, anh buồn, Người ta đã khóc than nhiều,

buồn bã nhiều, thất vọng nhiều. Nhảm lắm, chán lắm. Anh muốn vui, muốn hăng hái, muốn tin tưởng lẫn vào cuộc sống, em cũng thế nghe Liên ! nghe My !

oOo

SÚNG nổ liên hồi. Tôi cầm đầu chạy.

Thân thể con người nặng chịch đè xuống lưng xuống cổ, tôi vẫn băng rừng chạy không ngó trước ngó sau. Chắc Thu đau lắm vì cây cối lướt trên đầu tôi, bèn tai tôi, đập vào mình nó. Ráng chịu nghe Thu, tao không muốn thế, mày cũng không muốn thế. Không ai muốn vậy cả. Chỉ vì chúng mình là con người, mà con người thì phải gặp thử thách. Tôi hoa mắt, rã rời thân thể. Bàn chân nặng trĩu ném tôi và Thu ngã vật xuống đất. Tôi tỉnh dậy rất mau. Tiếng súng vẫn nổ dồn dập nhưng vang dội từ xa. Đẳng đó; bọn nó bắn nhau giết nhau. Bắn nhau, giết nhau là thành qui luật giản dị, hai thằng người cầm súng mang hai màu cờ khác nhau, gặp nhau phải bóp cò, có thể thôi. Rồi chết chóc rồi nước mắt bà con gia đình đổ xuống lại thuộc qui luật khác. Và những lời kêu gọi đình chiến, hòa bình lại có qui luật của nó. Tất cả đều là những qui luật. Sống là sống trong những qui luật cho nên cuộc sống tự nó vốn không ác không thiện, không buồn bã, không chán chường. Tôi, Thu, Liên, My, và cả thằng địch vừa bắn ngã Thu cũng thế. Tôi cúi xuống mặt Thu lay gọi nó. Mặt nó đỏ, tái mét nhưng vẫn bình thản. Có chuyện lạ gì mà hoảng hốt. Ra trận, bị đạn, đó là qui luật. Đồng ý theo qui luật như tôi như nó thì bị thương chết chóc phải có. Nó vẫn im lìm. Tôi phun nước bọt vào

mặt nó thay thế nước lạnh. Tôi nghe khô cổ và rát bỏng. Chiến đấu từ ba giờ chiều, tôi mệt, đói và khát. Vẫn được một ít nước bọt rải trên mặt Thu. Quả là con người không có gì gọi là tuyệt vọng cả. Chập sau Thu cựa mình mở mắt nó nhăn mặt vì vết thương và nhìn tôi mỉm cười. Tôi cúi xuống mặt nó : « mầy ráng chịu một chút, có người cứu mai mình về, mầy được thăng chức, bội tinh, tiền lương... » Tôi nín luôn, nó vừa chửi vào mặt tôi « chó ! » Ừ chó thật, mầy sắp chết rồi đó mà tao cứ tưởng mầy thêm sống thêm danh. Nó vốn vui vẻ chiến đấu nhất và vị thế tôi quen nó. Tôi quen nó và muốn giản dị dễ dàng như làm quen với một cái cây, tảng đá kề mình, và công nó chạy như công một thầy người không quen không lạ. Ừ, vì thế tôi không hiểu nó, biết nó. Tôi gọi nó lại, bắt nó mở mắt ra lờ lờ mệt nhọc. « Tao xin lỗi mày, Thu ». Nó nhăn mặt lần nữa và mệt nhọc nói với tôi : « Nói dùm với mẹ tao, không phải người ta muốn giết tao. Một viên đạn nổ, tao chết, mầy thấy không, đầu có phải thẳng đó sướng ích gì. Chút nữa tụi nó đem xác tao về. Minh thua thì tụi địch chôn, không sao cả. Mầy coi cho tụi nó đi chứ.



Nó đoán đúng, chập sau hai trung sĩ chạy lại tìm tôi : « Em đi tìm thiếu úy. Thiếu úy đốt lửa, không sợ địch sao ? » Tôi chỉ xác chết của Thu và nói với nó : « Đốt lửa cho các chú thấy chứ. » Hai đứa nó nói với tôi trận đánh đang gay go thêm, một vài thằng thiếu úy chết nữa. Tôi ừ vì còn

nghe tiếng súng. « Các chú kiêng nó về. » Tôi xách súng trở lại trận. Đi vào trận mà như đi vào nhà. Tôi biết mình bước vào cõi chết, không cần biết chết cho tổ quốc, cho dân tộc, cho tự do, cho nhân loại gì cả. Tôi đi vào cõi chết và hình như tôi không tin rằng mình tuyệt vọng. Ít nhất và có thể nhiều nhất, người ta còn cảm thấy mệt nhọc đau xót khi bấm cò. Tôi muốn thấy nước mắt của thằng Liêm khi quạt ngã từng loạt người. Tôi muốn thấy chiếc mồm há hốc của tên địch khi bắn ngã Thu và không thấy tôi bắn lại. Tôi muốn thấy vài tên địch cầm đầu chạy chết và thằng Quang thằng Tuấn đứng lặng lẽ nhìn theo không nheo mắt bấm cò. Tôi muốn thấy nhiều lắm. Những học đường lụp xụp tôi tàn với ông thầy già đứng lặng buồn nhìn đoàn lính đi qua. Những mái nhà siêu vẹo với những bà cụ ráng sức loay hoay chống đỡ. Những em bé dại khờ nói cười liên tục trong từng làng cây bóng mát. Những tiếng khóc to cương quyết của trẻ sơ sinh. Tôi xách súng trở lại trận chiến. Tôi không muốn giết thêm vài tên địch làm gì, trong thời chiến tranh này không ai muốn giết ai cả. Tôi xách súng lao vào vòng chiến và hình như tôi cảm thấy mọi vật, mọi người đều có linh hồn. Tôi tìm thấy đôi mắt hiền hòa ngay trên đầu con dã thú. Tôi tìm thấy giọng reo hò trong tiếng kêu của cuộc mùa hè. Tôi muốn hòa mình vào linh hồn vào đôi mắt vào giọng reo hò đó. Tôi chạy thẳng vào từng loạt âm thanh dữ dội. Súng đạn, chết chóc, nghèo khổ, rét mướt. Tôi thù nó nhưng không phải tôi sợ nó. Không vì lẽ gì người ta lại nhìn nó đề

rầu rĩ ảo não chán chường tuyệt vọng. Sáu mươi năm sống, người ta dành hai mươi năm để ngủ, có thể được, nhưng không thể dành hai mươi năm để đứng yên than vãn và tự sát. Tôi ghét nhóm người đó và tôi thấy xót thương họ. Những tiếng kêu hoảng hốt xô ngã tôi xuống đất. Từng loạt đạn réo ào ào trong cành lá. Tôi chĩa súng đến trước và tự động bấm cò. Tôi nghe như tiếng mưa của cơn giông gió nào đó tưới lên mảnh đất khô khan này. Tôi thấy từng thấy người gục ngã và muốn tìm thẳng Liêm thẳng Tuấn thẳng Quang. Tôi nhòe dậy rồi thấy đau nhói

ở vai. Sự đau đớn giứt mất cây súng của tôi và đẩy tôi té xuống, chắc viên đạn nào đó đã cắm vào vai này. Bị thương xoàng, tê cánh tay và chắc chắn không chết được. Tôi bỗng nghĩ đến Liên đến Mỹ, đến giọng nói cuối cùng của mình ở nhà nàng « Nếu anh không tìm được một niềm tin nào trong chiến tranh này, anh sẽ chết luôn ở đó. Ngược lại, anh sẽ trở về ngay với em, với ba anh, với bạn anh, rất nhiều bạn của anh để góp tay vào sự sống còn của dân tộc, của con người ». Và tôi biết rằng tôi sẽ trở về.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

NHẤT HẠNH

Bản thường 50\$

Bản đặc biệt với chữ ký của tác giả 120\$

NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI

PEARL S. BUCK, Nguyễn thế Vinh dịch

Bản thường 60\$

Bản đặc biệt với chữ ký của dịch giả 150\$

do LÁ BỐI XUẤT - BẢN

(Xin gửi bưu phiếu đề tên cô Cao Ngọc Thanh Chợt lớn sẽ nhận được sách)

SƠN NAM

câu chuyện sắt vàng

THỬ xem qua những quyển sách loại Bách khoa nói về lịch sử Á Châu hoặc lịch sử Đông Nam Á chúng ta không khỏi buồn tủi hoặc tức giận. Các sử gia Tây Phương nói rất nhiều về Ấn Độ, Trung Hoa, Ba Tư, Chiêm Thành. Riêng về nước Việt Nam họ nói quá ít. Nhiều sử gia giới thiệu nước Việt Nam bắt đầu từ đời nhà Nguyễn đến nay mà thôi !

Các sách khảo cổ xuất bản từ mười năm nay tỏ ra châu đáo hơn. Họ giới thiệu thời thượng cổ của bán đảo Đông Dương với những địa danh : Bắc Sơn, Đông sơn, Trà kiệu, Sa Huỳnh.

Tại vùng đất Nam Phần, bên kia sông Hậu gần mũi Cà Mau lại xuất hiện một địa danh mà chính người địa phương nghe cũng « điếc con ráy » : Oc — Eo. Xin viết rõ : OC — EO chứ không phải óc heo (theo kiểu « óc heo xào bơ » mà các tay nhậu rượu ưa chuộng).

Quý bạn đừng tìm địa danh OC - EO trên bản đồ Nam Phần cho tốn thời giờ. Đó là một địa danh « chết », một cái gò đất nhỏ bé ở chân núi Ba Thê.

Nói đúng hơn, Ba Thê là ngọn đồi nhỏ ở giữa Long Xuyên và Kiên Giang. Đồng bào vùng Cái Sắn thấy rõ núi Ba Thê này, khi trời ráo tạnh.

Theo thiển ý chúng tôi và có lẽ cũng là ý kiến của đồng bào địa phương nên gọi đó là « di tích núi Ba Thê » thay vì OC-EO. Nhưng các ông Tây đã đặt tên rồi và tên ấy đã trở thành « quốc tế » như trường hợp Poulo Dama, ile Tamatsu, ile Tekere, Poulo Obi, những hải đảo Việt Nam ở Vịnh Xiêm La. Thôi thì đành chịu vậy. Cái gọi là di tích OC-EO, ở chân núi Ba Thê.

Điều quan trọng là tìm hiểu di tích ấy và tìm hiểu vì lý do gì mà các ông Tây khảo cổ ưa đề cao vai trò của OC - EO, trên phần đất Việt Nam.

VÀO khoảng năm 1908, tình cờ trong lúc phá rừng trên núi Ba Thê, có người gặp một tượng Phật 4 tay bằng đá đặt sẵn trên bệ tự bao giờ. Nón 20 chục năm sau, các nhà khảo cứu đến tận nơi, xác nhận đó là tượng thần Vishnou của Ấn-Độ giáo. Căn cứ

vào kỹ thuật tạc tượng, các nhà khảo cứu phỏng định rằng nó có trước thời kỳ xây đền Đế Thiên Đế Thánh ở Cao Miên. Núi Ba Thê được chú ý, xem như là một trung tâm chánh trị, tôn giáo và kinh tế của nước Thủy chân Lạp. Từ chân núi ra đến Vịnh Xiêm La, còn vài di tích chứng tỏ xưa kia có một hệ thống kinh đào.

Người dân núi Ba Thê không được hân hạnh biết những giả thuyết thông thái đượm « triết lý nhân bản » bỏ vì lẽ họ phải đầu tắt mặt tối lo cây ruộng, cuộc rẫy. Thói thường của bọn thực dân là khinh thị dân bản xứ, tự hào cho rằng « ta đây là kẻ khai hóa, đem bỏ đuốc văn minh tới, không có ta thì phần đất này cứ mãi hoang vu lạc hậu ». Người dân Việt đến khai hoang tại núi Ba Thê đã tỏ thái độ khiếm tốn. Họ dư hiểu rằng ở xứ mưa nắng hai mùa, cây cỏ mọc nhanh không thể tưởng tượng được. Bất cứ vùng đất đã khai phá nào cũng trở thành rừng rậm hoang vu trong vòng 20 năm nếu không có bàn tay con người chăm sóc.

Núi Ba Thê đã được khai thác từ lâu rồi, trước khi họ đến.

Núi Ba Thê lại đứng cheo leo giữa vùng đất quá thấp ; mùa mưa nước sông Hậu Giang dâng lên cao, đồng ruộng bị ngập trung bình cỡ một hai thước tây. Xưa kia chẳng rõ thời nào núi Ba Thê là hòn đảo. Bây giờ đây núi ở xa bờ biển chừng 15 cây số ngàn đất phù sa vừa mặn, vừa xốp, thuộc vào loại đất « thiếu chân đứng » ; vỏ sò, vỏ ốc, xác ghe thuyền thường hiện ra khi đất bị cây cuốc. Đúng là... thương hải tang điền.

Núi nằm ngay lẫn ranh hai tỉnh Rạch Giá - Long Xuyên. Người Việt gốc Miên gọi nó là Puom Bat-Xăm-Ne « Xăm-Ne » là tiều tãng. Tục truyền rằng xưa kia, một ông sãi cả đến trụ trì tại ngôi chùa sát chân núi, với một chú tiều. Ông căn dặn : đừng bao giờ dùng chiếc đĩa bếp làm bằng cây thị lửa đề xới cơm. (Cây thị lửa sanh ra loại trái chín màu đỏ, thay vì màu vàng như cây thị loại thường.) Cây thị lửa này mọc trước sân chùa.

Vốn tò mò chú tiều thừa lúc vắng mặt ông sãi cả bèn ra sân chặt thử một nhánh thị lửa. Hỡi ôi ! Lúc chú xới đề thí nghiệm thì cơm trong nồi hóa ra đen. Sau đó, chú bị quả phạt, trốn đi mất dạng. Núi Ba Thê, núi Bat Xăm Ne, nghĩa là hòn núi có chú tiều tãng đi mất tích.

NÚI ở làng Vọng Thê, theo bản đồ hành chánh. Chưa ai giải thích thỏa mãn sự tích Vọng Thê ; phải chăng người xưa muốn đáp lại với hòn Vọng Phu ở miền Trung ? Vài người cho rằng, xưa kia tổ tiên ta gọi đó là núi Vọng Nhị Thê, nghĩa là trông ngóng người vợ bé. Những giả thuyết này được nêu lên, lúc khôi hài trà dư tửu hậu.

Điều đáng chú ý là Vọng Thê hoặc Bat Xăm Ne điều giống nhau ở nội dung ngóng trông, chờ đợi một người ra đi không về. Người ấy phải chăng là thần giữ cửa ? Cửa cái ấy phải chăng là vàng bạc châu báu ? Trên núi Ba Thê, có Sân Tiên, nơi... tiên xuống đánh cờ ; gần sân

Tiên, ngọn suối chảy róc rách được đặt tên là Suối Vàng ! Mặt suối lấp lánh chói ngời, mờ hồ như ánh sáng của vàng từ đáy suối rơi lên. Dân ở núi thường bàn tán : trong đêm thanh vắng thỉnh thoảng họ nghe tiếng chuông. . . vàng ngân nga từ lòng đất, từ âm phủ vọng về. Mấy ông lão người Việt gốc Miên quả quyết rằng. . . họ chẳng bao giờ nói láo : Trong giấc mộng... vàng họ thấy hai ông sãi bơi chiếc ghe độc mộc chở đầy những rương vàng. Họ đến chào hỏi. Chiếc ghe nọ từ từ chìm xuống đáy biển, tức là vùng nước bao la như biển cả xung quanh núi Ba Thê, khi mưa về làm đầy tràn sông Hậu.

Phải chăng vì dục vọng bị dồn ép mà họ bị ám ảnh ?

Nhiều người nói : Họ thấy tận mắt nhiều đốm lửa đỏ — màu đỏ của vàng màu đỏ đặc biệt — bay ngao du trên không trung. Lửa bay chậm chờn, nhiều đốm lửa « hăng hà sa số » di chuyển từ chót núi Ba Thê đến ngọn cây thị — cây thị lửa — mọc trên gò đất khá rộng cách xa chân núi Ba Thê chừng bảy tám trăm thước. Gò và vùng đất khá cao này mang danh là OC-EO. Cây thị lửa trên gò rất ít trái, trái quá nhỏ, ẻo uột. Phải chăng đó là cây thị lửa mọc trước ngôi chùa, nhánh nó đã làm đen nôi cơm của chú xam-ne thời của huyền thoại ? Hay là theo luật Ngũ Hành « kim khắc mộc », cây thị nọ vì mọc trên vùng đất có vàng nên rễ co quắp lại, trở thành cây kiềng, không sanh ra trái tốt ?

Từ năm 1930, dân địa phương và vài thầy địa lý bàn tán, thăm dò dư luận về kho tàng bí mật. Họ cất nhà ở

chân núi. Gần chân núi gò OC-EO nhô lên, đầy lau sậy với cây thị cần cỗi và vài cây cột nhà, cháy đen đúa thi gan cùng tuế nguyệt. Nó trở thành vùng đất cấm, nơi tụ họp của cô hồn, ma quái và lũ trẻ chần trâu, một hình thức chần trâu có tổ chức.

HẰNG năm, cứ đến mùa nước nổi, cả vùng phụ cận Ba Thê đều ngập linh láng, dân chúng tha hồ cho ghe xuồng chạy buồm trên ruộng lúa. Người làm ruộng ở mấy giồng đất sát ven biển (Sóc Xoài, Mỹ Lâm) phải giao phó bầy trâu cho những tay lặn khạo — tức là người quản lý, người chủ trâu (theo thổ âm Triều Châu.)

Bọn lặn khạo lãnh giữ trâu, gom trâu từng bầy khá đông, cho trâu di chuyển đến những vùng đất cao, nhiều cỏ. Họ len trâu « jolen » tiếng Cam Bốt, có nghĩa là thả ra, dẫn đi. Khi nước giụt xuống, bọn lặn khạo đem trâu về giao trả cho chủ. Tìm đâu một vùng đất cao ráo làm nơi trú ẩn cho bầy trâu đông đảo hằng ba bốn trăm con, và mỗi con phải ăn cỏ ? Bọn lặn khạo không quên vị trí các gò nổi ở vùng OC - EO, chân núi Ba Thê : tất cả gồm hàng chục nền đất, cao hơn mặt nước, đầy lau sậy và cỏ. Mỗi nền to rộng như cái sân đá banh.

Thế là bao nhiêu sậy đổ của vùng OC-EO bị trâu dày xéo, và trở thành thức ăn ngon. Bầy trâu ngủ trên gò cao ráo Mấy cây cột nhà xưa lại đóng vai trò cây cọc buộc trâu ! Đối với lũ trẻ chần trâu, chẳng còn điều gì

cắm ky hết vì chúng là con cháu ông Thần Nông. Ban đêm thì muỗi mòng quá nhiều, un khói đốt lửa không xuể. Muốn cho trâu ngủ yên, lũ trẻ khoét từng hầm nhỏ; trâu xuống hầm, dậm đạp cho bùn sinh nổi lên rồi trâu nằm trong vũng. Bùn sinh đóng vào da trâu, khô lại, trở thành một kiềng áo quần bằng đất che chở khỏi nạn muỗi mòng. Hết cỏ thì trâu đi. Mùa nắng đến, trâu về chuồng cũ, gò nông vùng OC-EO trở nên điêu hiu, đợi đến mùa nước lụt năm sau mới rộn rịp trở lại. Năm này năm khác, qua bao nhiêu lần bị trâu dậm, khoét hầm, nền đất bị hạ thấp. Nước mưa chảy từ gò xuống mặt ruộng, làm trôi mất bao nhiêu bùn lầy và... cát.

Mục đồng được xem như là sứ giả của các nhà tiên tri, của thần thánh. Trẻ chăn trâu thường hát những bài « đồng dẫu » (đồng dao) báo trước cho dân gian biết nào là nhà vua sẽ bị thích khách, nào thiên tai hậu hạn, nước sắp mất đến nơi hoặc vị cứu tinh sắp ra đời. Trẻ chăn trâu có thể làm việc lớn, như Đinh bộ Lĩnh ở động Hoa Lư hoặc chàng Lía ở Trường Máy. Trẻ chăn trâu ở Oc-Eo đã bẻ lau làm cờ, đánh giặc; đưa nào được nê nang thì xưng vương, chọn cây thị làm ngai vàng. Đánh giặc mãi sanh chán, các cậu móc đất trên gò, đem nắn hình bò hình trâu để giải trí.

VÀO năm 1941, lúc móc đất nắn trâu, một em bé gặp nào là hột chuối, cà rá trà trộn trong đất!

Con nít tri hô lên trước tiên.

Người lớn xúm lại. Công việc đầu tiên của họ là rửa ráy mấy hột chuối cho sạch, tìm thợ bạc để thử chất vàng. Quả thật là vàng, không phải vàng y nhưng cũng thuộc vào loại vàng chín, vàng tám.

Làm sao giữ bí mật được! Một người đào đất tìm vàng là hàng chục người hàng xóm theo dõi. Đào vàng một buổi có thể dư ăn mãi đời. Họ xúm nhau đào xới. Càng đào, càng gặp. Số người đào vàng càng tăng, tổng số vàng bòn được... càng tăng. Vẫn biết mình đến trễ nãi, nhiều người cũng háng hái đến góp phần... khai thác, tràn ngập tin tưởng và hy vọng nơi... lòng đất.

Mấy gò đất được đào xới, mạnh ai nấy đào, ai đào nấy hưởng. Và người địa phương tỏ ra thái độ kỳ thị đối với người ở địa phương khác tới giành của Vái Bực lão thành đã rầy la con cháu, khuyên răn: tiểu phú do cần, hoạnh tài bất phú. Nếu đào xới lung tung thì trời đất phần nộ, gây bệnh dịch làm tiêu diệt dân chúng trong vùng!

Bọn người đào đất không chịu thua. Vậy thì cúng vái trước, cúng tất cả thành thần khuất mặt rồi sau đó hãy đào. Sau rốt, vì số vàng đào được quá nhiều nên những người phản đối, ưa dạy lễ nghĩa đạo đức lúc trước lại háng hái đào vàng hơn ai hết. Cả gia đình ngưng công việc ruộng rẫy để đào vàng. Đào suốt ngày đêm.

Từ đó, OC EO được gọi là Bến Vàng. Chúng ta thử tưởng tượng hàng ngàn người tập trung trên khoảng đất cỏ một cây số vuông, nơi đồng chua, khí ho cò gáy. Nhiều đứa bé tình cờ gặp

những món vàng nặng được nửa kí lô trong khi lắm chàng mạnh khỏe mà không gặp một hột chuỗi nhỏ bé ! Có đủ sắc dân : Tàu, Việt Nam, Miên, Chà và, Mã Lai... Bao nhiêu ông thợ mộc, thợ rèn, thợ chài, nông dân, hương chức, hội tề, luôn cả thầy giáo cô giáo đều tạm bỏ nghề, kéo nhau đến Bến Vàng để thử thời vận.

HỌ xung phong làm việc, đầu khi nắng cháy thiếu nước uống, khi nước sông Hậu Giang dâng lên gần ngập đầu, năm này qua năm khác. Đề hợp lý hóa công việc, họ phân công nhau ; mỗi người trở thành một cái khoen trong sợi dây chuyền : người đào đất, người bưng đất trao cho người rửa đất. Rửa bằng cái rổ, trong khắp nước xốc lên xốc xuống. Đến chiều nếu không gặp món nào xứng đáng thì đem bán mớ bùn trong khắp với giá phỏng định là một cắt rưỡi, đủ tiền cơm. Người ta mua bùn đem về lọc trở lại, với hy vọng gặp vài món nhỏ.

Vàng ở OC EO thuộc vào loại đã chế biến. Ngoài những thứ hột chuỗi bằng hồ phách, mã não có vỏ sò hột chuỗi vàng. Lại còn tượng Phật bằng vàng, cao chừng một tấc tây. Có nhiều nãi chuỗi nhỏ bằng vàng, chạm khéo léo, lớn cỡ ngón tay cái. Những kiều chén vàng, có quai — lớn cỡ ngón cái — được bán tại chỗ với giá hai đồng rưỡi. Lại còn những cái ấn (triện) bằng ngọc xanh. Bông tai phần nhiều thuộc vào loại «móc cân» mà người Cam-Bốt còn dùng. Những hằm chứa gạo được phát giác, gạo đã thành than

đen. Ngoạn mục nhất là những hằm chứa thủy ngân. Người bòn vàng lấy gạo, múc thủy ngân đổ vào xuống, đem về nhà cho trẻ con xem chơi. Trúng số độc đắc là những người gặp được loại vàng bánh cam, mỗi trái tròn như banh di-da, có người gặp đến mười trái, đem bán cho thợ bạc với giá mười hai đồng một chỉ. Đôi khi họ đào nhầm ngôi mộ, bắt gặp những chiếc mào vàng nam ngọc, những chiếc cà rá. Nhiều tấm vách tường hiện ra, vách có khoét lỗ giống như cái tủ bí mật. Vách tường xây trên nền đất, không có đồ móng hoặc đóng cừ ngay dưới chân tường. Trái lại, hai bên tường được đồ móng chắc chắn.

Bờ kinh sáng từ Sóc Xoài — Ba Thê trở thành một thứ chợ phiên, gọi là Chợ Vàng : nào quán hủ tiếu, cà phê, nào những sòng bài cào, hốt me, xỏ đề. Một đoàn Sơn Đông mãi võ đến biểu diễn thường trực, bán thuốc trật đả nhưng bọn người dầm sương giải nắng mua nhiều nhất các loại thuốc cảm mạo. Vào tháng chạp, gánh hát bội đến che rạp trình diễn hàng tháng. Mỗi ngày, ngoài số cá tôm dầy dẫy ở địa phương, người ta còn tiêu thụ hết một con bò thịt. Gần lối nơi bòn vàng du khách nghe tiếng ồn ào như ông vờ ồ. Dọc theo bờ kinh, bao nhiêu là đầu heo kể bên đầu heo là vài cây nhang cùng vài Phật Trời phò hộ ! Mấy người bán hàng rong bơi xuống đến tận các gò đất để rao hàng. Một bà lão bán bánh bèo đã nhảy xuống ruộng (lúc nước nổi) để thử thời vận. Vừa thò tay mò là lòng đất đã trao tặng cho bà một cây kéo bằng vàng. Lập tức, bà tặng thùng bánh cho mấy người ở gần rồi trèo lên xuống

cố sức già bơi xuống về nhà, nổi sóng nổi gió không kém bọn trai trẻ.

MẤY năm liền, cuộc săn vàng ở núi Ba Thê được xem như hợp pháp, tự do nghĩa là mạnh ai nấy hốt, ai được nấy xài. Thiệt tủi hổ cho ông Tám Phùng và cô Bảy Lầu, hai người chủ đất! Mấy gò này ở vùng chân núi Ba Thê nằm trong sở đất của họ khai khẩn, được sở địa bộ chứng nhận, có đóng thuế hàng năm. Họ làm đơn tố cáo bọn người lạ mặt này đào xới... làm hư đất ruộng. Nhưng hương, chức làng Mỹ Lâm, làng Sóc Sơn, làng Vọng Thê, luôn cả mấy tay mặt thám của nhà nước Lang Sa đều mỉm cười, giữ bí mật không thêm phân xử. Họ đứng ra mua vàng với giá rẻ, bán lại với giá gấp đôi. Ngu dại gì mà báo cáo lên quan trên ?

Có người bán vàng mạ tỏ ra tiết kiệm đem một món quý giá đến tiệm cầm đồ. Người này ăn mặc què mùa, không xuất trình được hóa đơn. Nhà nước Pháp đã hay tổng cho điều tra. Một ông Tây khảo cổ từ Sài Gòn xuống núi Ba Thê vì kho tàng núi Ba Thê thuộc vào tài sản công cộng của mầu quốc Lang Sa, một mầu quốc có truyền thống nhân bản ! Cuộc đào xới được tổ chức khoa học hơn. Khu vực gò nông trở thành cấm địa, nói đúng hơn, nó trở thành một thứ thuộc địa nhỏ tăm tối nằm trong cái thuộc địa Nam Kỳ. Dân chúng hoảng sợ, đem bán bừa bãi tất cả chiến lợi phẩm OC-EO để phi tang. Ông Tây Khảo cổ này tỏ ra nham hiểm đến gặp người này người nọ, bảo rằng

ông ta vừa thấp nhang cầu mộng, thấy thần linh hiện về mách bảo : người này gặp pho tượng, người kia gặp cái mào vàng. Nhưng người địa phương đã ứng phó khôn ngoan bằng cách nói láo nếu không nói láo là ở tù. Lúc ông Tây làm việc, dân bòn vàng bị hất chân ra ngoài. Họ cầu mong và tin rằng Trời Phật, cô hồn các đảng ở núi Ba Thê rất linh thiêng, Tây chẳng bao giờ gặp được vàng !

Sau trận đào xới theo kiểu khoa học ấy, ông Tây chưa thỏa mãn nhưng đành rút lui về Sài Gòn vì lý do an ninh. Tình hình chánh trị ở Nam Kỳ, ở Đông Dương đang có nhiều xáo trộn. Dân chúng kéo trở lại, bòn vàng lần thứ nhì. Họ bắt đầu uể oải vì kho vàng OC EO đâu phải vô tận. Bến Vàng, Chợ Vàng núi Ba Thê lần lần bị giải tán trong khi máy bay Đồng Minh, máy bay Nhật Bản bay lượn bắn nhau trên không trung, dọc theo duyên hải Vịnh Xiêm La.

Quân đội Nhật đầu hàng Đồng Minh. Bom nguyên tử nổ. Những ngày lịch sử năm 1945, phút vui chưa kịp hưởng là đến đầu năm 1946, đúng đêm 23 tháng chạp đưa ông Táo về trời, quân đội viễn chinh Pháp chạy tàu theo con kinh Núi Sập, từ Long Xuyên tấn công qua Rạch Giá. Tàu giặc bắn về hướng núi Ba Thê bao nhiêu là lửa đạn, những tia lửa sát nhân chờ không thơ mộng huyền bí như mấy đốm lửa xẹt từ cây thị lửa ở chân núi Ba Thê.

Kho vàng đã cạn. Gò OC EO chỉ còn mớ đất khô cằn nhưng từ đây người địa phương thương đất hơn bao giờ hết

OC Eo là gì? Các di vật tìm được chứng minh điều chi?

Đó là một thương cảng. Các nhà khảo cứu xác nhận như thế. Xưa kia, trên giải đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cũ Long, các thương gia Ấn Độ Mã Lai đã chọn vùng chân núi Ba Thê làm kho chứa hàng, làm trạm liên lạc. Vịnh Xiêm La là một kiểu Địa Trung Hải giáp nối liền Ấn Độ, Mã Lai, Xiêm, Nam Dương quần đảo, Chiêm Thành. Nối liền Trung Hoa và Ấn Độ.

Thuở ấy, thương cảng OC EO mang tên gì, không ai rõ. Nhưng nó có thật. Ông hoàng bà chúa, giới phú thương ở tại đó đã sống trong nhung lụa vàng ngọc. Những vật tìm được xác nhận đó là mỹ nghệ Ấn Độ, Ba Tư... Người ta đã gặp nơi đây vài tài liệu «giữ gìn đồng tiền vàng có chạm hình hoàng đế La Mã Antonin le Pieux. Người ta đặt giả thuyết: vào thế kỷ thứ tư, thứ năm sau tây lịch, văn hóa Địa Trung Hải từ Tây Phương đã bỏ vôi qua Đông Nam Á. Nói như vậy để ai nấy hiểu ngầm rằng người Pháp thực dân đi thuận dòng lịch sử tiếp tục công việc đơm màu nhân bản đã có trước đó 15 thế kỷ, của đế quốc La Mã.

Thương cảng ấy bị tiêu diệt, xóa tên trên bản đồ vì lý do gì? Vài giả thuyết: bị ngoại xâm, bị hải tặc đốt phá hoặc cả thành phố bị một lụt, sóng thần (raz de marée). Hơi vô lý

Nếu có cuộc chạy loạn hoặc chạy trốn thiên tai thì ít ra ngày nay trong các hang hốc trên núi Ba Thê chúng ta phải thấy nhiều bộ xương già trẻ lớn bé nằm gần nhau.

Điều chắc chắn là người địa phương chẳng muốn nhắc tới OC-EO. Nó không còn để lại một ảnh hưởng văn hóa nào cả. Thuở xưa, trên vùng duyên hải vịnh xiêm la sinh lầy, thương cảng ấy mọc lên tạm thời, đạt mức phồn thịnh giả tạo. Thương nhân, các quan lại, các vị tiểu vương sống huy hoàng nhưng cô độc, xa các người địa phương họ không đủ uy lực để biến người địa phương thành dân nô lệ như đế quốc La Mã xưa kia.

Ai muốn thấy di tích OC-EO thì nên đến Viện Bảo Tàng Quốc Gia ở Saigon. Còn một số tượng Phật bằng đá được thờ phượng rải rác tại các chùa miếu địa phương. Chúng tôi đã đến Núi Sập tìm những người cổ cư và theo dõi vài người xưa kia đã bòn vàng ở OC-EO nay sống ở Saigon. Chúng tôi nài nỉ, nhờ họ ôn lại trí nhớ. Chúng tôi hứa sẵn sàng mua lại các « bảo vật », OC-EO nếu may ra họ còn gìn giữ — mua với bất cứ giá nào.

Ai nấy đều phì cười, cho chúng tôi là người thiếu thực tế. Chúng tôi giải thích:

— Đó là tài liệu văn hóa. Người Ấn Độ, người Á Rập xưa kia...

HO bảo rằng những món bằng vàng tìm được ở OC-EO chẳng đáng gì đến văn hóa Việt Nam, bán lấy tiền để ăn nhậu, để cờ bạc là phải lắm vì nó là Á Rập, Ba Tư mà! Nhưng tôi cố nài nỉ. Một ông lão đáng tin cậy thương yêu chúng tôi như con cháu đã về tận núi Ba Thê đem lên tặng cho chúng tôi vài cái hũ, cái bầu rượu bằng đất tìm được ở OC-EO : loại đất đỏ, nắn theo kỹ thuật quá thô sơ, méo mó, không tráng men.

Có lẽ đó là thủy thổ của loại cà ròn, hỏa lò mà vùng Ba Thê, vùng Hòn Đất, vùng núi Nam Qui gần đó đang sản xuất. Chúng tôi cho rằng mấy cái hũ, cái bầu này đáng gìn giữ vì nó có ích, có dính dáng tới lịch sử Việt Nam. Kỹ thuật nắn nồi, nắn lò đất của thổ dân OC-EO được cải tiến lần hồi, đạt đến mức khá tinh vi. Đám lưu dân Việt-Nam từ miền Trung vào Nam, đám binh sĩ của Gia Long thời tàu quốc đến mũi Cà Mau chắc đã dùng kiểu nồi chén đó.

giữ thơm quê mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC

càng ngày càng khởi sắc

số 12 phát hành 1-6-1966

phi chiến

LƯƠNG TÂM CỦA NHÂN LOẠI và lương tâm của con người

TÔI được đọc một « bức tâm thư » của sinh viên Saigon gửi cho quý vị giáo sư của họ đăng trong tập nội san của « *Thanh niên, sinh viên, học sinh bảo vệ dân tộc* ».

Bức tâm thư đó đã khiến tôi phải cảm động bồi hồi. Trong « tam cương », « ngũ thường » đạo thầy, trò là đạo trọng, còn đứng trên cả đạo cha, con. Cha mẹ chỉ cấu tạo nên hình hài, chính thầy mới là người xây dựng linh hồn của con trẻ.

Vậy mà trong bức thư trên đây chính trò đã chất vấn thầy và chất vấn một cách nghiêm khắc như Tòa buộc tội kẻ bị cáo thì còn gì là đạo nghĩa với luân thường ?

Nhưng tôi không vội vàng lên án kẻ viết thư mà phải coi kỹ bản cáo trạng trước đã.

Anh em sinh viên cũng lấy làm khỗ tâm lắm khi phải phê bình những người lãnh đạo tinh thần cho mình, những vị giáo sư đại học đã thường dạy mình về nhân bản, về vai trò của người trí thức trong xã hội loài người và cho rằng giới trí thức là « lương tâm của nhân loại. »

Người thường chỉ cần sống với lương tâm của con người nhưng người trí thức không thể chỉ sống với lương tâm của con người mà còn phải sống với lương tâm của nhân loại.

Chính thi hào Térence đã nói : « *Tôi là người, những gì liên quan tới người đều cảm động lòng tôi* ». Bởi thế nên thỉnh thoảng ta đã thấy những nhà trí thức đại danh trong thế giới tỏ thái độ đối với những vấn đề không liên quan gì tới mình, tới nước mình, dân mình,

đại khái như họ lên án chủ nghĩa quốc xã trong khi nước họ chẳng hề bị Hitler xâm chiếm, họ lên án cuộc chiến tranh « như bần » ở Đông Dương trong khi họ là người Anh, người Ý hay lại chính là người Pháp.

Ngay đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam hiện nay cũng có biết bao nhiêu nhà trí thức ở Đức — tôi muốn nói Tây Đức —, ở Anh, ở Pháp ở Mỹ ra tuyên ngôn lên án kẻ xâm lược và đòi phải chấm dứt ngay cuộc đổ máu ở xứ này để vẫn cứu hòa bình cho nhân loại.

Nước Việt Nam cũng có những ông tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, giáo sư là những bậc thượng lưu trí thức lại thường lấy con mắt bàng quan mà ngó vào thời cuộc. Hơn thế nữa, nhiều ông lại dường như có thái độ đồng lõa với những kẻ xâm lăng. Chính vì thế mà anh em sinh viên buộc lòng phải hỏi lại ông thầy của họ :

Chúng tôi biết quý vị cũng như chúng tôi, chúng ta sống ngoài vòng tàn phá của bom đạn, chúng ta vẫn ở cái thế an toàn của đô thị. Quý vị sống một đời sống sung sướng, quý vị hưởng tất cả những tiện nghi của đời sống văn minh. Và hơn thế nữa, quý vị còn được hưởng những đặc ân mà chế độ này dành cho quý vị. Chẳng lẽ vì những quyền lợi đó mà quý vị nhắm mắt làm lơ trước những đau khổ của đồng bào ruột thịt, trước những cảnh tàn phá khủng khiếp

của chiến tranh hay sao ? Quý vị là đại diện cho lương tâm của nhân loại, vậy thì lương tâm đó ở đâu sao chúng tôi chưa thấy xuất hiện trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng này?... Thành thật mà nói chúng tôi không thể hiểu được khi thấy các đồng nghiệp của quý vị trên khắp thế giới, những người không liên hệ gì đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam mà lại đi biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, mà quý vị lại ngồi yên, điềm nhiên hưởng thụ tất cả những tiện nghi vật chất...

Trong bức « tâm thư » anh em sinh viên còn nêu ra những ví dụ điển hình như một vị khoa trưởng luôn luôn ngăn chặn mọi sự phát biểu ý kiến của sinh viên, như một vị giáo sư lờ ký tên vào một tuyên ngôn Hòa bình lại khai với nhà chức trách là ông đã bị Việt Cộng xúi dục v.v...

Cố nhiên là tôi không thể nhắc lại tất cả những ý kiến của anh em sinh viên nhưng tôi cũng đã thấy rõ cái khổ tâm của anh em khi viết bức « tâm thư » cho các ông thầy của mình để mong mỗi đánh thức lương tâm của các ông, lương tâm của con người trước đã. Còn nói đến lương tâm của nhân loại thì như định là các ông không có thể đại diện được rồi.

TUY nhiên, ta cũng phải biết cho hoàn cảnh của giới trí thức Việt Nam nó không phải là hoàn cảnh thuận tiện cho lương tâm con người được phát triển theo chiều hướng nhân loại.

Cái sĩ khí đã bị thương tổn rất nhiều sau bao nhiêu biến cố của đất nước.

Cuộc xâm lăng lần đầu của thực dân Pháp đã phân hóa giới sĩ phu ra làm hai hạng : hạng khảng khái bất khuất thì một là tích cực chống Tây hai là liêu cực bất hợp tác ; còn hạng vì khiếp nhược vì cầu an mà đầu hàng làm tay sai cho giặc cũng không phải ít. Văn hóa phong kiến cổ nhiên là có nhiều khuyết điểm nhưng đạo đức phong kiến cũng đã tạo được những con người trung kiên nghĩa khí.

Lần lần Tây học được thay thế cho Nho học và đã tạo nên một số người được ưu đãi do học vấn và trí thức của họ. Họ không trung thành gì với Pháp đâu nhưng họ có những quyền lợi vật chất làm cho họ gần ngoại bang hơn là với đồng bào của họ.

Tuy vậy trong đám Tây học vẫn có những người còn giữ được lương tâm và đã tham gia hay lãnh đạo những phong trào ái quốc.

Nhưng phải chờ tới cách mạng mùa Thu 45 mới thấy rõ sự phân hóa quyết định của giới trí thức.

Có những người tưởng là không bao giờ trở lại với dân tộc mà họ đã trở lại với tất cả quyết tâm và thiện chí. Có những người không ra bưng mà ở lại trong thành nhưng họ vẫn thấy lương tâm của họ không yên ổn và đã tỏ ra xúng đáng trong thái độ « chùn chần ».

Nhưng đa số vẫn là hạng hoạt đầu và dễ mất lương tâm. Họ cộng tác với

Pháp được thì họ cộng tác với ông Diệm cũng được. Với Pháp còn có đôi chút tập truyền dân chủ. Với ông Diệm thì tất cả đều là dối chác, bán buôn. Ai phục vụ ông ta đắc lực thì ông ta cho những đặc ân và có những đặc quyền.

Ai chống đối ông thì ông thủ tiêu, bỏ tù hay bỏ đói. Ông được đưa về và cung cấp cho rất nhiều tiền để mua lương tâm của thiên hạ.

Cổ nhiên là lương tâm của các nhà trí thức thì có giá nhiều hơn.

Sau ông Diệm cũng chưa có gì thay đổi và thế lực của kim tiền vẫn mạnh như thường và giới trí thức còn sa đọa hơn nữa. Họ thường nói với học trò về lương tâm của nhân loại nhưng chính họ đã bán lương tâm của họ rồi, họ làm sao theo kịp phong trào của nhân dân là những người đau khổ nhứt và thiệt thòi nhứt trong cảnh can qua khói lửa này.

Người bình dân trước đã khổ về súng đạn  Nhưng mấy ông trí thức luôn luôn được người ta ưu đãi thì đâu có thêm nghĩ tới cái khổ của đồng bào. Hơn nữa, các ông lại học nhiều, biết rộng nên có rất nhiều lý lẽ để bào chữa cho thái độ cầu an của các ông. Và có cầu an thì mới hưởng lạc được. Vả lại hưởng lạc đã quen rồi cũng khó mà dứt bỏ cho đành.

Anh em sinh viên mai mốt có bằng cấp, có địa vị, lại thêm có những đặc ân và đặc quyền nếu còn duy trì cái hoàn cảnh của ngày nay, tôi e rằng cũng khó tránh khỏi những cạm bẫy mà người đi trước đã mắc phải.

Chính bởi thế mà cần thay đổi cái hoàn cảnh xấu xa đó để cứu vãn con người với tất cả những đức tánh của con người.

Và hiện nay ta đang đi tới một khúc quanh của lịch sử. Những cuộc tranh đấu cho cách mạng, cho dân chủ để bảo vệ dân tộc đã thức tỉnh được một số người, và hàng người giác ngộ sau hết nhứt định là mấy ông trí thức.

Anh em sinh viên, thanh niên và những em học sinh nếu không là những người tiên phong thì cũng là những người bắt kịp phong trào. Và là nòng cốt của phong trào.

Sau cuộc tranh đấu đẫm máu ở Đà Lạt mới đây **ĐẠI DIỆN SINH VIÊN** đã trả lời trong cuộc họp báo về thái độ của họ đối với người Mỹ như sau :

«Chúng tôi không chống người Mỹ nhưng chỉ phản đối chánh sách của họ xâm phạm chủ quyền Việt Nam như :

«Về chánh trị họ trực tiếp dựng lên chánh quyền.

«Về quân sự : họ tự ý đưa quân vào Việt Nam mà không có sự đồng ý của nhân dân Việt Nam.

«Về kinh tế : ảnh hưởng đồng đô la để khiến cho đồng bạc Việt Nam mất

«giá đưa đến lạm phát...

(Chánh Đạo ngày 29-30-4)

ĐẠI DIỆN SINH VIÊN đã trả lời trong cuộc họp báo về thái độ của họ đối với người Mỹ như sau :

ĐẠI DIỆN SINH VIÊN đã trả lời trong cuộc họp báo về thái độ của họ đối với người Mỹ như sau :

ĐẠI DIỆN SINH VIÊN đã trả lời trong cuộc họp báo về thái độ của họ đối với người Mỹ như sau :

ĐẠI DIỆN SINH VIÊN đã trả lời trong cuộc họp báo về thái độ của họ đối với người Mỹ như sau :

Anh em còn nặng tình dân tộc nên mới có đầy đủ lương tâm của con người. Và trong trường hợp đó chính anh em mới xứng đáng là đại diện của lương tâm nhân loại.

Hơn thầy của các anh xa lắm. Có thể mới hoàn thành được cuộc cách mạng xã hội mà người ta rêu rao muốn hoàn thành. Nhưng người ta muốn hoàn thành từ trên đi xuống.

Thật sự thì cuộc cách mạng đó phải thực hiện từ dưới đi lên theo đường lối dân tộc với khả năng và xương máu của dân tộc để cải tạo cái xã hội sa đọa này. Và như thế chính là tạo hoàn cảnh để làm sống lại lương tâm con người và lương tâm nhân loại.

phong sơn

KHU VỰC TÂY

GIỮA đoạn đường xe lửa cắt ngang hai con đường HỒNG THẬP TỰ và PHAN ĐÌNH PHÙNG của thủ đô SAIGON, tôi gặp lại NĂM BÚA. Năm Búa là người bạn hàng xóm của tôi trong bốn năm về trước tại xóm Kho Đạn khu Đakao, rồi cách biệt nhau bảy giờ tình cờ gặp lại. Trong khoảng thời gian bốn năm xa Năm Búa, trên đường đời, tôi đã gặp biết bao bạn bè kẻ cả thân, sơ. Có người cùng một ý hướng, tâm hồn, có người chỉ đề xã giao, có người muốn làm thân để khai thác và làm hại cả tôi nữa. Nhưng tất cả đều không có ai nổi bật lên trong tâm hồn tôi bằng Năm Búa. Tôi còn nhớ rõ hồi tôi giã từ ngôi biệt thự sang trọng cùng những lời khuyên nhủ, giáo huấn của Ông Bác tôi, những lời giáo huấn đã làm tôi lên cơn sốt, nào là «mày phải lo làm lo ăn cho nó đàng hoàng », nào là « cũng ăn học như mày, có khi còn tệ hơn, mà người ta cũng làm ông này ông nọ, quyền cao chức trọng, sướng một đời...», tôi đã bỏ chạy khỏi

ngôi biệt thự đó và trở về với cái xóm kho đạn của Năm Búa để được vợ chồng Năm Búa săn sóc bệnh tình cho tôi bằng một nồi nước lá sả và bát cháo tiêu hành đó vẫn mãi mãi theo tôi, vương vấn trong tôi và trong mọi lúc buồn chán và bàng hoàng vì những biến chuyển cuộc đời, hồi hương mùi khói thơm và tình yêu thương chân thành của Năm Búa, tôi vẫn thấy ham sống và làm việc.

Hồi thuê một cái phòng nhỏ ở sát nhà Năm Búa, tôi thường thích thú nhiều chuyện về Năm Búa, nhất là đêm khuya, trời oi bức, cùng nhau đem ghế bố ra nằm ngoài trời, nghe Năm Búa ca không hay nhưng cái giọng nửa Huế nửa Saigon nghe khàn khàn mà buồn thấm thía. Ca Huế, hát Cải lương hát tân nhạc, món nào Năm Búa cũng mần được cả mà đặc biệt là Năm Búa lại còn giải thích những bài hát của mình cho bà con lối xóm nghe. Chẳng hạn như cái câu hò ru em mà Năm Búa

thích nhất là :

Con ăn trâu bên té rú.

Cây cỏ củ mọc bên té cồn

Anh xê em ra cả thiên hạ họ đồn

*Một mai té biển cạn thành cồn rồi
hãy hay !...*

Cứ mỗi lần hò xong câu đó là Năm Búa la lên ; « ôi chao cậu ơi ! cái con nhỏ nó hát câu đó là « liếng » lắm đa ! Thằng con trai ghẹo hấn mà hấn không « ung », hấn lại nói du đưa mà cũng tình ý thiệt, hẹn hò với trai là « biển cạn thành cồn » thì thiệt « Tết Ma rốc » mới thành đôi thành lứa...

Còn cái câu thông thường nhất mà chị Năm Búa hay hò cho thằng Đực ngủ là « thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc, địa sanh thảo hà thảo vô căn, một mình em đứng giữa lòng thuyền dưới nước trên trăng; biết cùng ai trao duyên gởi nợ cho bằng thế gian » thì Năm Búa hạ thấp giọng mà giải thích một cách quan trọng : « cậu đừng tưởng câu hò đó không có ý nghĩa mô nghe : chơi chơi vậy chớ... giọng nó là giọng cách mạng đó ! « Người mô lại là người không có lộc », lộc này là lộc của trời đất, của tạo hóa phân phối đồng đều, không ai tranh giành một mình được hết. « Cây cỏ mô lại không có rễ, có gốc » là nói tới cái bọn người quên tổ quên tiên, quên nòi quên giống bỏ ông bỏ bà đó cậu ơi !

Khoái nhất là nghe Năm Búa hát điệu « châu văn » giọng Huế. Trước khi hát Năm Búa giải thích : « kể ra cái điệu « lên đồng » này cũng hay, đất nước thanh bình mà nghe điệu nhảy đó cũng thấy tâm hồn thành tiên thành thánh

lơ lửng lơ trên mây trên gió, còn hơn là trai gái ôm nhau mà « lắc lắc » như bây giờ. Đó, cậu nghĩ tôi nói có trúng không ? » Rồi Năm Búa vỗ hai bàn tay vào cái thùng mà hát « Cảnh thiên thai a... cảnh ba lai láng ư hự hừ... » hoặc « cô chèo ba mái cô chơi, cô qua Nhược thủy, cô hồi Bồng lai... !, thỉnh thoảng Năm Búa dừng lại cười hặc hặc rồi nốc một ngụm rượu thuốc đưa giọng.

Tôi nghĩ về cuộc sống của gia đình Năm Búa. Tôi đã gặp gia đình này khắp nơi. Phi trường Quảng Ngãi, bến xe Qui Nhơn, xóm kho đạn Đakao Saigon và bây giờ là xóm đường rầy cũng trong thủ đô này. Hai vợ chồng, ba đứa con. Thằng Đực còn nằm trong nôi là đứa thứ ba, còn con Gái, con đầu 9 tuổi thì học tới lớp ba rồi phải ở nhà giữ em cho chị Năm. Năm Búa làm đủ nghề : sửa chia khóa, sửa điện, ống nước, đào cầu tiêu, sửa nhà... Chị Năm thì buôn bán vật vãnh ; năm ba thầu kẹo, một ít đồ trái bán cho con nít, đặc biệt là nôi nước chè tươi của chị Năm. Bát nước chè trong xanh có mùi gừng thơm phức đã làm mát lòng biết bao nhiêu người giữa cái nóng oi bức và nóng nực của Saigon.

Năm Búa thường nói với tôi : « Ở đâu sống cũng được hết cậu ơi ! Minh mau tay nhảy miêng, gặp ai nói chuyện chi khó khăn, mình làm được mình giúp liền cái đã, tiền nong tính sau, rửa là ai cũng thương mình hết ». Mà thật, hai vợ chồng Năm Búa ở xóm đó đều vui, đều thương mến. Từ một cái ống nước bị nghẽn, một giây điện bị đứt, một ổ khóa bị hư cho đến một

đưa con nít làm kinh, gọi Năm Búa là Năm Búa chạy tới liền. Trả tiền cũng tốt mà mua biếu cho Năm Búa nửa lít rượu thuốc cũng xong, tuy nhiên, nếu có ai lên mặt giàu sang quyền thế mà khinh Năm Búa thì coi chừng... đêm tới, Năm Búa «mần vô» vài ly rượu thuốc, giả say giả tỉnh, Năm Búa chửi xỏ chửi xiên thì phải ráng mà nghe.

CÓ lần Năm Búa hỏi tôi :

— Tôi thấy cậu viết chi mà viết hoài rứa ? Nghe nói cậu viết bài đăng báo à ?

Tôi cười :

— Phải, tôi viết văn.

— Viết văn nói chuyện chi trong đó ?

— Nhiều chuyện lắm chú Năm ơi ! Chuyện cuộc đời của chú và lòng tốt của chú nữa đó !

— Ủi trời ! cuộc đời của tui ! cuộc đời của tui có chi mà cậu viết vô trong ? Cậu nói dõn chơi chớ...

Rồi Năm Búa lại quen tạt hạ thấp giọng khi cần nói chuyện quan trọng :

— Nè cậu, cậu viết văn viết báo được thiệt hay quá ! Cậu mần rắng mà viết chuyện dân mình cực khổ nè, hỏi vì ai mà cứ chiến tranh hoài mần ăn không ra nè ? vì rắng mà nhà thuê không nổi nè ? Đó, cậu viết được mấy cái nớ tôi « chịu » đa...

Tôi nghe Năm Búa nói, ngồi suy nghĩ mà cũng giật mình. Những chuyện đó thật quá đơn giản mà cũng thiệt là khó khăn. Biết bao nhiêu người hay nói đúng hơn, quảng đại quần chúng

đều nói như Năm Búa mà mấy ai đã thay họ mà viết ra cho được.

Tôi thấy hơi ngượng ngùng chưa biết phải nói với Năm Búa như thế nào thì bỗng Năm Búa la lên :

— À, cậu này, cậu nói cậu viết cuộc đời của tui. Thiệt ra không có chi để cậu viết được mô... Nhưng mà có chuyện này...

Rồi Năm Búa chỉ tay lên mặt :

— Cậu có thấy cái sẹo tròn tròn bên dưới «màng tang» của tui không ? Thấy rồi chớ gì ! Chuyện vui lắm. Cứ mỗi lần nhắc lại là con mẹ Năm nó cứ « thương » tui hoài...

Chị Năm Búa nghe nói tới mình ngàng mặt ngó Năm Búa rồi nhiech : « Xi, « thương », không có tui thì cũng chết rồi... »

Tôi đang ngờ ngác chưa hiểu thì Năm Búa đã kéo cái ghế đầu tới ngồi cạnh tôi và câu chuyện như thế này...

HỒI trước ngày đình chiến, Năm Búa ở Huế, dọn một quán giải khát tại Đập Đá. Hồi đó, những cơ sở quân sự quan trọng của Pháp đều đóng bên phía hữu ngạn sông Hương. Dân Huế thường gọi khu vực bên đó là « khu vực Tây », ban ngày thì còn đỡ chứ đêm đến, người dân Việt Nam không dám đi lơ xớ trên những con đường của khu vực đó. Đa số gia đình Việt Nam đều dọn sang tả ngạn sông Hương mà ở, tránh những vụ Tây say làm loạn trong những ngày thứ bảy, chủ nhật. Ngay cả bên khu vực tả ngạn, trong những ngày lễ, người dân Việt Nam cũng phải

đóng cửa hàng không dám mua bán bởi vì các toán lính Lê Dương, Ma-rốc sau những ngày cực khổ vì phải giúp đỡ dân Việt Nam hành quân giết giặc, được cấp trên của họ cho ăn chơi, phá phách thỏa thích, nói là đề nâng cao tinh thần chiến đấu của họ trong những ngày hôm sau !

Cũng có một số Cảnh sát yêu nước thương nòi, cũng có một số lính Quốc gia thấy được niềm tủi nhục của dân tộc, thấy cảnh Lê Dương, Ma-rốc lộng hành trên đường phố, đã ra tay can thiệp tích cực... Thế là có những vụ đồ máu vì súng nổ, dao đâm nhưng kết quả thì người lính hay người dân nhược tiểu đang phải nhờ cậy Pháp quốc cũng phải thua lý.

Quán Năm Búa thật là đông đúc. Năm Búa nói tiếng Tây cũng khá, tuy không có mẹo luật nhưng Năm Búa diễn tả lanh lăm, bọn Tây nghe là hiểu liền. Tại quán Năm Búa cũng có một số gái điếm tới đó « làm ăn » đêm đêm cho nên cứ chập tối là bọn lính Tây kéo tới quán Năm Búa khá đông.

Đã có lần một quả lựu đạn nổ tại quán Năm Búa làm 5 thằng Tây chết nhưng gia đình Năm Búa cũng không hề chi. Nhà cầm quyền Pháp bắt Năm Búa để điều tra nhưng sau đó cũng phải thả ra vì Năm Búa thực tình làm ăn lương thiện.

Kề cũng đáng thương hại cho những người lính viễn chinh. Đem thân đi đánh giặc thuê, biết trước là « không hẹn ngày về » nhưng cũng không phản kháng được. Rồi khi đặt mình trước những đe dọa chết chóc thường trực,

con người của họ đâm ra tàn ác, liều lĩnh và chẳng còn tin tưởng gì ở ngày mai. Đành chúi đầu đi đánh giặc, ca hát trong máu lửa, uống rượu, chơi gái, phá phách...

Chính Năm Búa cũng nhận thấy bọn Lê-dương, Ma-rốc tuy tàn bạo, dã man nhưng không nham hiểm, không đa nghi như bọn Tây trắng chỉ huy của bọn chúng.

Thành phố HUẾ, phía khu vực Tây, đêm đến thật là náo loạn nhưng cũng thật là buồn thảm. Những vị trí quân sự được canh gác nghiêm ngặt, chướng ngại vật giăng ra khắp nơi, các ổ súng rập rình chờ chờ nhả đạn, làm như mọi người Việt Nam hiện ra lúc đó đều là Việt Minh Cộng sản. Bọn lính Tây, Ma-rốc, Lê-dương thì la cà ở các quán rượu nhỏ, cỡ quán Năm Búa, bọn Sĩ quan của chúng thì giải trí trong những ngôi nhà lầu có canh gác cẩn mật. Cũng ca, cũng nhạc, cũng vũ tung bừng trong những cái lồng sắt khổng lồ ấy.

Có người nghi Năm Búa làm mật thám cho Pháp, có người lại nói là Năm Búa mở quán để lấy tin tức bọn Pháp, cung cấp cho kháng chiến.

Không ai hiểu nổi Năm Búa. Riêng Năm Búa thì chỉ biết làm ăn để nuôi sống gia đình và chuyện chỉ trái tai gai mắt, chịu không nổi là phải đối phó.

Hôm đó, mới 6 giờ chiều nhưng trận mưa giông đã làm thành phố HUẾ chìm lìm trong mây mù và mưa gió. Trời sập tối khi nào không biết. Những toán lính Tây chạy hồng hộc ngoài đường

đề về vị trí, vừa chạy vừa la náo loạn. Năm Búa hạ bớt cánh cửa chống đề tránh một cơn mưa lớn thì vừa lúc một người con gái chạy vụt vào. Đó là một nữ sinh đi học về, chạy vào quán trú mưa trước khi về nhà. Người nữ sinh vừa độ đầy thì, rất đẹp nhưng chừng như quá lo sợ vì trời tối, ở khu vực Tây nên nét mặt xanh ngắt. Thân áo trắng mỏng manh bị ướt nước mưa, dán sát vào da thịt trắng hồng của cô ta làm Năm Búa trông thấy cũng hơi lo ngại... nếu bọn Tây say kéo ập vào đây. Quán hẹp quá và cũng không có chỗ nào cho người nữ sinh có thể nép được.

Năm Búa đang phân vân tìm cách giúp cô gái thì những tiếng hát ô-ê và bước chân rầm rập của bọn lính Tây đã ập tới. Một thằng chánh quản và hai thằng lính trắng kéo vào quán Năm Búa. Bọn hắn chừng như cũng đã say mềm. Chúng đi thất thểu, mặt đỏ gay và đôi mắt lơ dờ. Một thằng lính vừa vào tới quán, ngồi được trên ghế thì bị ngấm rượu và nước mưa, gục xuống và lăn ra đất. Thằng chánh quản và tên lính kia còn tỉnh táo hơn. Hắn gọi Năm Búa lấy chai rượu « Rhum » và hai cái ly lớn trong khi thằng chánh quản nhìn sòng sọc vào cô nữ sinh. Cô bé run cầm cập, định chạy thoát ra nhưng hai thằng Tây đã đứng án trước cửa... Cô ta đành xây lưng lại, đứng sau lưng Năm Búa nhờ che chở. Manh áo ướt đầm ở sau lưng lại càng làm nổi rõ da thịt nõn nà của cô gái nên cặp mắt của thằng chánh quản Tây dờ dãn ra. Hắn nheo mắt hỏi Năm Búa :

— Gái hả ? Thứ này tốt lắm !

Năm Búa vội nói :

— Không phải đâu... Nữ sinh đó, cháu gái của tôi đó !

Thằng chánh quản tiến lại. Hắn nuốt nước bọt rồi cười gằn :

— Mày lão, mày dẫu tao đề đưa cho mấy ông lớn của tao à ?

Hắn gạt Năm Búa ra và lão đảo chụp lấy cô nữ sinh bằng hai cánh tay lông lá của hắn. Người nữ sinh hãi hùng hét lên một câu tiếng Pháp :

— Không, không, xin ông tha cho tôi, tôi đi học về...

Nhưng như con mèo đã gặm được miếng thịt mỡ tươi béo, thằng chánh quản đề mề siết lấy cô gái... Bỗng bóp chai rượu RHUM trên tay Năm Búa đã giáng xuống vào đỉnh đầu thằng chánh quản. Máu tươi phọt ra hòa lẫn với màu đỏ bầm của rượu. Thằng chánh quản rũ người xuống mặt đất trong khi cô nữ sinh thoát được hai cánh tay của hắn, manh áo rách toang phía trước ngực. Cùng lúc đó, Năm Búa cũng rút lên... Thằng lính thấp tùng thằng Chánh quản đã đâm trúng một mũi dao vào má Năm Búa. Hắn rút ra và định quai một dao nữa vào bụng Năm Búa nhưng ngay lúc đó một thanh củi lớn đã giáng xuống cần cổ thằng lính. Hắn hự lên một tiếng và cũng gục xuống luôn... Năm Búa bụm lấy má, máu tuôn ra đỏ cả bàn tay nhưng Năm Búa cũng cười vì người vừa giáng cho thằng lính Tây một thanh củi tạ không ai khác hơn là chị Năm.

Sau đó, cơn mưa tạnh. Vết thương Năm Búa không sâu lắm nên hai vợ

chồng tự cầm máu lại được và chị Năm dẫn cô nữ sinh về đến nhà bình yên... Và cũng ngay sau đó, Năm Búa đóng chặt cửa quán dọn hết đồ đạc và thuê một chiếc thuyền, xuôi sông Hương đi mất...

NĂM Búa đưa ly rượu thuốc lên miệng nốc một hơi rồi nói với tôi :

— Cứ mỗi lần kể chuyện đó thì tôi lại sực gan lên cậu ơi! Bình thường thì tôi hiền lắm nhưng lúc đó cũng nhờ cái sực gan mà mình «mần» được.

— Kể chị Năm cũng cừ thiệt. Tôi nói.

Năm Búa lại cười hặc hặc :

— Cũng vì mụ thương tui, mụ mới anh hùng vậy đó !

Chị Năm háy Năm Búa một cái rồi rửa : «Quỹ sú».

Tôi chợt hỏi :

— Sau vụ đó rồi chú chuồn đi đâu ?

— Đêm đó, tôi thuê dò về ngủ nhờ người bà con ở Bao Vinh, rạng ngày hôm sau, chèo tuốt về Sịa, đổi nghề... hớt tóc... Năm sau thì đình chiến rồi.

— Kề ra, ở khu vực Tây mà chú làm được chuyện đó thật chịu chú quá !

Năm Búa lại ực một ngụm rượu nữa rồi vắng tục :

— Đ. m... khu vực Tây cũng là đất nước mình chứ ! Minh dành chỗ tốt cho nó ở nó lại còn làm tàng... đâu có được !

Tôi nắm chặt tay chú Năm. Đêm đó tôi nằm mơ mơ màng màng nghe tiếng hò mái nhì của chú Năm, một bài hò thời dân Việt chống Pháp thực dân :

«A ơ hờ... ngó qua biển đông bữa nì đã thấy việc máu chảy thành sông, xương chồng thành núi, ngó về địa trung cũng vẫn còn thấy khói bụi đen trời... ơi cái lũ Pháp gian, Việt gian bày ơi, chúng bày mau mau mà lĩnh ngộ, kéo ít bữa nữa đứng nửa ngời yên đã khó yên... ạ ơ hờ...»

Ai say mê ca dao hãy tìm đọc :

TRÔI SÔNG

tập thơ thứ hai của Luân Hoán vừa phát hành

kiêm minh

GIÒNG SÔNG ĐEN

TÔI đang ngồi tại nhà vợ chồng Vinh, một ngôi nhà bằng cây dựng ở ven sông. Bảy giờ đã hơn 12 giờ khuya. (Sau bữa ăn giỗ ông thân Vinh, Vinh ngỏ ý bảo tôi ở lại đêm « để nói chuyện, đã lâu không gặp nhau »).

Tôi và Vinh ngồi đó, trên sàn gỗ ; trước mặt là giòng sông đen vùng Cầu Bông, nhìn về phía khoảng trời đặng xa sáng thứ ánh sáng quái đản của hỏa châu.

Nơi khoảng trời đó có năm ba chấm đỏ đang bay lượn. Đây là mấy chiếc phi cơ. Mấy chiếc phi cơ này lâu lâu lại bay vào trung tâm không phận thành phố.

Những hình ảnh và sự việc vừa kể là rất thường, đã là quen thuộc đối với mọi người.

— Cái ánh sáng hỏa châu thật là ma quái, tôi nói.

— Ừ, thật ma quái, Vinh nói và tiếp

liên : « Mộ của ông thân tôi đã trên 10 năm nay rồi tôi không đi thăm được. Ngôi mộ nằm trong « vòng đai an ninh » của đồn. Giấy thép gai giăng đầy trên nghĩa trang và trên nghĩa trang đầy mìn và lựu đạn gai. »

« Chú em tôi ở trong quân đội, có một thời gian đóng tại đồn đó từng kê lại với tôi là ban đêm dưới ánh sáng hỏa châu, chú thường nhìn về phía ngôi mộ của ông già và chú có một cảm giác đặc biệt, cái cảm giác này kỳ dị lắm. Chú nói cái cảm giác này làm chú rất khó chịu ».

Vinh ngừng nói. Chúng tôi trở về với sự im lặng nhìn giòng sông đen trước mặt và nhìn về phía trời rực sáng hỏa châu ở đặng xa.

Lúc này vợ Vinh dắt con đến gần chồng, chị nói :

— Nó không chịu ngủ. Không biết sao đêm nay nó thức khuya thế này. Chắc là vì hồi trưa anh cho nó ngủ

hiều quá.

Ngừng một lát, vợ Vinh lại nói; lần này không phải nói về chuyện con cái:

— Lại có chuyện ở hướng đó. Bình Dương! Bình Dương!

— Bình Dương, có lẽ. Bình Dương. Vinh nói.

Đưa con gái Vinh lúc này la lên:

— Đẹp quá! Đền đền đẹp!

Con bé vừa thấy hai trái hỏa châu mới thả rực sáng nên la lên vui mừng như thế.

Vợ Vinh cúi xuống hôn con. Chị nói:

— Ừ, đền đẹp, đền đẹp. Để lấy đền cho con chơi!

Lúc này, tôi nhớ lại vừa rồi vợ chồng Vinh nói lên hai ba lần tiếng Bình Dương bằng cái giọng đầy xúc động. (Tôi được biết hai người quê ở Bình Dương)

— Đền đẹp! Đền đẹp! Con gái Vinh lại reo lên.

— Ừ, đền đẹp, vợ Vinh lại nói.

Vinh lên tiếng, buồn:

— Làng tôi bây giờ không còn nữa...

Tôi nói:

— Sao lại không còn!

— Làng thì phải có xóm, có nhà cửa, cây cối. Không có xóm, không có nhà cửa, cây cối cũng không, sao gọi là làng. Vinh nói thế nhưng rồi tiếp ngay « nhưng sao lại bảo là không còn, ừ, đâu phải làng là như những nét viết chì kẻ trên giấy mà viên tẩy

có thể làm cho mất đi được.

Tôi nghe Vinh nói, nghĩ đến làng Vinh từ đã lâu rồi không có xóm, không có nhà, không có cả cây cối, chỉ còn có cái nghĩa trang là cảnh quen thuộc duy nhất còn lại nhưng lại đầy giày kẽm gai.

Vinh vẫn nói:

— Ừ, làng còn chứ sao lại không còn? Nó chỉ mất đi, bị xóa đi khi mà mình không còn nghĩ tới nó nữa, khi mà mình mặc kệ nó.

Vinh nói thế bằng một giọng buồn nhưng đầy sức mạnh. Rồi, Vinh kể cho vợ và tôi nghe những kỷ niệm về làng mình, nhắc tới những người thân thuộc và những kẻ quen biết. những người đã chết, những người đang còn sống.

— Đền đẹp quá!

Con gái Vinh ngồi trong lòng mẹ lại reo lên vui vẻ, tung búng. (Ở khoảng trời đằng xa có hai trái hỏa châu mới vừa được thả đang bùng sáng, bùng sáng nhưng lại làm cho cả một góc trời thêm buồn, thêm u tối).

Vinh đang nhắc đến một người bạn học của anh chết năm 20 tuổi thì con gái anh reo lên như thế.

— Đền đẹp! Ừ, đền đẹp! con thích không, vợ Vinh nói.

— Thích, đứa bé trả lời.

Vinh yên lặng. Vợ Vinh cúi xuống hôn con.

Tôi hết nhìn khoảng trời sáng ánh hỏa châu ở đằng xa lại ngó giòng sông

đen.

Lúc này có tiếng học bài của một đứa bé nhà bên cạnh vang lên. Bài học về sông Cửu Long.

Đứa bé ẻ a như sau : « Sông Cửu Long tắm trời một vùng đồng ruộng miền Nam rộng mênh mông, rộng mênh mông, rộng mênh mông. »

Tôi định nói lên với vợ chồng Vinh một câu gì đó, nhưng tôi không hiểu sao tôi không nói lên được. Miệng tôi trong một phút như bị khờ lại.

Nhưng rồi sau phút đó, tôi lại nói được một cách dễ dàng :

— Nước mình đâu có nghèo.

— Đâu có nghèo, Vinh nói.

— Đâu có nghèo, anh ! Vợ Vinh nói.

« Đồng ruộng rộng mênh mông, đồng ruộng rộng mênh mông. Sông Cửu Long mang phù sa... mang phù sa... » tiếng học bài ẻ a của đứa bé nhà bên cạnh vẫn vang lên.

Chúng tôi, sau mấy câu nói vừa kể lại trở lại im lặng.

Tôi có rất nhiều điều để nói với Vinh, nhưng tôi nghĩ sự im lặng trong nhiều lúc lại nói lên rất nhiều nên tôi không nói gì. Tôi chắc là vợ chồng Vinh cũng có cùng ý nghĩ như tôi. Hai người cũng đang im lặng.

Trước mặt chúng tôi, dưới chân chúng tôi giòng sông đen cũng trôi im lặng, nhưng tôi đã nghe được tiếng thì thầm của nó.

Vào lúc này nước đã dâng lên đến mức cao nhất nên trông giòng sông rất mạnh khỏe sung sức. Bây giờ cái màu đen của nó đầy tâm sự.

Đứa con của bạn tôi đã ngủ rồi, đầu gối vào chân của mẹ nó.

Ở khoảng trời đằng xa, những trái hỏa châu mới lại được thả ra thay thế cho những trái hỏa châu sắp tàn.

Đứa con gái của bạn tôi đã ngủ rồi nên không có những tiếng « đèn đẹp, đèn đẹp », vang lên nữa cho vui. Tiếng học bài của đứa bé bên cạnh cũng đã không còn... Khuya lắm rồi. Giòng sông trôi trong đêm tối đầy tiếng thì thầm.

Ở phía trời xa, những trái hỏa châu hết dần ánh sáng, và rồi hết hẳn ánh sáng của chúng. Không có những trái hỏa châu mới được thả ra nữa.

Đêm còn dài, nhưng tôi thấy không buồn ngủ chút nào hết. Tôi nhìn qua bên kia sông mà dài theo bờ nhà cửa lúp xúp, sát vào nhau, dựa vào nhau như là nhờ thế mới đứng vững được.

Lúc này, vợ Vinh đứng giậy mang con vào giường ngủ.

Tôi nhớ tới lời reo vui « đèn đẹp » của con vợ chồng Vinh mà thấy thương nhiều cho những đứa bé đang lớn lên trong thời buổi này, cũng thấy thương vô cùng cho những người cha, người mẹ, đêm cũng như ngày ; vất vả vất vả, vất vả tinh thần để lo cho con cái được ấm no, được sung sướng trong tuổi thơ, và giúp cho chúng cứ vẫn được cười nói hồn nhiên giữa sự rung động thường xuyên của xứ sở.

Đó thật là cả một điều khó khăn, vô cùng.

Tôi nghĩ đến lời của vợ Vinh nói với con : « để mẹ lấy « đèn đẹp » cho con chơi ! »

Và những tiếng của chị ấy nói với chồng khi nhìn về khoảng trời sáng ánh hỏa châu : « Bình Dương ! Bình Dương ! »

Bây giờ đêm thêm đen và giòng sông cũng thế. Bây giờ tiếng thì thầm của đêm và của giòng sông càng nhiều hơn.

yên hi ba

CHÁY ĐỎ ĐÊM DÀI

XE bắt đầu vào thành phố thì người áp giải lấy bọc quần áo bên cạnh đặt lên đùi Nguyễn. Đề che kín đôi tay còng, Nguyễn hiểu vậy. Chiếc còng số 8 nặng nặng bóng loáng, mang sâu chữ inox.

Nguyễn nhớ đến sợi xiềng sắt trong phim La Chaine. Hai bàn tay đen trắng của Cullen và John phải dùng đến cái búa cái đục mới tháo gỡ nổi sự trói buộc. Giá Nguyễn cũng rút được khỏi xe như Cullen và John thì... Nguyễn làm sao, hở ? Hai màu da thù địch ấy dù sao trong những giây phút chặt xiềng cũng đã cùng nhau hợp sức — và đặc biệt là mỗi người còn được một tay tự do. Còn Nguyễn : con số 8 nằm ngang khít rít. May mắn quả khó chen lọt qua đó.

Bộ bà ba đen nhóp nhúa, mặt dờ dẫm, mái tóc xụ, bọc quần áo, lọt thỏm giữa chiếc jeep và mấy dáng dấp lạnh như tiền... thành phố ơi, thấy không ?

Một ngã tư đèn đến trước Nguyễn, từ

từ, đoạn ngừng hẳn lại. Người Cảnh sát đã xoay về bên trái, đôi tay giơ cao, chăm chăm co duỗi. Con đường ngang trước mặt tuôn ủa ra hai sông lớn nghịch chiều, len lách, nhập làm một, ngược xuôi ào ạt. Bên này và bên kia bờ cùng đứng nhìn cuộn cuộn.

Bao giờ cũng vậy, mỗi lần về đô thị ngay từ lúc còn ngồi trên xe và bắt đầu bị cuốn trôi vào giữa sự rộng lớn nhộn nhàng là Nguyễn nghe tui tui. Nguyễn có cảm giác chợt thấy mình không là gì nữa hết, lạc lõng hoàn toàn.

Bây giờ đây Nguyễn càng thấy bơ vơ gấp trăm lần. Người yêu, cô em gái và mấy bạn bè có mặt ở thành phố này đâu biết được Nguyễn đã gặp không may. Mà dù có biết cũng khó ngờ là Nguyễn đang như thế này trên đường đi về đâu đây không rõ nữa. Nguyễn thật gần mà thật xa họ. Như trong thác lớn, như một chiếc lá chìm. Sự lia tách cũng âm thầm, lặng nín. Và quây cựa

nào cũng không bịn vào đầu được, đội đi đầu được....

Một chiếc xích-lô đạp xề đến sát hông xe chiếm nốt khoảng trống còn lại gần Nguyễn nhất. Đôi mắt có những hàng mi đen cong của người con gái trên nệm và khuôn mặt có đôi kính mát rẻ tiền của anh lái xe, không hện mà cùng quay nhìn vào Nguyễn. Hơi nhanh nên Nguyễn không nhận ra kịp dáng hình những ý nghĩ trong hai đôi mắt đó.

Lần quay nhìn thứ hai chỉ còn lại đôi kính mát rẻ tiền. Cái nhìn lâu hơn, đắm hiêu nét mặt. Đôi mắt kia thì trở về hẳn với phía trước của mình, Nguyễn chỉ còn thấy một góc nhỏ môi son...

Bích giờ này đang làm gì ? Còn quét nhà hay đã cầm kim chỉ ? Mái tóc buông dài của em còn để hơi hướm trên tay này đây, Bích ơi.

Em Ba, chị Ba chắc đã đi làm rồi. Anh Sinh có thể đang hót cái tóc đầu tiên trong ngày. Không còn mong chi gặp trên đường. Chỉ anh An với chiếc xe ba bánh của anh, anh Sắt chú Kha với chiếc xe nhà thuốc, họa may. Ch. B. cũng có thể, nếu sáng nay anh có bài mang đến tòa soạn...

Phía trước, người cảnh sát đã trở về đối diện với nắng. Đôi tay lại ngăn chặn, thúc hối. Sự ứ đọng, hậm hực tức thì bị bề vỡ tràn thoát. Có cái gì rất thỏa mãn trong sức phóng tới.

Riêng Nguyễn, lúc này hy vọng ít quá mà lúc này vẫn cứ có tròn tuyệt vọng, che thêm kín cô đơn. Nguyễn càng thấy mình là một chiếc lá bị chìm và bị cuốn, riêng biệt. Chưa bao giờ Nguyễn thêm một ngưng trệ lưu thông như hôm nay. Ngưng trệ thật lâu, để cuộc sống dồn đến quanh

Nguyễn thật đầy, cho Nguyễn nhìn với, nghe với, gần gũi với. Nhưng xe đã vọt rồi.

Xe chạy rồi. Chỗ ở sắp tới của Nguyễn là đâu ? Từ đây đến đó còn mấy ngã sáu ngã tư ? Có thể còn gặp được một bạn bè nào không ? Làm một người mất tích buồn bao nhiêu !

Bờ sông, bờ sông, chiếc cầu nhỏ... Đường này đi đâu ?

Mấy tháng làm quen với thành phố này, Nguyễn chỉ thuộc lòng được mấy đại lộ mười đường nhỏ, chợ chính, nhà ga, bến xe buýt, một số đường hẻm vắn lốt gặp ghình dẫn về những mái tôn mái lá, dăm rạp chiếu phim thường trực, dăm nhà sách bốn năm tòa soạn tuần san tạp chí... Cán bót các trại Nguyễn đều đốt. Nên đường này có phải là đường cùng của quang bất đầu tối tăm của Nguyễn hay không, Nguyễn quả chẳng biết.

Hôm kia ngồi ở phòng điều tra với anh Võ, nghe chấp vá mấy câu nói vụn từ bàn giấy, Nguyễn đã viết thắm lên thềm xi măng hỏi anh :

— Minh đi bệnh viện chẳng ? Bệnh việc nào ?

Anh lắc đầu rồi viết trả lời :

— Chắc đầy xa.

Nguyễn thần thờ từ sau câu đó. Mấy anh em, nay mỗi một mình Nguyễn bị tách đi. Biền biệt, chỉ hình dung cũng đã thấy buồn,

Hai mươi ngày đêm, phòng tối nhỏ, những [] [] [] âm thanh tri thặng băng tâm trí, những rêm đau rã rời thấy được và nghe được... thật không còn đủ khùng

khiếp đề sánh với một chỗ mới trong tường tượng.

Lúc dựng Nguyễn dậy, một giọng đầu đầy trong bóng tối có bảo :

— Được đi nhà thương là khoẻ rồi đó. Yên chí đi, ít tháng về thôi...

Nhưng Nguyễn chẳng còn thiết. Tiếng rảng cưa inoxidable giữa 5 giờ sáng rít gọn gàng như tiếng nấc.



BỜ sông, bờ sông...

Tám giờ kém mười ba phút. Nguyễn đọc được thời gian đó ở cò tay bên cạnh. Chẳng biết chừng nào mới đến. Non ba vòng kim dài chịu liên tiếp những nhồi xóc, xác thân đã bệ-rạc của Nguyễn thềm quá một chỗ nằm. Cọng với cái bồn chồn thấp thỏm muốn đến phút nơi phải đến, cái thềm đó quả đề được cái ước lúc đầu : ước xe chết máy giữa đường, hoặc chạy hoài chạy mãi đừng tới một đích nào hết.

Bây giờ thì thây kệ. Đến đâu đến cho rồi. Người yêu, em gái, bạn bè, còn mong chi gặp nữa !

Nguyễn ngã đầu vào chỗ dựa, nhắm mắt. Tiếng rao cháo giò heo vang ở bên trái, rồi lúi nhanh ra sau, đi theo tiếng xà lúp xính xích trên dòng. Cháo. Nguyễn vọt nghĩ đến nỗi thềm khát những chất tươi lỏng. Những tô canh. Khò qua nấu thịt. Cá mè khún nấu cà rau nhót. Tôm nấu rau má trái xu...

Hai mươi ngày, không một lần tắm, không một lần súc miệng rửa mặt, không một chút canh, một chất xanh, ăn ngày hai bữa với khô mặn, uống ngày hai lượt với cái chén tanh cá. Nền đêm đêm, xen vào

giữa từng khoảng lo nghĩ là những ước ao nhỏ bé mà Nguyễn đành không rút được. Nó đi vào các giấc ngủ, chập chờn bứt rứt.

Nguyễn mở mắt nhìn trần xe. Anh Lê : Nguyễn vừa sức nhớ và thấy rõ anh, thấy rõ cơn khát của anh. Nguyễn nghĩ đến những ngọn lửa cháy trong anh. Trong ruột gan, trong cò, trong đầu. Và nghĩ đến cái ước ao thật nhỏ nhít thật tầm thường của anh : gáo nước. Một gáo nước là thôi. So với anh, cái ước ao của Nguyễn còn lớn hơn nhiều lắm. Rắc rối hơn, vì còn phải cộng thêm bao nhiêu là thứ. Tuy nhiên cái thêm đó cũng ít ỏi quá phải không ?

Mà không. Nó là bắt đầu. Và cuối cùng là tàn phế một đời. Và cuối cùng là gãy gục nửa chừng tuổi trẻ. Tất cả, thấy hết rồi, phải không ?

Phải rồi, một gáo nước là, một chén canh rau, ít, nhỏ đấy, mà lớn. Lớn ở giá trị hứng gánh không kêu xin. Và lớn, rất lớn, khi vượt...

Nguyễn ngồi thẳng dậy.

Chiếc jeep đã giảm tốc độ. Bên phải dãy tường dài nhấp nhô những góc nằng. Bên trái, bờ cỏ, mặt sông thấp, bãi bùn hẹp, chân nhà sàn, những lá, tôn chen lẫn với những mặt ngói hình hích nhìn trời.

Một tiếng còi ngắn từ đầu máy. Nguyễn quay mắt lại vừa lúc thấy cái đà quanh của xe và cái phầy tay còn đề lửng của người cảnh sát công sở. Nguyễn trượt nghiêng xuống để kịp nhìn tấm bảng công, nhưng chẳng thấy được gì. Vòm xe thấp quá chặn mất hết bề cao. Nguyễn hồi hộp như sắp đi vào hoang tối.

Người áp giải chừng đã yên tâm, nên bỗng vui giọng góp lời với phía trước :

— Thiệt, tù mà được vô đây là cha rồi. Có mừng có mền, ăn uống thuốc men đầy đủ. Còn sướng hơn ở ngoài đời.

Bất giác Nguyễn cười trong môi. Sướng hơn ngoài đời. Vầy ra...

Nhưng đây là gì ?

Xe đột rồi đường thẳng và tẻ đàu sát vào một bậc thềm đầu góc ngã ba.

Nguyễn xuống sau cùng. Giữa một vòng mắt, tự nhiên Nguyễn bắt gặp được cái không khí rất bệnh viện. Nó toát từ bồn cỏ, cỏ thụ, sự im lặng, áo trắng. Song trước mặt Nguyễn, trên cấp thềm, có cái gì làm Nguyễn phân vân. Nó sừng sững trong người cảnh sát võ trang, cửa sắt, cửa sắt, ống khóa xích.

Nguyễn vòng tay ôm bọc quần áo nhỏ đi qua, những lạnh lẽo đó, ngang một khung hẹp thấp thoáng bóng phụ nữ, rồi dừng lại trước những dấu thập hồng.

Chiếc số 8 trong tay Nguyễn được mở. Vừa nắn nắn đôi cổ tay Nguyễn vừa nhìn theo nó, tạm biệt. Trong phòng, đang có một giao gởi và ký nhận về Nguyễn. Như một bưu kiện bảo đảm.

Vân vợ Nguyễn xê lại phía đầu bàn đá, tò mò nhìn tấm bảng nhân số. Nguyễn chợt bắt được ở đó cái tên mấy ngày nay muốn biết : Bệnh viện C.P. — Trại V.

Ra đây là C.P... Trú quán của những con người...

— Tên cậu là Nguyễn hay Nguyễn ?

Từ bàn thuốc một đôi kính già ngừng về phía Nguyễn hỏi câu đó.

— Dạ Nguyễn.

— Có bệnh lâu mau rồi ?

— Dạ non mười năm.

— Mười năm ?... Thôi được, cậu theo anh kia vào trong.

Anh kia, đó là một người mặc bà ba đen, có cái vẻ dễ biết là tù có trách nhiệm, đang đứng ở khung cửa sắt thứ ba mở vào một hành lang hun hút tối.

Nguyễn theo anh đi ngang từng phòng. Rất nhiều cái nhìn. Dăm tiếng hỏi bồng : « Kinh tế hay chính trị ? ». Nguyễn mỉm môi, không biết nên đáp hay không.

— Trường phòng C ! Nhận người !

Từ trong một cửa cuối dãy, mấy cái thân trần đồ ra. Rồi một tiếng hò :

— A ! Lèpre !

ABC là một hình chữ nhật 8 x 18. Những tấm vách quá tầm tay đã ngăn chia chiều dài ra làm ba hình chữ nhật nhỏ. Đầu ngoài A là phòng thuốc, thơm mát sáng sủa. Đầu trong C là phòng xác, sân tắm rửa, hồ nước, cầu tiêu hôi thúi tối tăm. Ánh sáng trời không đến được đó bao giờ.

Chị em ở riêng bên kia. Bên kia bức vách cao tận trính chắn dọc hành lang ABC. Bên này chỉ còn nghe được tiếng nói tiếng rên. Thỉnh thoảng vang nhỏ tiếng cười. Tiếng hát cũng thỉnh thoảng bay cao, hiền hậu.

ABC đều có song song hai dãy bệ. Ngay mỗi đầu bệ, đứng một khung cửa lớn không cánh. Những chấn song ngang dọc hình thành những ô sắt vuông lọt vừa hộp sữa. Cứ giờ thứ 8 là nắng chen qua đó, vào đúng nửa phòng, lạng lẽ nhìn bộ mặt thiều não của một cuộc sống gồm toàn

những tật nguyên thể xác, rồi ái ngại thun mình đi lùi dần ra cửa.

A là phần đất, của tim, gan, dạ dày, lá lách, của những cánh tay cánh chân bó bột, những thịt da mề xè không truyền nhiễm.

B nguyên vẹn là của phổi, của những tràng ho khản đặc thâu đêm.

Và C, bên trái là của những hình tượng được vi trùng Hansen chạm trở công phu — bên phải là của những bộ mặt đờ đẫn vắng xa tri giác, xen lẫn dăm quai hàm sừng vẹo.

Nguyễn đã bước vào giữa cái khung ghê ghớm nhất đó của trại V. Phút đầu ở cửa quên mình cũng là một hình tượng ghê ghê, Nguyễn đã đứng lại, sửng sờ. Thật tình khiếp mắt. C đã chứa chất một phổi hợp kỳ dị quá. Phải kinh tởm vì những bàn chân bàn tay mang những ngón cụt ngắn, trụi nhẵn, cong cúp ; những khuôn mặt u cục bầm thâm với những đôi mi tum húp, những cái mũi gãy chận rề giọng nói, những vành tai trái tai phải dày trệ ; cùng những dấu thẹo loang lổ, những vết lở băng bông thừ lừ — người trông còn phải thất đảm vì những đôi mắt đỏ đục, những câu nói lấp nháp một mình, những tiếng khóc không nước mắt, những hồi cười sần sặc không một chút vui, và hát ca và múa may đập phá.

Những con người đó trong C quả chỉ còn một nửa là người. Cuộc đời đã bằng đủ cách chụp đen mất phần sáng suốt của cảm biết này, thì ở thịt xương kia vi trùng lại xén bớt từng lông, từng khoanh, và đắp vô ích lên da từng mô từng mảng màu sặc lạ. Rồi cái căn phòng trên bốn mươi thước vuông này đã tập hợp và phong kín sự sống của trên hai mươi tâm trí và hình hài đó. Thành một an bài hợp lý.

Tuy nhiên gói ghém đó là rời rạc — Nguyễn cho vậy, khi nhìn Già Ký. Với già, cuộc đời và vi trùng mới thiết dốc hết ác nghiệt. Nó hợp nhất tác hại, bắt xác thân còm cõi của già cùng một lúc hứng đựng cả hai : điên và cùi. Cái căn phòng da thịt ấy thật đã hẹp nhỏ bao nhiêu !

Người tá bảo Chợ Quán, Biên Hòa bệnh đông nhưng nhúc. Song Nguyễn chắc rằng có đến đó xúc động của Nguyễn cũng sẽ chỉ bằng như nhìn A B ở đây là cùng. Bởi vì ở mỗi nơi chỉ có mỗi mặt bệnh. Vào đó, cùng xót thương có thể ghê sợ. Và chỉ thế. Còn C, nhỏ thôi, ít thôi, nhưng mà...

Tất nhiên rồi cũng quen hết. Quen cảnh, quen người. Nguyễn đã thực thụ trở thành hình tượng thứ 27 của C.

Một đĩa nhôm, hai chén nhôm, đôi đĩa, chiếc mền và tiếng báo cáo khẩu phần : sự thừa nhận Nguyễn đã chính thực. Nguyễn nghĩ : trại này bao nhiêu tuổi rồi ? người dễ là ai ? những vật dụng này đã qua bao nhiêu tay ? được gần gũi mấy cái chết ?

Song rồi vẫn vợ đó cũng tan mau, mất hút trong giấc ngủ đêm đầu. Một giấc ngủ tuy đứt quãng vì những giạt mình sáng sốt, nhưng khi mở mắt Nguyễn không còn phải gặp những hình cụ và âm thanh tri nhúc tâm trí. Những mùng trắng, mùng trắng giăng giăng, dưới đèn lu đã che mờ cửa sắt, có tác dụng như những tấm chắn bình an. Và tiếng *nhà thương nhà thương* ngân thẳm một từ âm xoa vuốt vỗ về. Nguyễn cố tưởng như vậy, để cố du mình quay trở vào từng giấc lãng quên, với ý nghĩ : *sáng mai... sáng mai... không có gì...*

Thấp giữa hai bệ là thềm gạch. Chiều ngày thứ tư thì Nguyễn rời thềm lên bệ.

Dãy bệ bên trái vừa trống một chỗ và thừa một mùng vì người nằm đó đã được gọi về lại. Nguyễn đương nhiên có đủ điều kiện để lấp đầy hàng ngũ. Không nên để đứt rời, thưa rinh, Nguyễn thấy như vậy. Vì trong sự trưng bày (để một viên chức cao cấp nào đó đến hỏi han an ủi gì đó, hoặc để mấy vị từ thiện phát bánh mỗi chiều chúa nhật) thì một dọc liền lạc vừa khít của những khuôn da sần sượng giống nhau trông vẫn dễ coi hơn. Như những chữ cái viết tập vậy trong trang vở lớp tư lớp năm.

Mười một tất cả. Năm ngoài cửa sổ là hoa kiêu Dương thoại Trung. Đầu trong sát vách là Tư, quê Cần Thơ, năm đấy đã hai năm rồi. Nguyễn là chữ cái thứ bảy kể trong ra, giữa Hòa Rạch Giá và Bồng Bình Định.

Mười một thân từ mười một phương trời. Sắp thành hàng tám tập. Vì đủ tội. Ăn cắp, ăn xin, lường gạt, tình nghi và hoạt động chính trị.

Mười một bộ mặt, mười một tâm tư, mười một manh sống lắt lay, cùng cực. Giữa quê hương. Trên đường. Trong nhà thương. Trong nhà giam... Năm tháng, ngày ngày.

Phần Nguyễn, qua đó Nguyễn thấy thêm được lòng dạ người, nghe thêm được giọng tiếng người từ khắp vùng lạnh lạnh. Qua Tư, Nguyễn biết rõ thêm trại V. Qua Trung, Nguyễn biết trại X. Đặc biệt qua Bồng, Nguyễn biết trong thế giới phung hủi còn có trại R.

R, nơi của những phế tàn trôi tập. Nhưng cũng là nơi ứ đọng tiếng than và nước mắt.

... *Ben Hur ơi! Esther ơi! Thế kỷ này vẫn là thế kỷ đầu tiên khổ nhục. Những tâm địa hôm nay vẫn là tâm địa ngày xưa.*

Và hứng chịu vẫn là hứng chịu từ hai nghìn năm trước. Của mẹ, của em, giữa những hòn đá ném, Ben Hur ơi!, trên đường lên đỉnh Golgotha...

NẮNG chợt mất làm phòng trở âm u như đang chiều. Cây đu đủ lè loi ngoài sân cỏ thu về lại bóng lá vừa ngã vắt ngang con đường mòn. Con đường, đó là dải đất nhỏ duy nhất mà cái cửa sổ mặt đông bắc này có thể thấy. Ba dãy trại và một bức tường đã đóng khung khoảnh sân xanh roi rớt này trong một vị trí biệt lập buồn thiu. Cái hẻm sát tường đằng kia (cái ngõ vào của những phiên gác) đã vạch thẳng đến góc hiên đằng này con đường đất ấy Màu đất khô khan thành phố. Tư bảo rằng đã hai năm trời rồi chân anh chưa một lần đứng đi trên đất, cũng như chưa một lần thấy nắng mây trôi qua tóc. Và anh ước, phải chi mỗi ngày được ra với đất trời thu hẹp ấy một giờ thôi, đời tù hẳn ít tối hơn.

« Ít tối hơn ». Nguyễn bắt giắc lập khê lại lờ lờ. Bồng hỏi :

— Cái gì, chú ?

Nguyễn quay lại anh, mỉm cười :

— Tôi nghĩ đến cái ước của anh Tư... Anh không thêm ước được về sống hẳn ngoài đời rộng mà lại chỉ ước ra cái sân hẹp này mỗi ngày một giờ. Đủ để sáng đời chút thôi. Anh nghĩ có lạ không !

Bồng cười :

— Cũng không lạ. Ước kia to quá, có được đâu mà ước cho mệt.

— Vậy còn cái nhỏ ? Làm gì được mà cũng ước ?

— Ừ, biết cái nào cũng không được hết

nên chỉ ước chơi thấp vậy thôi, cho nó khỏi khô trí. Chớ họ biết phận.

Nguyễn lặn đầu trên vách :

— Tôi khác. Hoặc không ước hoặc ước lớn.

— Nghĩa là trúng một triệu chớ không thêm trúng một trăm ?

Nguyễn bật cười :

— Hay, trúng khác với ước chớ lại. Trúng một trăm tội gì không lấy, như được ra sân tội gì không ra. Còn hễ đã ước...

— Thì ước vậy chớ gì : mặt đất đừng còn nhà tù, loài người đừng còn chiến tranh, cuộc đời đừng còn đói rách. Và thân thể đừng còn vi trùng...

Bồng nhích một cái cười không vui. Rồi tiếp :

— Chú biết bọn bệnh trại R thường ước điều gì không ?... Tình thương.. Một tình thương thật sự, không ở đầu môi, sắc áo, giấy tờ. Một tình thương xuất phát từ lương tâm nhân loại, từ nỗi sốt đau ruột thịt. Để cứu an thần xác và vớt nâng phần hồn hiện sống và đang có mỗi một tội : mất niềm tin đồng loại. Vậy thôi. (Bồng ngửa mặt ra khung trời) Mà từ bao giờ cho đến bây giờ vẫn không được. Vẫn là cái ước xa vời như những cái ước về nhà tù, chiến tranh, đói rách và vi trùng...

Một mảng mây xám đùn lên từ dưới tàn điệp thưa nhánh bên kia tường, giăng khuất một khoảng xanh cao. Gần hơn, có con chim sẽ nào nhỏ lắm chiêm chiêm từng tiếng rì rạc, bơ vơ.

Với mây với chim, giọng Bồng thật là buồn. Xuôi chảy và trầm. Nguyễn nghe nó đi rất sâu vào cảm nghĩ mình. Như lời của

của người yêu trong khuya nước nở kể cho nghe về ba về má và thân phận lạc loài. Bồng Nguyễn không nằm trong vòng tay nhau. Bồng cũng không khóc, không nước mắt ước đầy môi Nguyễn. Nhưng Nguyễn... lòng vẫn thương uất rưng rưng.

Nguyễn và người yêu, là một.

Nguyễn và Bồng và anh chị em trại R, cũng là một. Thịt da này, khổ nhục này, ước mong này...

Hôm mới gần Bồng, anh đã trao cho Nguyễn một hộp sữa vừa hết, chỉ cho Nguyễn cách mài lấy nguyên nấp đề dùng làm ca uống cá nhân. Lúc soi vào mặt thiếc, Nguyễn đã giật mình. Khuôn thiếc mới in rõ từng góc mặt mày ai u đỏ, loáng bóng. Lại không ngờ được nổi. Hai mươi ngày đêm ! Mà đến thế này sao ? Sức nắng mưa kham khổ của những tháng năm xưa quả chẳng bằng mấy ngày... Trời ơi, vi trùng, đồn ếch loại !

Nguyễn đã chờ đợi rất lâu. Và nhớ lại hết các thái độ gần đây đã gặp. Nhớ một câu nói :

— Cho là tội mày nên chuyện đi, thì riêng mày rồi mày sẽ làm được ông gì ? Ai dám gần gũi mày ? Nội cái bắt tay đó, ai đã dám chưa ?... Ngu hết sức !

Bấy giờ, ý chí Nguyễn đã thâm cười. Bỏ rớt ngay câu nói, vì nó trật nhiều quá. Và thấy rõ rệt là nỗi *ngu* hết sức không phải nằm ở trong đầu mình.

Song bây giờ, ở mặt khác Nguyễn lại thấy nó nổi rõ, trên mặt mình mấy tiếng *ai dám* có thực trong đời sống hôm nay. Nên Nguyễn đã hỏi Bồng :

— Hình thù tôi coi ghê lắm phải không anh ?

Anh nhìn tôi với cái nhìn nghe trẻ nói.
Và không đáp mà hỏi lại :

— Chú chưa vào một trại cùi nào chắc ?

— Chưa. Đây là lần đầu.

— Hèn chi mà mắt chú chẳng nhỏ. Chú, tôi, tất cả mười một thằng mình đây, chưa ăn thua chi cả. Chân rụng trụi hết hàng ngón, tay còn dăm đốt cong queo như anh Tư kia, không ghê hơn chú sao ? Nhưng có đem bỏ vào phòng liệt của X của R mà so thì ảnh cũng vẫn còn rất người. R đông hơn đây gấp mấy mươi lần thì cũng có lắm hình thù quái dị gấp mấy mươi lần. Tôi không nói quá đâu. Có dịp chú sẽ thấy.

Nguyễn còn nhớ tiếng *có dịp* đó của anh. Bao giờ thì Nguyễn có dịp ? Chắc không phải để làm một người quan sát qua đường, mà để trở thành một trại viên lâu dài. Và dịp đây là lúc thể giới lành mạnh vui tươi không còn dung nạp được nỗi Nguyễn nữa.

Hôm ấy Nguyễn chỉ nghĩ cho mình chừng này. Tắt nghẽn. Như tự đóng ập lại cánh cửa ngõ về tương lai chìm trời. Bây giờ Nguyễn chột nghĩ thêm, bần khoản : « vào đó, rồi trở về, bay bổng, — hay mãi mãi sống rất thật chết vùi xương ? »...

Vòng băng ở ngón cái chân Bồng lỏng từ lúc nào, phêêu phêêu muốn rớt. Anh thu chân về, lúi húi quấn buộc. Hai ngón trở của Bồng cùng khuyết. Ngón trái mất lông đầu, ngón mặt cũng mất và hai lông còn lại thẳng đờ xương xẩu.

Nguyễn hỏi :

— Anh nằm ở R bao lâu ?

— Một năm lẻ mấy ngày. Với phần đông thì ngắn đó, song với tôi thì hơi dài.

Nguyễn dờm hỏi sao vậy, nhưng một câu khác đã đi trước :

— Của công chó ?

— Không. Của một cơ quan từ thiện. Nhưng muốn bảo đó là một bệnh viện công thì cũng đúng vậy.

Bồng duỗi trở lại chân và chông nó lên nhau. Mắt anh cũng trở lại với Nguyễn. Đôi môi dày tùm tùm :

— Muốn chọn chỗ gởi thân hay sao mà tìm hiểu kỹ vậy ?

Nguyễn cười theo và hỏi theo :

— Vào có khó không ?

Bồng lắc đầu :

— Không khó chi hết. Được sự giới thiệu của vi trùng là chú có thể nằm mãi đời chú. Có nhà cho chú sống và có đất cho chú. chết. Chỉ cần một điều kiện nhỏ. Là phải biết cúi đầu. (Anh thấp mắt). Cúi đầu, trước tất cả.

— Vậy mà anh bảo nhỏ. Thấp hai tay chấm đất để trở thành một loại gia súc mới là lớn chắc ?

— Chưa đến nỗi vậy đâu. Cái thời của tự linh lệ với lý hương đi sục bắt để xô hàng bày vào chỗ cấm cố chung thân đó đã qua rồi. Ai muốn ở cứ đến. Muốn về cũng được, có điều đừng bao giờ trở lại nữa, nhất là sau khi đã ở bệnh viện khác.

— Không nhận sao ?

— Cũng có thể nhận. Nhưng phải cúi thấp gấp đôi. Ê ằm nhiều hơn.

Nguyễn nghe trán mình nhú lại :

— Có ai ngừng đầu không anh ?

— Sao lại không. Con trùn biết sống nào cũng phải quần hết. Chỉ khác nhau ở mức độ. Tất nhiên hậu quả cũng khác. Cúi nhiều thì ân huệ nhiều. Cúi vừa thì yên thân sống. Ngừng vừa thì tức khắc phải đi. Ngừng cao thì... như tôi.

— À, vậy anh không phải vì chánh trị ?

Bồng cười lặng lẽ :

— Đó là một cái mũ rẽ giá và lấm tạc dụng. Dùng nó chụp lên mọi cái đầu ngừng đều có hiệu quả. Như dùng kim lều gai. Với gai cứng, có trường hợp không những đã lều mà còn đập dập ngay tại chỗ.

Tại chỗ. Nghĩa là ngay giữa thửa đất bằng an. Nguyễn làm sao tưởng nổi, Nguyễn làm sao hiểu nổi lòng người nữa đây !

Bồng đứng dậy đi về phía thùng nước. Chiếc lon trong tay. Nửa lưng trên áo thun lều rách. Có cái gợn ghê trong bước đi nghiêng nương ngón chân bằng. Không cao lớn mà chững. Anh trở thành gai từ cái chững đó có lẽ. Không biết người tạ mệnh tay lều ra sao mà gai bị bắn ra đến hằng nửa nghìn cây số. Đề nhờ cái chặt, cái xa làm gãy mòn sức nhọn chẳng ?

Tiếng sắt khua ở phía Bồng vừa qua. Một đôi mắt lờ đờ ngừng ngồi dậy :

— Múc cho miếng nước coi, bậu.

— Ca anh đâu ? Bồng hỏi.

— Trần trường đi vô đây mà hỏi ca. Chờ uống trong gáo đó không được sao ? (anh đưa tay và hỏi bằng mấy ngón). Miệng tui khừ trùng rồi, đủ thứ nước cay nước hăng, sạch lấm bậu ơi.

— Anh nhìn tôi coi lạ hay quen ?

Chiếc gáo như dính chết trên môi. Anh

uống ngon lành. Rồi anh trả gáo và trả luôn câu hỏi :

— Chờ ơi, vậy mà cũng vô đây ở. Việt Nam nhè hỏi Việt Nam lạ hay quen ! Lạ mà thẳng này nhờ mức nước hả ? Hỏi như đồ mới đẻ.

Rồi anh nằm vật xuống, chân khua còng liên tu. Tiếng sắt chen vào những tiếng rộ cười.

Bồng đem vui về trở lại chỗ ngồi, nói với Nguyễn :

— Chấp một ngàn đũa tình như mình cũng còn được.

Nguyễn cũng cười. Nghe tiếng sắt gắt gỏng mà muốn nghĩ đó là tiếng phê phán nghiêm khắc. Như đồ mới đẻ ! Phải còn lâu lắm mới hết những câu hỏi như đồ mới đẻ đó. Sự thật là vậy mà. Việt Nam và Việt Nam : không những lạ trên mặt mà còn thù trong lòng. Làm sao không hỏi như Bồng !

R. Nguyễn lại nhớ đến nó. Nghe ý thức muốn chấp dính ý nghĩ kia với nó.

— Lối sống — Nguyễn ngừng chờ Bồng chú ý — lối sống ở đó ra sao anh ?

— Nửa ! Bồng lẫn điều thuốc vừa vấn trên vế — Sao giống như có thể phóng viên vậy chú ? Phải không ? nói thiệt coi.

— Hạy, không phải. Không phải đâu.

— Tôi sợ đó ghen. Đừng gài tôi vô đó ghen.

Nguyễn vỗ vào lưng anh, cười ngượng ngịu. Chiếc tim quẹt khô dầu bật cháy, nhỏ nhoi chấm lửa. Anh đốt vôi vàng đầu điều thuốc vấn giấy lịch.

— Nói chơi vậy chớ cầu cho chú có được khả năng đó. Lâu lắm rồi bọn tôi và hàng ngàn con người vẫn ngày đêm mong chờ. Những người đã đi khỏi đó, đang ở đó và cả những người chưa tới đó như chú. Đều mong có một phôi bày tỏ rõ bề kia với mọi cạnh góc được che phủ mỹ miều. Mong có những tiếng nói lớn lập đứng lại những nuốt nín thẳm lặng của họ. Đề cho những hắt hủi rẻ rúng những bợn nưng nịnh nọt nghe lại lương tâm mình. Mà mãi vẫn không có. Anh chị em bệnh không biết vì mặc cảm hay sao mà ít ai cầm viết. Một vài vở kịch, dăm bài thơ, chung chung thừa lẽ quá. Nghe qua đọc qua rồi thôi. Chìm hết... Còn những cây viết lành lẽ thì chẳng cây nào thêm. Chuyện cùi mà hơi sức đâu. Cho nên trước sau R vẫn rất lạnh.

— Còn anh ? Sao anh lại cũng im ?

— Tôi à ? tôi dở mặt đó quá. Tôi chỉ biết nói. Nhưng giữa biển cát tiếng nói có bay đi đâu được ? Mà còn bị cát vùi. Anh em khác, có người không biết làm sao hơn lúc đi viết đại năm mươi câu bỏ lại. Đề trút bớt giận hờn. Có người tập tễnh làm thơ, viết cho mình đọc những chữ tủi nhục, uất ức, đau thương... Bài thi mang ý tuyệt vọng muốn được chết. Bài lại chai lì, kệ, cứ sống coi đời.

Nguyễn đột nhiên chắc lưỡi. Tâm trí cự động, muốn đứng phắt dậy, muốn đi. Tự như có một cái môi nào đó vừa bâu sát mặt.

Nguyễn ngó xuống các ngón chân mình các ngón chân Bồng. Rồi nhìn ra cửa, cay đắng :

— Đời những thằng cùi ! Hết như những ngón chân cùi. Hầu hết đều co úp móng sát đất. Hầu hết đều cúi gằm mặt mà đi. Trọn đời.

— Đúng vậy. Trọn đời. Chỉ thấy đất. Chỉ thấy cái huyết tối đen trong đất. Mà thấy ngay giữa vùng nhân đạo. Bên cạnh các viên thuốc Disulone 100, Dialite, D.D.S... Bên cạnh các vật áo và lời kêu gọi.

Bồng rút trong lon chiếc que gây gập. Anh kẹp lấy đút thuốc và hút kỳ hết những hơi khói trong cái đuôi mỏng dính. Xong, anh lật mí nấp lấy đưa Nguyễn mảnh giấy đã xé mất nửa.

— Chú coi cái này.

Nguyễn nhận ra được hình dáng một trang sổ bệnh viện. Trên hết là « *Tình hình các hạng bệnh nhân* »... « *ngày... tháng... năm... 195...* » rồi một hàng nằm trong các ô ngang : « *Các hạng — Nhân số ngày qua. Vô — Ra — Chết — Trốn — Nhân số trong ngày* » Và một hàng nằm dọc theo ô các hạng : « *Người Âu — Người Việt (hạng nhứt — hạng nhì — hạng ba — hạng tư)* »

Bề kia là phần « *Tình hình bệnh nhân trong ngày* » Cũng những hàng ô ngang dọc : « *Nhân số... — Vô — Ra — Chết — Trốn...* ». Có khác đôi chút là dưới chữ *Người Âu* đậm nét có thêm : « *Đóng tiền — Thí — Công chức* » và dưới chữ *Người Việt* đậm nét có thêm : « *Thí...* »

Trang giấy bị đứt, Nguyễn không biết dưới Thí nữa là gì. Bồng hỏi :

— Chú thấy gì không ?

— Thấy lắm. Một lịch sự quốc tế trong lối sắp xếp. » *Người Âu — đóng tiền* » trên trước « *Người Việt — Thí* ». . Và *Người Việt* thì có hạng nhứt, nhì, ba, tư chứ *Người Âu* thì... biệt hạng.

— Còn hết ?

— Còn.

Nguyễn dí nghiêng ngón tay lên chữ *Trốn* và ngừng nhìn Bồng. Anh gật nhẹ. Nguyễn băng khuâng búng búng mảnh giấy về phía trước.

— Cửa bệnh viện nào vậy ?

— Có lẽ của X.

— Những trại giúp nghèo, dạy nghề... chắc cũng cũng có những trang sồ mang chữ Trốn vậy chứ gì ?

— ...

— Nghĩ thật lạ. Cùi, ăn mày, gái đi... được chạy chữa, được nuôi nấng, được dạy nghề dạy nghiệp cho, mà vẫn cứ trốn ! Đến nỗi người ta phải coi chuyện trốn là tất nhiên như chuyện chết. Dành nguyên một mục như chết. Tại sao vậy ?

Bồng cười buồn :

— Chú hỏi tôi hay hỏi xã hội ?

— Không biết chừng nào giấy này mới khỏi cần in sẵn cái chữ đó nữa ! Đến chừng nào mới có sự tự ý đi tới các trại đó ! Tự ý với niềm tin cuộc đời trong lòng, chứ không phải với ý nghĩ cùng đường phó mặc trong đầu.

— Chừng nào ! Vấn đề đó lớn chú ạ. Nó dính liền với mặt mày xã hội...

Bồng dựa lưng vào vách, tần mần xếp to xếp nhỏ mảnh giấy. Nguyễn cũng im lặng nhìn ra cửa. Nền mây trắng phếch, ui ui nắng. Tiếng chim đi đâu rồi. Chỉ có tiếng giày khô cứng trên thảm dài.

Bên cạnh Nguyễn, bên cạnh Bồng, mấy giấc trưa đã thức. Những rì rầm bên kia đầu vách thấp thấp đã trở lớn, theo những tầng hắng, ho và guốc dép. Xa hơn, về phía A đột cất cao một câu vọng cổ bút khúc,

như ai vừa đề đại đầu kim giữa chừng đĩa hát : « *À... ơ... con nhận bay cao rồi cũng khó bắn... con cá ở ao quỳnh cũng khó câu ...* ». Hơi ngân dài làm buồn lời ca nhiều hơn là tiếng ca, hình như vậy ; mà không lạc lõng chút nào giữa cái bắt đầu ồn nhộn này, cũng lạ. Con nhận bay cao...

Nguyễn bỗng nhớ sức cái câu hỏi bị Bồng đề rơi. Hèn chi cứ nghe bắn khoắn, Nguyễn nghĩ vậy, và nhắc anh :

— Loanh quanh mà quên mất R này giờ. Anh chưa kể chi hết.

Bồng ngừng lên và à một tiếng. Miếng giấy xếp đã thành hình con chim soãi cánh

— Tối... (Bồng đáp, tay vẫn gò sửa công trình của anh) Chừng này gần giờ thăm nuôi rồi... (anh xòe tay dựng chim ra)Ồn lắm..

Đoạn hỏi Nguyễn :

— Đố chú con chim gì ?

Thấy vui vui Nguyễn đáp ngay :

— Cái cò đơ dài, chắc ngỗng trời.

— Trật.

Nguyễn cười :

— Hay con nhận bay cao ?

— Cũng trật.

— Chim giấy. Trúng chưa ?

— Trúng mà chưa.

— Thôi mệt quá.

— Nó thiếu chun chú không thấy sao ? Nói tiếng nữa coi.

— Con chim gì thiếu chun ? Ầu lần rồi.

Đến lượt Bồng cười. Anh cười với một

tối sầm lạ lùng trong mắt :

— Con chim gì à ? Con chim cùi chớ chim gì, chú !

●

N G U Y Ê N giật mình thức theo một tiếng gọi vang dài trong giấc. Trần mùng vách mùng vẫn lặng yên. Tiếng ai lao xao ngoài hành lang sân tắm.

Nguyễn cố nhớ lại những nghe thấy trong mơ mà không được. Tan mất hết. Chỉ còn mang máng một gọi kêu gì đó, buồn bã lắm.

Nguyễn nhắm lại mắt. Nhưng tức khắc Nguyễn mở bừng.

— Xếp ơi !... xếp !...

Nguyễn thẳng thốt như nghe ai kêu mình giật giọng.

— Xếp ơi !... Có người chết !...

Nguyễn chồm ngay dậy. Ra tiếng gọi kia có thật. Nó đi vào giấc ngủ của Nguyễn, như một tiếng vang xa vời, áo não mà êm lãng, khiến Nguyễn cứ ngỡ nó từ trong mơ xuất phát.

Ra khỏi mùng Nguyễn gặp ngay dăm nét mặt đăm chiêu. Hòa ngồi cạnh bệ với điều thuốc chưa đốt trên tay.

— Ai chết, anh ?

— Già Ký.

— Già Ký !...

Nguyễn lập lại như tiếng dội. Câu định hỏi sao vậy, tự nhiên đứt mất. Nguyễn tần ngần rồi đi ra hành lang tối.

Già Ký. Người thứ mấy trong tháng này ?

— Xếp ơi !... Xếp !... Có người chết...

Tiếng buồn thảm kéo dài, rền bay trong khuya. Nguyễn tưởng như nghe tiếng khóc.

Bồng đứng dựa vào góc vách trông ra

sân tắm. Mặt chìm trong bóng đêm.

— Sao vậy anh ?

— Không biết sao nữa. Anh em đi tiêu gặp già nằm vất dưới cấp cầu, mới hay.

Từ bên ngoài song sắt hình như vừa vọng vào tiếng hỏi. Rồi lời đáp :

— Dạ, có người chết, xếp !

— Phòng nào đó ?

— Dạ phòng C.

— Mất trí hay sút móng ?

— Cả hai

— Hai người chết lận sao ?

— Dạ không, một. Nhưng mang hai bệnh

— Tên gì ?

— Ký. Già Ký đó xếp.

— Được rồi, chờ chút...

Cả hai... Nguyễn nhớ mình có nghĩ đến điều đó. Cuộc đời... vi trùng... hứng đựng cả hai... Cái căn phòng da thịt ấy... hẹp nhỏ bao nhiêu !...

Nguyễn bước vào phòng xác.

Sự khốn khổ nhất đời đã nằm yên được rồi. Cùng với những miếng bông dính lòng thông. Cùng với những giẻ quần giẻ áo te tua. Nằm yên được rồi đôi chân lê la đầu đường xó chợ, hóc hẻm nhà giam. Nằm yên được rồi đôi mắt không thấy biết có cuộc đời trước mặt. Nằm yên được rồi những tiếng hát nghêu ngao và những sục sùi đơn độc.

Đã bắt đầu sung sướng. Bắt đầu từ cái phút nằm úp mặt dưới tam cấp cầu tiêu - Mãi mãi không còn sợ ai đuổi xua, bắt bớ

giam cầm. Mãi mãi không còn phải nghe thấy đề phải nghĩ mình súc vật... Thịt da tiêu diệt. Điền loạn, lở lói, vi trùng tiêu diệt theo. thuốc viên, thuốc nước, bông, băng, điện, còng, quần áo bó... không cần nữa. Xương trắng và đất cát. Lâu lắm, lâu lắm, phần còn lại trắng phau đó vẫn cứ nằm yên, lạnh mạnh như đất cát.

« Mừng cho già, già hỡi ! », Nguyễn muốn nói như vậy. Nhưng sao... Có cái gì làm Nguyễn muốn khóc cho già hơn là muốn vui với già.

Nguyễn mang nỗi băng khuâng mâu thuẫn đó trở lại với Bằng. Bằng đã về cạnh Hòa. Điều thuốc trên tay Hòa đang đỏ và chỉ còn một nửa.

— Không biết chừng này mấy giờ ?

Hình như Bằng hỏi cho có hỏi. Chẳng đứa nào biết mấy giờ. Có lẽ cũng gần sáng song trời còn tối quá. Hòa trông ra cửa. Anh nhìn sững cái gì đó, rồi nói khẽ:

— Một cái chết tối tăm !

« Thật tối tăm ! », Nguyễn nghĩ theo như vậy và thấy rõ cái gì đã làm mình muốn khóc. Nhưng rồi Nguyễn nói khác:

— Cũng là dịp được ngửa mặt nhìn trời. Được đi ra khỏi cửa. Tự do.

— Đi hay khiêng ? (Hòa quay lại) và tự do trong cái hòm gỗ tạp hay trong tấm chiếu bầy nẹp tre.

Bằng cũng nghiêng nhìn Nguyễn, như cột:

— Đừng quên trên mắt còn có tấm giấy đắp mặt chú nghe. Nhìn trời sao nổi !

Nguyễn im lặng trông lên trần nhà. Đọc ngang kèo cột sắt. Phải rồi, nhìn trời sao nổi. Nguyễn chỉ nói đề mà nói. Đề mà nén

bớt đắng cay thôi. Chớ Nguyễn biết rồi.

Kin lẩm bên trên đầu. Sáu Khùng Vĩnh Long 17 tuổi khuya khuya vẫn hằng leo lên đó, đi, ngồi vắt vẻo trên những sà ngang sắt đó. Quần áo, khăn mền, cái gì của Sáu, Sáu dồn hết vào một bọc đeo lên vai. Sáu leo, Sáu đi, quanh quần, kệ những đường dây điện giăng giăng. Cảnh bình thấy, dọa bản, Sáu coi như không. Anh em thấy, năn nỉ, Sáu chịu xuống. Hỏi Sáu muốn đi đâu. Sáu đáp thuộc lòng: « em muốn về má, em nhớ má... Con nhớ má mà, má ơi !... ». Hôm má gọi chả cho Sáu, Sáu cầm hoài cuộn chả, nhìn và khóc. Rồi đêm, Sáu ngồi mãi trên cao, ngừng trông mãi trần nhà kín mít, nước nở: « ... con nhớ má quá mà, má ơi !... »

Sống mở mắt còn vậy ; hưởng hò...

« Hưởng hò chết nhắm mắt », Nguyễn sắp nghĩ tròn điều đó, nhưng trong Nguyễn phản ứng vùng trời bỗng đùn lên, bắn, xoắn: « *Đành vậy sao ?* »

Đứng ở đây, đành như Sáu. Nằm xuống, đành như Già Ký. Và cuối cùng sống còn mà đi ra, trở lại đành như những ngón chân cùi găm mặt. Mãi mãi như vậy sao ?

Tiếng chuông nhà thờ xa. Một sao mai sáng. Mấy chấm sao lu. Ngày ửng bên kia lá điệp...

Ngày ửng. Ừ, đêm của đất trời có hạn thế đó. Tối rồi sáng. Còn đêm của con người — đêm của những thằng nghèo, những thằng điên, những thằng cùi, lại vô hạn vô cùng. Từ mẹ Ben Hur, em gái Ben Hur bước vào hang đá Thung lũng Cùi đến nay đêm đã dài bao lâu ? Trên một nghìn chín trăm năm rồi phải không ? Và sẽ còn dài đến bao lâu ?

Coi đấy, những vách mùng buồng trắng,

những dị hình bó gối im lìm. Hết những thây ma đang từ dưới mồ ngồi dậy.

— Sẽ còn dài đến bao lâu ? Đành cứ đời đời chờ đợi chăng ?

Tiếng xích buồn rớt vào bụng cửa. Tiếng hỏi, tiếng trả lời. Dăm áo trắng đi ngang Phòng xác lao xao một chút. Rồi tan. Dăm áo trắng trở ra.

Chiều mừng của Nguyễn độc nhất còn đứng. Bồng nhắc, Nguyễn mới nhớ mình phải làm gì.

Cho đến khi khung cửa đã rõ mặt tường mái tôn, cành lá. Nguyễn lại thấy chiếc băng ca quen mắt, lại nghĩ đến sự mất thiết giữa nó và xác người. Vô tri và vô tri.

Có tiếng ai vừa hô. Trại V lui trở về đêm, nghiêm lặng. Nguyễn nhìn Già Ký lần chót. Khuôn mặt già dưới tờ giấy phủ hướng trở lại những kẻ chưa chôn lần chót. Nhớ tiếng cuối cùng của người tử tù chào gã đao phủ trong một truyện nước ngoài, Nguyễn cũng muốn nói : tạm biệt.

Cửa sắt mở trong khoảnh khắc. Rồi lại đóng, cách ngăn sống chết. Im nín tiễn đưa vô liên theo, như vừa chột thức.

Riêng Nguyễn, ý tạm biệt vẫn còn nguyên đó. Hồi lâu Nguyễn mới hỏi :

— Bao giờ thì đến lượt mình ?

Bồng chưa lên tiếng Hòa đã hỏi lại :

— Cái gì đến lượt mình ?

Nguyễn trông về phía già Ký vừa khuất :

— Cái chết tối tăm như vậy đó.

— Không — Hòa đáp ngay — Mình không đi trở ra bằng băng ca như vậy. Phải đi

bằng đôi chân, dù với một đôi chân cụt hết ngón.

Bồng nói tiếp, trầm tĩnh :

— Đề mà ngừng đầu nhìn mặt trời, nếu là ban ngày, hoặc nhìn trăng sao nếu là ban đêm. Và đề mà nhìn thẳng tới trước với một tự hào : mình cũng là người.

Nguyễn trông Bồng : bệnh Bồng nhẹ hơn Nguyễn. Rồi trông Hòa : bệnh Hòa nặng hơn Nguyễn. Nhưng niềm tin cả hai như nhau. Nghĩa là cùng khỏe mạnh. Khỏe mạnh hơn Nguyễn bội phần.

Bồng đứng dậy và tiếp :

— Phải được như vậy. Không thể làm mãi con vật sống cúi đầu chột úp mặt.

Nguyễn thấy phải thêm một câu hỏi :

— Nhưng với chỗ đứng này nếu cái chết tới mình có tránh né được không đây ?

Bồng Hòa cùng trầm ngâm, rất lâu. Cuối cùng Nguyễn nói :

— Tôi nghĩ thế này : vấn đề không phải chỉ ở chỗ phải sống hay phải chết. Tùy... Chết úp mặt hay đi ra bằng băng ca đã có sao ! Miễn đó không là tự chết. Hoặc khi chết tới không thêm bùm mặt. Còn chết chưa tới...

Bồng gật đầu :

— Tôi hiểu rồi. Chết chưa tới dứt khoát phải sống đến cùng. Đề đi trở ra bằng đôi chân.

— Bằng đôi bàn chân — Nguyễn búng mạnh móng tay dày bo của mình vào song cửa — Chớ quyết không bằng đôi đầu gối...

phong sơn

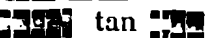
RẮC RỐI

Huế, ngày...

M... thân,

TRONG bức thư của M... mình suy nghĩ nhiều về hai chữ «rắc rối» mà M... đã tặng cho bọn mình ở ngoài này. Chỉ một năm thôi, một năm M... xa xứ Huế, xa dòng sông Hương, núi Ngự Bình, xa câu hò, tiếng hát quê hương, xa những ngày chạy hoảng kiếm cơm ăn để học, xa khoai sắn, xa cơm hến, mắm ruốt, bánh bèo... bây giờ M... đã hơi thay đổi để viết thư mà tặng cho bọn mình một chữ «rắc rối» sau những ngày sôi động đấu tranh tại quê mẹ chúng ta.

Mình dùng chữ «hơi thay đổi» để nói về M... vì mình vẫn tin rằng những gì cay đắng, chua xót của miền Trung đã tạo dựng được cho M... thành người lớn chắc chắn sẽ còn sức mạnh «niú kéo» M... trở về với quê mẹ, với sự

sống đơn giản hằng ngày là «sống thì phải tranh đấu» chứ không có gì rắc rối như M... tưởng. Kề ra bọn mình cũng hiểu nếp sống hiện nay của M... Đi học đều, giáo sư thương yêu, tin cậy, chóng đỗ đạt, có tiền học nhảy, đi «dancing», uống rượu mạnh, xem «play-boy». Đại lộ thì rộng, bằng phẳng, sáng chói ánh đèn, thành phố thì náo nhiệt, yên ổn, vui tươi,  tan  cho nên M... không muốn bọn mình «rắc rối».

MÌNH đã vào SAIGON... Tìm đến thăm M... trong một buổi họp mặt sinh viên. Cũng là một sinh viên, tuy đã lớn tuổi, vì mình phải chạy cơm nuôi vợ con và những người thân yêu để gắng gỏi rồi mà học lần lần. Mình có cái may mắn hơn M... và những người bạn «bạch diện» khác bởi vì mình đã từng làm thợ sửa xe đạp, thư ký hằng buôn,

Tá chích đạo, làm công chức, đi lính chiến đấu và kẻ cả sinh viên chạy bỏ hơi tai để kịp nghe các bài giảng tại Đại học... Minh phải tự hào về sự lớn tuổi và những chập chững của cuộc đời để chân thành viết đến M... một bức thư với niềm mong ước thiết tha là bọn mình sẽ không mất M...

Qua cánh cửa sổ phòng họp, mình bắt gặp M... đang đứng phát biểu ý kiến trước anh em. Minh run lên vì xúc động. Người bạn trẻ thân yêu của mình đứng đó, dáng điệu đó, khuôn mặt sáng sủa đó, mình muốn nhảy vào ôm chầm lấy M... cho thỏa tình sau một thời gian dài xa cách. Nhưng mình đã đứng sững lại, bàng hoàng nghe những lời phát biểu của M... giọng M... vẫn sắc bén, rành rọt như những ngày về trước nhưng mình thấy ngưng ngừng không có sức lửa nhiệt thành và sự am hiểu thấu đáo tình hình... Minh nhắc lại vài câu nói của M... nhé! Nào là... trong lúc này, trước hiểm họa cộng sản, vấn đề quan trọng là phải siết chặt khối đoàn kết Quốc gia để chiến đấu chống cộng... nào là: chống cộng trước, nói chuyện dân chủ sau... nào là phong trào tranh đấu của miền Trung có bàn tay Cộng sản giặt giũ...!

Khuôn mặt M... sáng rỡ nhưng còn non nớt quá. Chắc chắn là M... sợ những biến động, sợ những thay đổi, sợ không chịu đựng nổi với cuộc sống cần sự tranh đấu, cần khả năng và ý chí. Cuộc đời bình lặng, học hành đỗ đạt, cuộc sống đô thị với cuộc vui suốt sáng, trằn cùi thâu đêm bao giờ cũng làm cho người ta thích thú hơn là bày

ra những vụ «rắc rối» như bọn mình. Tại sao M... không nói thêm như ngày xưa đã có cái gọi là Lực lượng Sinh viên Học sinh bảo vệ giáo dục thuần túy! Đưa chính trị ra khỏi học đường... Các ông lớn có xe hơi nhà lầu sợ con cái mình không nổi gót hoạn lộ để vinh thân phì gia trong túi nhục, đã nói như vậy. Nếu đưa những ý thức chính trị cao đẹp hợp với nguyện vọng quần chúng ra khỏi học đường thì nên trở lại với chế độ bùa mê thuốc lú Ngô gia, thực ra thì phải đưa những tham vọng lợi danh, lý tài, vọng bản, đưa những đầu óc thiển cận ra khỏi đầu não của những người gọi là lãnh đạo sinh viên.

M... à! những người thanh niên trí thức được gọi là sinh viên đã làm lịch sử kể từ 1963. Hiểu biết, hăng say, trong sạch, đó là ba đức tính của sinh viên để có được những phản ứng kịp thời và cần thiết trước những biến chuyển chính trị, trước những đòi hỏi của quần chúng ngày nay. Cho nên mới có những rừng người của ngày 1-11-1963. Muôn ngàn suy tư, bất mãn của kẻ sĩ đã thể hiện bằng hành động. Óc sáng suốt và ý chí dẫn thân đã tạo nên ngày 25-8 tại thủ đô SAIGON, xé nát một lá bùa thô bỉ của con bài quân phiệt NGUYỄN KHÁNH. Nhưng chừng ấy đã đủ chưa để xác định sự có mặt đẹp đẽ của sinh viên trong lòng quần chúng trong lòng dân tộc và đất mẹ V.N. Phải buồn mà than thở với nhau rằng bên cạnh những thiện chí đáng ca ngợi thì lại có những phản bội, những tham vọng mù quáng đang phá hoại...

M... thử nhớ lại xem. Bên cạnh

những người bạn chúng ta kết hợp hành động vì những ý niệm cao cả thì lại có những tổ chức lớn sòng lên mặt đao đức; 那些 那些 那些 那些! quảng cáo như thuốc cao đơn.. Hãy nhớ lại. Nào là Lực lượng sinh viên liên khoa, nào là Hội đồng chỉ đạo sinh viên học sinh, nào lực lượng sinh viên bảo vệ giáo dục thuần túy, bảo vệ Dân tộc (!) Chao ơi là to tát. Cũng đừng làm như ngày nào, dựng lên cái sân khấu có bối cảnh là ngày 20-7 để đòi Bắc tiến bằng văn hóa rồi kéo nhau đi đập phá những vật vô tri : tường vôi, trụ sắt trong khi đó những anh chàng lãnh đạo, những kép chính lại chạy chọt đề hoãn dịch, khỏi khoắc chiến y... ra chiến trường !

Phở, trà, Chợ Dinh, thuốc Cầm-Lệ, dừa Tam Quan. nước mắm Phan Thiết... chừng ấy đủ để chúng mình sống khổ có nhau trong tình thương yêu... Sự thương hại của M... hay sự đe dọa **ĐANG ĐANG** đối với miền Trung cũng chỉ là những thử thách. Mình vẫn tin ở tình đồng bào ruột thịt của nhân dân toàn quốc khi miền Trung đói khổ... Người dân miền Trung đã chỗi dậy trong chịu đựng, trong khốn khổ, M... hãy tự hào và yên tâm...

Đó là con đường DUY TÂN, một đoạn quốc lộ số 1 từ AN CỤU đi vào lòng thành phố HUẾ... Con đường chính của mọi người, của mọi du khách dùng đường bộ từ ĐÀ NẴNG đến HUẾ, con đường gợi lên hình ảnh HUẾ với những mái tóc thề óng ả trên những thân áo trắng thấp thoáng nhịp cầu Tràng Tiền trước mặt. Con đường đó đã có hai hàng rào kẽm gai chặn hai đầu để người dân Việt Nam và mọi du khách vào HUẾ phải đi vòng một con đường khác xa hơn và tử nhục hơn. Ít nhất người bạn đồng minh HOA KỲ cũng nhận thấy cái lịch sự tối thiểu của một dân tộc đối với một dân tộc về hình ảnh con đường chính của xứ Huế chúng tôi. Một khách sạn, một chỗ ở, một căn cứ có thể đặt ở một khu riêng biệt chứ không phải là cứ ở bừa ra mọi phố chính để biến thành phố thành pháo đài... Hình ảnh này hoàn toàn không đẹp và đó là những trở

còn lại những đồng tiền trong tủ két

MỘT xã hội mới và những hiện tượng mới... Những làn sóng người kéo về các thị trấn, không phải chỉ tị nạn Cộng sản mà phải nói là tị nạn ~~chính trị~~ hận thù vô tình và khủng khiếp. Ở các thị trấn, nông dân ngư dân, lâm dân là lao công, cơm ăn áo mặc tùy thuộc vào đồng tiền ban ra nhưng cũng phải lặn xả vào làm ăn để sống. Ở lại với quê hương ư? Ở lại với đồng lúa nương khoai, với mồ mã cha ông, với mảnh đất chôn nhau cắt rốn ư? Một quả tạc đạn sẽ rơi ngay giữa mâm cơm chưa biết lúc nào... Một tiếng súng let đẹt bắn lên một chiếc phi cơ ~~đang bay~~.. Chắc M... cũng không quên hình ảnh người thợ hót tóc cụt một chân trong xóm chúng ta đây chứ? Cứ mỗi lần nhìn anh ta nhảy cò cò chung quanh chiếc ghế hót tóc là chúng mình ứa nước mắt. Người nông phu lực lưỡng như thế đó, đang dồ mồ hôi trên lưng cày thì một tràng đại liên từ đâu bắn tới... Bây giờ cán cuốc, Chuối cày, mảnh đất màu mỡ phải vứt bỏ hết để kéo lên thành phố. Anh đứng đó, đang nhảy cò cò chung quanh chiếc ghế hót tóc, kiếm mỗi ngày nhiều lắm là Năm chục bạc để nuôi một vợ và 5 con thơ dại. Đó chỉ là một trong muôn ngàn cảnh huống nạn nhân chiến tranh chứ M... đừng tưởng đó là một biệt lệ. Với số lợi tức nghèo nàn đó để sống trong thời buổi vật giá hôm nay chắc M... sẽ suy tư nhiều để tạm quay lưng với ánh đèn đại lộ, với những tầng «bình đình» cao ngất, với những đồng tiền mà người ta đã vứt ra cho M... không đếm xuể. Một buổi dạ hội ở một đô thị lớn thì bao giờ cũng

63

náo nhiệt tung bừng, nhưng đó chỉ là một tổ chức dạ hội. Mình mong rằng M... đừng tưởng thuật dạ hội đó mà cho rằng thành phố thật là vui tươi.

M... oi! Tuổi trẻ hăng say, giàu nhiệt tình dẫn đầu nhưng cũng dễ nông nổi vì định kiến, dễ hành động vì những âm mưu ve vuốt nếu không thực sự đặt mình vào cảnh huống của đất nước, của quần chúng, cái quần chúng lớn lao đang điều linh vì chiến họa và những khuấy phá chính trị bất chính. Sáng suốt, nhiệt thành và trong sạch, chúng mình cứ nhìn thẳng vào con đường đi tới, khách quan nhận định cho vững, hiểu rõ quần chúng hơn để đừng tuyên bố và hành động sai lệch, Đừng nói như những người có nhà cho Mỹ thuê khi được hỏi về sự có mặt hay sự rút lui của quân đội Đồng Minh ở Việt Nam, đã khoác tay lia lịa và tuyên bố : « ồ ồ ! không được .. Không có Đồng Minh ở đây thì chết gấp ! 𠄎𠄎𠄎𠄎 𠄎𠄎𠄎𠄎 𠄎𠄎𠄎𠄎 ! » Chắc những người đó nghĩ về 50, 100 ngàn mỗi tháng bỏ vô túi kết bị mất hơn là sự sống còn của đất nước.

M... hãy nghĩ về khí thế của dân tộc, của quần chúng trong những ngày 1-11-63, 25-8-64 và những ngày gần đây. Với khí thế đó, tất cả mọi bạo lực thống trị kể từ đầu tới đều phải kiêng nể. (Đừng nghĩ) về những độc quyền chống Cộng. Mỗi một người dân Việt Nam, giống nòi Hồng Lạc, đều mang cái huyết thống chống đối, chống đối

bạo quyền, bạo chúa, bạo lực xâm lăng. Không thể có một hình thức thống trị nào tồn tại trên mảnh đất khô cằn nhưng phong phú sức đấu tranh này. Lãnh thổ Việt-Nam chúng ta giống như một chiếc đòn gánh, vừa dễ chịu đựng gánh nặng nhưng cũng có thể lật tung đi để trở thành khí giới.

Đừng định kiến, đừng lười biếng tìm hiểu quần chúng đừng hiểu nghĩa tự do trong nếp sống thác loạn hiện sinh. Con người tự do kiểu nhân vật SAGAN ư ? Đó là những tự do xa xỉ, phi nhân, những thờ ơ trơ trẽn để hưởng lạc giữa biển khổ cuộc đời. Đừng nghĩ về cuộc sống văn minh với những tiện nghi cơ khí mà cho đó là thiên đàng. Một xa lộ cũng cần nhưng một con đường mòn với những hàng tre lá lướt, với tiếng hò câu hát ân tình đêm trăng vẫn đẹp để biết bao. Đừng nghĩ rằng đặt một cái máy giếng nước bên cạnh một dòng sông trong xanh mà hô hào là khai hóa.

M... oi! Mình đang sống trong bầu trời tự do, miền Nam tự do. Thật là sung sướng để giải bày. Không ai phủ nhận sự có tự do trong một chính thể được nói. Và quốc hội dân cử vẫn cần thiết, dù là trong tình trạng chiến tranh. tôm cua và ruốt Huế, những món ăn mà M... vẫn say mê... và bây giờ nếu M... vẫn còn Mong mọi việc đều chân thành để dân tộc yên vui.

Mình có đem vào tặng M... một ít say mê thì mình sẽ mang đến.

Bức thư của mình hơi « rắc rối » nhưng mong rằng M... sẽ hiểu để không còn dùng chữ « rắc rối » để tặng cho bọn mình trong những thư sau...

Thân yêu.

P.S

chinh văn

CÂY CHUỐI

GIÓ đưa bụi chuối sau hè...

Một câu hát ru em đơn sơ nhưng đủ xác định vị trí của cây chuối cùng cho thấy sự gắn bó của nó với người.

Những con người tóc đen, da vàng, ở trên dãy đất cong cong hình chữ S, vừa khi mở mắt là gần gũi thiết thân với loại cây thân mềm, tròn, trắng, lá mỏng, to và xanh này. Nó lẫn với màu da, nó pha trong giọng nói, và hòa tan trong từng thớ thịt, mạch máu của dân tộc.

Cái giống cây thường thấy sau hè, sau dàn nước, bên chuồng lợn, chuồng trâu ấy thấm thiết với người như tình cá nước.

Mẹ tôi đã hạ sinh tôi bên một bụi chuối sau hè. Những tàu lá xanh, to như tàn lọng đó đã che nắng cho tôi; những tàu lá khô khác đã lót lưng cản hơi đất, và một đợt lá non đã trùm cái nhau, cái rốn của tôi.

Dân Việt Nam, 90% sống ở thôn quê. Tôi biết chắc, cây chuối còn ban ơn cho rất nhiều thằng bé như tôi.

Càng lớn, cuộc sống của tôi càng gắn liền với chuối hơn.

Cái gì đã ru giấc ngủ tôi êm đềm trong những ngày thơ ấu? Chiếc võng. Chính cái bẹ chuối đã xung phong giúp phương tiện đó đầu tiên.

Khi biết bò, biết phá, gặp lúc công việc đồng án bề bộn, mọi người phải ra đồng, ai người ngăn tôi khỏi men ra bờ ao? Sự dây chuối mềm mại kia tạm đủ sức thay thế một người giữ em đầy trách nhiệm.

Rồi những khi tôi vùi vĩnh, hoặc đói bụng khóc thét như cái còi, cái gì đã khiến tôi nín thính mà lại tươi cười như hoa? Chính cái thứ trái thon vàng, xinh tươi mà ngọt ngào, trái chuối.

Người giàu họ sắm cho con đủ thứ đồ chơi. Trẻ con nào thấy mà chẳng ham? Nhưng cha mẹ tôi nghèo biết sao làm vui lòng con? Cây chuối sau hè kia, cắt lấy vài bẹ, cha tôi ngồi cầm cúi một lát là tôi cũng có đủ mọi thứ như ai. Đồ chơi của tôi lại có phần mềm mại, và thanh nhả nữa

Lớn hơn một chút, khi tôi đã biết bắt chước, tự ý tìm đồ chơi, cuống lá chuối còn làm được súng trường cho tụi con nít

chúng tôi chơi trò đánh trận giả. Cu-lát chuối dễ lên mà nở cũng tròn rãi, liên thanh.

Giàu hay nghèo, bậc làm cha mẹ nào cũng mong cho con đến trường khi con khôn lớn. Nhưng khi cái sống còn chưa ổn thì làm sao dám nghĩ đến việc sắm sửa giấy bút cho con ? Vậy cái gì đã dùng ghi đầu tiên chữ nghĩa của thánh hiền : nhất một, nhị hai, tam ba, tứ bốn ? Chính những mảnh lá chuối tươi đem hơi lửa kỹ, đã một thời thay thế cho tờ giấy trắng ngày nay.

Mẹ tôi còn kể : xưa, có ông Châu Trí nhà nghèo, thuở nhỏ đã dùng lá chuối làm vở, đêm đêm đốt lá đa ngồi học thay đèn. Năm lên mười sáu đã đỗ giải nguyên.

Tôi biết thêm, cây chuối đã góp phần vào nền văn hóa của dân tộc.

Ai đã từng sống ở thôn quê, từng sang sông trên những chiếc đò « lá mía » giữa mùa nước lũ hẳn biết kiếp sống nó mong manh đến chừng nào. Tôi nhớ nhứt lần về quê ăn giỗ bị chìm đò, uống một bữa nước « lịch sử » trong đời. Nếu hôm đó tôi không tình cờ vớ được một khúc chuối trôi sông, chắc hẳn bây giờ tôi đã không còn đề viết ngớ ngẩn mấy lời tri ân cây chuối nữa.

Từ thuở ấy cây chuối đã làm nhiệm vụ của chiếc phao nổi cứu người.

MUỐN biết trình độ văn minh của một nước, ta căn cứ vào nền văn hóa của nước đó. Mà văn hóa là gì nếu không phải là bao gồm tất cả các phong tục tập quán ? Chuối đã lại tô điểm rất nhiều về phương diện đó.

Ngày đầu tháng trẻ em, bắt luận giàu nghèo, nếu cúng mừng thì nhất định thế nào cũng phải có một nải chuối bên chũn đèn,

lư hương. Con khó nuôi, các bà mẹ tin dị đoan thường đem con bán cho « Bà », cho « Cậu ». Lễ vật ưu tiên vẫn là một nải chuối. Mất con gà con vịt may đâu tìm lại được thế là tạ ngay ông Địa một nải. Trong nhà trong cửa, vợ chồng con cái, mạnh giỏi bình an, nấu ít chén chè, vệt lông một vài con gà, con vịt, xây một vài nải chuối trên cổ bông đề cúng đãi những bậc « trên đầu trên cõ », những kẻ đi về trong chốn u minh... ,ai lại tiếc gì ? Và ai đành tiếc, khi đi buôn đi bán, qua đò qua giang thuận buồm xuôi gió, lại không sắm một nhánh bông, vài nải chuối hậu tạ « Cô Bác Ngài » ?

*« Rằm tháng bảy kẻ quảy người không
Rằm tháng mười, mười người mười quảy »*

Chẳng lọ ngày rằm, ba mươi, mừng một, ai người quên được hình ảnh một nải chuối trên bàn thờ ?

Một năm có bao nhiêu ngày phải cúng quảy là in như phải bấy nhiêu lần có mặt của chuối : chuối xanh, chuối khô, chuối hột, chuối chín, chuối thanh tiêu, chuối xi măng, chuối cau, chuối sứ, chuối mốc, chuối già, chuối chà và, chuối hột, chuối ngự...

Trong năm, chúng ta có ba cái Tết : Đoan Ngọ, Trung Thu, Nguyên Đán. Ba ngày đó quan trọng bao nhiêu, địa vị của chuối càng cao càng vững bấy nhiêu.

Đời người có hai ngày quan hệ : ngày cưới hỏi và ngày chết. Chuối vẫn lại có mặt đủ trong hai ngày đó.

Trái chuối ở thời kỳ nào cũng đều đặc dụng.

Chuối non còn trong búp thì luộc chấm mắm nem. Chuối chín thì kẹp thịt vịt, thịt phay.

ăn xương cầm hoặc làm chua nhấm rượu. Nhưng hợp khẩu nhất có lẽ là nó đi với thịt cây. Dân làng nhậu xoi «mộc tồn» mà thiếu chuối chất, thiếu môn ghém chuối con thì cứ cảm thấy quạnh hiu như đời vắng một cái gì.

Chuối hươm thì nấu hoặc nướng đều tuyệt. Đặc biệt hơn nữa là bọc thêm một lớp nếp, nướng phồng. Còn thuộc hạng siêu là phải kể chuối chưng nước cốt dừa.

Ai đã từng thưởng thức một lần trong đời miếng chuối chưng nước dừa đường cát miền Nam hay thắng hoặc nghe được vài khi cái giọng thanh bon của chị Tư, của cô Hai: «Ai... chuối chưng nước dừa đường cát... hôn?...» thì dẫu có cách xa ngàn vạn dặm vẫn cứ thấy nhớ đến xót xa phải quay về quê... thưởng thức thêm một lần nữa. Đó là chưa kể những lúc đói lòng, — đói lòng ăn miếng chuối... chiêm.

Có được một vài trái chuối ba hương trắng miêng sau mỗi bữa cơm, quả thật cái kiếp nhân sinh chẳng còn gì để phiền trách nữa. Nhưng cũng có lắm người «kiệt» nặng hường cho chuối chín vào cơm thay đồ mặn. Giá có thêm chút tương chao, ăn một vài lần trong tháng, kẻ cũng sạch người mà lại sớm muộn tròn quả phúc chứ sao! Lại có kẻ học đòi theo Âu-Mỹ mà rỗng túi, nhét chuối vào bánh mì nguội, xài tàm tàm như vậy kẻ cũng người quên được phở mát, vẫn hay. Còn cái anh chàng mập tròn quay kia, chơi đây một lượt vừa chuối, vừa bơ, vừa phở mát thì thật là quá quắt lắm, vì nói của đáng tội, nó ngon quá đi mất!

MA hễ đã nói đến chuối thì phải nhớ đến lá, cuống lá và bẹ. Trong lịch sử những cái tết của người Việt chưa bao

giờ thấy vắng mặt bánh ú, bánh tét, bánh chưng. Nhưng cái gì dùng để gói những chiếc bánh thơm tho, đã dẻo mà lại vừa béo, vừa bùi đó? Ai cũng biết phải là lá chuối, dây của cuống lá, hoặc bẹ chuối.

Ngày Tết ở Bắc Việt, nhà nào thiếu bánh chưng kẻ như vô phúc nhất. Ở Trung, thiếu bánh tét xem như chưa ăn tết, rầu rĩ như trong Nam, ba ngày quan trọng thiếu dưa hấu đỏ trên bàn thờ ông bà.

Chẳng riêng gì các loại bánh kẻ trên, tất cả các loại bánh làm bằng nếp, bằng tẻ được như bánh ít, bánh nậm, bánh rò... lá chuối bao giờ cũng là tay cộng sự đắc lực nhất, thông dụng và tiện lợi nhất.

Trong sự nổi tiếng của nem Thủ Đức, bánh dừa Bình Định, chả lụa Thừa Thiên, một phần nào về phương diện thẩm mỹ, lá chuối từng phen đã gói cảm túi tiền lẫn dạ dày của rất nhiều du khách.

Thiếu lá chuối là thiếu màu xanh, thiếu sự tươi mát, là thiếu tất cả, vô vị như «nai đồng quê» mà không chuối chất, không chuối cây non; như thuốc xắt cầm lệ mà không được gói trong lá chuối tươi.

Đã có một thời, lắm anh chàng có mới nới cũ, thường chạy chọt tìm cho được những chiếc hộp thuốc Kalmine, hoặc thuốc ba số 5, thuốc con mèo, để đựng thuốc xắt thay cho lá chuối. Trông ra cũng có phần lịch sự thanh nhã đấy, nhưng vào những ngày hè, cứ mỗi lần giờ hộp ra, nhìn phải những lát thuốc nứt nở, gãy vụn, thấy nó đón đau biết chừng nào. Thuốc lá người cần trọng còn đem đùm trong lá chuối, trong bẹ chuối dẫu dưới gầm giường cho đượm, cho dịu mình, nữa là cầm lệ. Mỗi tình «thuốc, lá» tự nghìn xưa đã gắn bó keo sơn.

Và nhớ đến thuốc thì phải đừng quên

đến giấy, mà đã nhớ đến giấy thì xin đừng quên đến đợt chuối non. Những cuống lá trịnh nguyên, mướt xanh như lụa nõn, vắn với cầm lẹ, dịu lười mà nhẹ khối, hút vào thấy đời quả đang lên hương.

NGAN xưa cũng như trong những năm kháng Nhật, kháng Pháp gần đây, cái lần đầu tiên người nông dân tập ném dao, múa kiếm, bắn súng, bắn cung ; cây chuối đã không ngừng phục vụ hy sinh.

Trong những ngày đầu vùng lên của dân tộc, ngân quỹ quốc gia nghèo nàn, lấy gì chu cấp đầy đủ cho ngành quân y ? Các chiến thương lấy gì đề băng bó, đề treo những cánh tay, những bắp chân rỉ máu ? Đã có chuối dây rồi. Người ta tróc bỏ phần cứng bên ngoài bẹ chuối, đem căng khô phần xốp bên trong, xong cuộn lại làm băng ; xem cũng khá êm như băng vải thật.

Trong thời ấy, đã có lắm cái đầu cát cao hãnh diện vì được mấy mảnh băng tự túc vắn dọc vắn ngang, hình ảnh thật vừa cảm động vừa phấn khởi, đậm đà mối tình đất nước.

Bọn cướp nước càng ngoan cố, quyết tâm nuốt chửng giải đất thân yêu, toàn dân ta càng một lòng đoàn kết, đồng cam cộng khổ đánh giặc giữ làng. Những năm cơm muối vùng của các mẹ các chị nuôi quân thật vô ngần thấm thiết. Càng thấm thiết hơn là mùi lá chuối tươi quyện hương lúa mới, ngậm trong miệng nó thấm tận tâm lòng, nhớ đến chết không quên.

ĐÓ là chưa kể chuối đánh giặc. Trong mùa chinh chiến, bọn xâm lăng cứ nhìn những bẹ chuối trôi sông là giật mình thon thót : thủy phi hoàn, ngư lôi hạm của Việt Nam đấy.

Cây chuối sinh ra và lớn lên từ lòng đất Việt đề rồi trở lại phục vụ hy sinh cho giòng giống Việt.

Tôi yêu vô cùng hình ảnh dung dị đó.

Xưa, các cụ thường bảo cây trúc tượng trưng cho người quân tử. Tôi cho cây chuối còn thanh cao hơn mấy vạn. Chuối chỉ biết cho, cho rất nhiều, nhưng bao giờ cũng khiêm cung lặng lẽ. Trước làn tên mũi đạn quân thù, chuối luôn lấy mình làm bia đỡ đạn cho đồng bào tôi. Chuối xây hầm, chuối xây công sự, chuối vây quân giặc, chuối che dân lành.



Giặc đến mang theo điều tàn chết chóc. Nhưng giặc đi rồi ong toi cũng tan nhanh. Tro than kia ngấm vào lòng đất đã trở nên những thứ phân bón nhiệm mau. Vươn chuối đốn rồi lại mọc. Một cây mẹ ngã xuống, hàng chục cây con sẽ lại vươn lên. Vươn tước Việt Nam không bao giờ hết chuối. Màu xanh không bao giờ vắng thiếu trên đất nước ta. Và cũng như mầm chuối, mỗi một người dân Việt sống sót hôm nay mang thêm sức mạnh của ngàn vạn người đi trước. Họ lớn nhanh như gió bão, ngạo ngễ như ánh sáng, như mặt trời. Sức nào hòng ngăn nổi ? Như sông như núi, chuối vẫn mọc tràn xanh mướt quê hương.



nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

VII

TÔN GIÁO là sự cảm thông nối kết.

Tôn giáo không thể là những lớp thành trì phân cách con người với con người, và thể hệ của em có trách nhiệm hoàn thành công cuộc giải phóng cho con người ra khỏi thái độ tự giam hãm trong những nhận thức có tính cách cố chấp và cuồng tín. Công cuộc giải phóng đó đã được bắt đầu từ lâu, đã được nỗ lực thực hiện nhưng chưa được hoàn tất. Nhận thức của con người về tôn giáo đã được thay đổi một cách đáng kể nhờ sự tiến bộ của khoa học, triết học và xã hội học. Chúng ta nên phân biệt tôn giáo và nhận thức của con người về tôn giáo ĐỨC KITÔ, ĐỨC THÍCH CA và bản ý của các bậc thánh nhân ấy đã được thời đại từng địa phương quan niệm và nhận thức một cách khác nhau, và những nhận thức và quan niệm đó chưa hẳn đã là đúng với bản ý các Ngài. Có một bữa tôi thấy trong hàng sách một cuốn viết

về thần học nhan đề THƯỢNG ĐẾ CỦA ANH QUÁ NHỎ BÉ (Your God is too small). Thượng Đế thì không bé nhỏ, nhưng Thượng Đế CỦA ANH. Thượng Đế CỦA NHẬN THỨC ANH thì phải bé nhỏ. Bởi vì quan niệm và nhận thức của anh có thể còn ấu trĩ, sai lạc. Cho nên ta có thể nói đến những tiến bộ của tôn giáo, hoặc rõ ràng hơn là những tiến bộ của con người trong phạm vi nhận thức tôn giáo, thái độ tôn giáo và hành trì tôn giáo. Những tiến bộ ấy được trông thấy ở khắp mọi tôn giáo và nhờ đó những người theo tôn giáo càng tỏ ra khiêm cung hơn, cần trọng hơn và khoan dung hơn. Cuồng tín và cố chấp là những gì nặng nề và hủ bại nhất mà tôn giáo phải dả phá. Những nỗ lực liên tục của Cơ đốc giáo chẳng hạn trong mấy mươi năm gần đây diễn hình nhất là phong trào Occuménique và Công đồng Vatican là những dấu

hiệu của sự thao thức thường xuyên để khắc cơ hóa tôn giáo trong những điều kiện trí thức và tình cảm của đời sống mới.

TÔN GIÁO đã có mặt từ buổi bình minh của lịch sử nhân loại, và đã là một nhu yếu lớn của đời sống nhân loại. Tuy vậy, tôn giáo của hôm nay không phải là tôn giáo của ngày hôm qua, và tôn giáo của ngày mai cũng sẽ không phải là tôn giáo của ngày hôm nay. Điều này là một sự thật lịch sử. Nghiên cứu lịch sử tôn giáo bằng nhân chủng học, tâm lý học và xã hội học chúng ta thấy ngay điều đó, rằng tôn giáo không có bản chất cố định; bản chất của tôn giáo không thuần nhất, nó thay đổi tùy thuộc thời gian và địa phương, tùy thuộc những điều kiện sinh hoạt của từng xã hội. Những tôn giáo có tính cách cổ sơ (religion primitive) nhằm đến sự thỏa mãn những nhu cầu khẩn bách nhất của con người: chống lại đói, lạnh, bệnh tật, chết chóc. Khoa học kỹ thuật chưa phát triển, chưa bảo đảm được cho con người chống lại những thử thách thì con người còn cần đến thần linh, đến ma thuật, đến tôn giáo. Nền y tế hương thôn ở Việt Nam một khi có cơ sở và đã phát triển đúng mức chẳng hạn, thì các thần linh như ông địa, ông táo, bà mụ, tà phạm nham, và trăm thứ khác phải dần dần rút lui. Chất quinine đi tới đâu thì tà ma vắng mặt bớt đi tới đó. Trong lịch sử tôn giáo những vị thần linh lớn càng ngày càng được tôn sùng, càng nắm được quyền chỉ huy các vị thần linh nhỏ bé hơn. Từ đó xuất hiện

thứ tôn giáo đế quốc (religion impériale) mà tín ngưỡng được xem như là căn bản của kỹ luật quốc gia. Thần linh của các tôn giáo này có nhiệm vụ bảo trợ cho một quốc gia, làm cho quốc gia đó cường thịnh và ủng hộ cả cho những quốc gia đó trong cuộc chiến tự vệ hoặc xâm lăng. Mỗi khi một quốc gia này thắng được một quốc gia nọ thì thần linh của tôn giáo này cũng thắng được thần linh của tôn giáo nọ. Tôn giáo với chánh trị gắn liền với nhau, không thể tách rời được. Khi xuất hiện những tôn giáo tiến bộ (religion avancée) vượt khỏi biên giới quốc gia và có tính cách tôn giáo đại đồng. Những tôn giáo này có khuynh hướng đi vào tâm linh nhằm tới thỏa mãn các nhu yếu tâm linh chứ không nhằm tới sự thỏa mãn các nhu yếu cấp bách của thân thể như trong các tôn giáo cổ sơ, những nhu yếu chính trị như trong các tôn giáo quốc gia nữa. Chúng ta thấy có những tôn giáo nghiêng về cứu thế (religion soteriologique) những tôn giáo nghiêng về nghĩa vụ (religion déontologique), và những tôn giáo nghiêng về triết học (religion philosophique). Ở các tôn giáo này, con người có quyền chọn lựa chứ không như ở các tôn giáo chưa tiến bộ, bởi vì ở đây các tôn giáo đã có tính cách sinh hoạt nội tâm hơn là sinh lý và xã hội. Tuy nhiên trong các tôn giáo này, ta vẫn còn thấy dấu vết lưu lại của những tôn giáo cổ sơ và quốc gia. Đó không phải là bản ý của người sáng lập tôn giáo, đó là dấu hiệu của những nhu yếu sơ đẳng đang còn. Trong đạo Phật chẳng hạn, có nhiều tín đồ còn cúng Phật để cầu mạnh khỏe, làm ăn phát đạt; trong đạo cơ đốc, nhiều tín đồ vẫn còn nghĩ đến thực phẩm như là một ân

huệ của Thượng Đế và đó không phải là bản chất thực của những tôn giáo tiến bộ.

TÔN GIÁO còn tiến bộ nhiều nữa trong đà tiến bộ chung của nhân loại, cùng với những tiến bộ về tư tưởng khoa học, kỹ thuật. Mà tôn giáo cần thiết cho con người. Vì vậy ta có bốn phạm thúc đẩy sự tiến bộ của con người về **NHẬN THỨC** và **THÁI ĐỘ** tôn giáo, khiến cho tôn giáo giữ được vai trò nuôi dưỡng phát triển tâm linh của con người và đừng bao giờ còn trở nên những chướng ngại, những thành kiến cố chấp và cuồng tín cản trở sự tiến bộ và giải phóng của con người toàn diện. Trong một tôn giáo, bao giờ cũng có một thiểu số người can đảm có nhận thức cởi mở, đi tiên phong trong sự khám phá và nhận thức. Cho nên em hãy tìm đọc những nhà đạo học và thần học nổi tiếng nhất để có thể đứng ở chỗ đầu đường mà nhìn về phía chân trời tương lai của những tôn giáo. Em hãy đọc những người như Jacques Maeitain, như Nicolas Berdyaev, như Martin Buber, như Paul Tillich, như Nagarjuna, như Karl Barth như Asangha, như Thân Loan, như Thái Hư, như Vive Ka na da, như Hư Vân,... Đọc những người như thế, ta thấy tôn giáo cao cả, thâm sâu. Ta thấy phần đông những người theo tôn giáo đều đi sau rất xa, đơn giản và lười biếng và ỷ lại về suy tư thực chứng cho nên dễ cố thủ, hẹp hòi và cuồng tín. Nếu em có tôn giáo, em sẽ không thể như họ. Em sẽ học hỏi về tôn giáo để thấy phần thâm thúy và siêu tuyệt của nó, để lấy những chất liệu quý

báu vô hại của nó làm món ăn cần thiết cho tâm linh em. Em hãy đóng góp vào công cuộc khai phá và thực hiện động cơ của tiến bộ tôn giáo, nếu em chưa có một đức tin nào thì em hãy thận trọng đối với vấn đề tôn giáo. Tôn giáo người ta nói, cũng như tình yêu. Cho đến khi chưa yêu, em không hiểu được tình yêu, và thấy tình yêu là lỗi bịch. Đọc một bức thư tình em thấy buồn cười. Nhưng mà ngôn ngữ của những bức thư tình chỉ có nghĩa đối với những người trong cuộc dù bức thư tình ấy bắt đầu bằng « Thừa quý nương... » Người có đức tin, theo Barth, và cả Buber, là người đã nghe tiếng gọi của Tình Yêu và đã đáp lại, không bằng một sự chấp thuận, mà bằng cả con người mình... Phần lớn, người ta theo tôn giáo vì truyền thống gia đình, vì địa lý, vì tập tục... Nếu em sinh ra ở Ấn Độ, em có nhiều cơ hội để là một người theo Ấn Độ giáo. Sinh ra ở Mỹ thì Tin Lành. Ở Nhật Bản thì Phật giáo hay Thần Đạo... Nghĩ như thế để khiêm nhượng, để cởi mở, để sẵn sàng học hỏi và trao đổi.

DÙ có đức tin tôn giáo hay không có đức tin tôn giáo, em cũng cần tìm hiểu học hỏi về các tôn giáo, và nhất là các tôn giáo có mặt tại Việt Nam. Nên nhìn các tôn giáo như những thực tại văn hóa và xã hội, như những di sản văn hóa xã hội, những nguồn tiềm năng của nhân loại, của đất nước. Phải tìm hiểu và bồi đắp các tôn giáo để các tôn giáo có thể hướng về sự thúc đẩy tiến bộ xã hội, như chúng ta tìm hiểu và bồi đắp và xử dụng các tài nguyên quốc gia. Hãy xem các tôn giáo như những

tiềm lực có thể xây dựng con người về phương diện tâm linh và xã hội. Tôn giáo không ít quan trọng hơn những miền cao nguyên trù phú, những miền đồng bằng bao la, những con sông tươi tắn, những thác nước có thể biến thành điện lực. Phải bồi đắp nuôi dưỡng và sử dụng các tiềm lực tôn giáo trong mục đích phụng sự con người. Thế hệ em phải đánh tan sự kỳ thị, bưng bít. Thế hệ em phải thực hiện tinh thần hòa đồng, nghĩa là hòa hợp mà không phải đồng hóa, giữa các thực tại văn hóa và tôn giáo. Em phải mở rộng nhận thức tôn giáo và vượt thái độ giáo điều. Hãy mang niềm tin yêu đến gặp các bạn không đồng tôn giáo với các em và sẵn sàng cộng tác. Nguyên tắc căn bản là những hoạt động nhân danh tôn giáo phải là những hoạt động xây dựng cho cuộc đời, làm cao đẹp cho con người chứ không phải là những hoạt động nhằm bành trướng thế lực và quyền lợi riêng tư cho một bản ngã tôn giáo. Nghĩa là hãy đồng ý rằng tôn giáo là nhu yếu của con người, phải phục vụ con người chứ không nên để con người chết chóc chia rẽ khổ đau vì phải phục vụ cho những giáo điều tôn giáo, những nhận thức độc quyền về tôn giáo. Nếu được then chốt ấy em sẽ thấy tôn giáo trở nên đẹp như một người yêu. Trong buổi họp mặt với các bạn em có thể đem người em yêu tới giới thiệu cùng mọi người: ai cũng vui vẻ, ai cũng chấp nhận, ai cũng mừng cho em có lý tưởng, có đức tin, có nơi nương tựa tinh thần. Ai sẽ còn giữ sự kỳ thị?

Không khí tôn giáo vẫn còn nặng nề, trong lúc này, và điều đó

trông cậy ở sự cố gắng, thái độ cởi mở và tôn trọng của em. Phải làm sao cho mọi ngôi chùa, mọi tu viện, mọi giáo đường trở nên những bông hoa tâm linh đẹp nhất của đất nước. Và làm sao cho những cộng đồng tôn giáo đều hướng về sự phát triển đời sống toàn diện của con người, làm sao cho mọi tôn giáo gặp nhau trong thái độ thực sự nhân bản, không lấy những nhận thức độc quyền về tôn giáo — những giáo điều — mà lấy con người làm đối tượng và cứu cánh.

. NHẤT HẠNH

Lời cuối

CẢM ơn em đã theo tôi tới đây, cảm ơn em đã cho tôi cơ hội trở lại với tuổi hai mươi của tôi bởi khi nói chuyện với em, thực tình tôi đã được sống lại trọn vẹn những vấn đề tuổi trẻ. Tôi đã không viện tới một uy quyền nào cả dù cho đó là uy quyền Thượng Đế, uy quyền đạo đức hay uy quyền tổ quốc để nói chuyện. Tại sao chúng ta lại phải bắt đầu bằng một sự thừa nhận uy quyền. Tại sao ta không nhìn thẳng về con người, con người của chính ta và của những người xung quanh ta. Tôi đã nói đến con người như một hợp thể ngũ uẩn. Tôi đã nói đến con người như một hợp thể sinh tâm lý. Tôi đã nói đến lý tưởng, trí tuệ, tình yêu và tôn giáo như những nhu yếu của hợp thể sinh tâm lý ấy. Tôi có thể bị một số các nhà tôn giáo và đạo đức la

măng, nhưng tôi nghĩ có lẽ vì đứng ở miếng đất rất nhân bản này mà tôi có thể trò chuyện với em. Trong đạo Phật, tôi đã học được tư thái tự do không thần phục một uy quyền nào, không lấy một nhận định siêu hình nào làm khởi điểm cho sự tìm hiểu các vấn đề của sự sống. Vậy tôi đã bắt đầu từ sự quan sát những thực tại sinh tâm lý của con người và không chịu để cho một ý niệm siêu hình một nguyên tắc đạo đức sẵn có nào hướng dẫn và khuôn khổ. Nhưng mà từ đó đi tới, chúng ta cũng hiểu được nguyên do của những thành kiến và cố chấp đã từng làm cho chúng ta khổ đau. Chúng ta đã bắt đầu bằng những gì gần gũi nhất và nhân bản nhất để đi tới. Đi tới đây không phải là đi tới lĩnh vực siêu hình nhưng mà đi tới một nhận thức không thành kiến và khỏe mạnh về những gì gần gũi nhất và nhân bản nhất ấy mà chúng ta không cần phải rời khỏi những thứ ấy và chính do đó mà ta tìm thấy chúng là mầu nhiệm, là linh diệu, là tất cả. Sự sống quý báu và trong sự sống không có cái gì xấu xa, thấp thỏi, đáng khinh thường. Chỉ có sự chết mới là xấu xa và thấp thỏi, đáng đánh bại mà thôi.

TÌNH trạng đen tối xấu xa là dấu hiệu của một sự đe dọa cái sống,

hiện tượng hoảng hốt, thất vọng, cô đơn của tâm hồn là những thắng lợi của cái chết trên sự sống. Con đường thoát là con đường trí tuệ; con đường khỏi sự tù trầm tĩnh lắng lòng để đi đến sự xóa bỏ ảo giác vô minh, 1 nhận thức có tính cách bản lĩnh và do đó có tính cách lạc quan. Tâm ta là chủ động, và tất cả vạn sự tùy thuộc lớn lao ở nhận thức. Em hãy tươi cười; nhờ nụ cười ấy mà chúng tôi cũng sẽ tìm thêm được sự tin tưởng. Chúng ta sinh ra từ quê hương, được quê hương, được mẹ cha, được ca dao và những câu hát câu hò nuôi dưỡng. Và vì thế chúng ta có tình yêu sâu đậm và lớn lao. Tình yêu ấy biểu hiện sẽ đưa ta ra khỏi bản ngã cô đơn, cũng như sự thoát xác dần dần của trí tuệ sẽ đưa ta đến giữa lòng nhân loại và vũ trụ. Nhân loại, và gần hơn là tổ quốc bao trùm tình yêu đất nước, tình yêu ngôn ngữ, tình yêu của những người thân thuộc. Em mới có hai mươi tuổi trên vai. Tình thương sẽ cho em thấy tình trạng đất nước, nhân loại. Tình thương sẽ dạy em hành động. Hành lý của em đã đầy đủ. Hiền ngang trong tự do, em hãy lên đường. Chân lý sẽ đón chờ em trên quá trình lột xác thường xuyên của nhận thức và của hành động.

minh lương

thủ' tìm vào

MỘT BẢN DÂN NHẠC THIỂU NHI miền Nam



Bắc kim thang cà lang bi rợ
Cột qua kèo lã kèo qua cột
Chui bán dầu qua cầu mả té
Chui bán éch ở lại lăm chui
Con le le đánh trống thổi kèn
Con bìm bịp thổi tờ ti le tờ le .

ĐÂY là một bản dân nhạc thiếu nhi mà tôi đã có dịp nghe và hát theo từ lúc nhỏ ở một vùng quê miền Nam.

Bài hát mới nghe thật ngộ ngẩn

như lối hát bắt quờ, vô nghĩa. Âm thanh tiết tấu đơn giản mộc mạc gần với giọng nói địa phương hơn là giọng hát

Nhưng nếu chúng ta được nghe các em hát giữa trò chơi « bắc kim thang »

thì nhận xét ban đầu sẽ trái hẳn lại ngay, bởi sẽ không còn một hòa hợp nào tuyệt diệu hơn, tự nhiên hơn giữa ngôn ngữ và lời ca, giữa lời ca và dáng điệu, giữa dáng điệu và cảnh sắc thiên nhiên ở đây.

Bảy giờ thôn trang Việt Nam còn thanh bình. Trong những đêm trắng mùa gặt mới, mọi người quây quần bên nhau làm việc. Từng đôi trâu ung dung đạp lúa trên những khoảng sân lộ thiên sau nhà hoặc giữa đồng. Những chiếc mỏ xẩy trên cánh tay anh nông dân lực lưỡng không ngừng xóc rơm đùn thành từng đống cao như chiếc núi con. Tiếng chày trắng vắng theo câu hát giọng hò cô thôn nữ bằng bạc khắp nơi. Lũ trẻ không sao ngủ được trong những đêm đẹp trời như vậy. Chúng tụ tập nhau lại múa hát đùa chơi, góp thêm vào cái sinh hoạt sầm uất khỏe mạnh của đồng quê chất tươi mát của tuổi trẻ yêu đời.

Tiếng hát quay tròn quện ánh trắng.

Nhịp chân sáo quay theo.

Đó là một chiếc bánh xe quay tít đang bật tung tiếng gió.

Không. Chỉ là một lũ trẻ độ 5, 7 em xuýt soát tuổi nhau, tay trong tay kết một vòng tròn. Co một chân về sau, chụm vào giữa, móc kết thành một chiếc xích vững chắc. Chân kia cùng hướng về một chiều. Tất cả nhảy cò cò và hát.

Theo với tốc độ càng lúc càng nhanh của bước chân, tiếng hát cũng dồn dập lên. Hát rập, nhảy đều, chúng nương nhau cùng quay, lắng tiếng vui

của nhau cùng cười và, nghe tiếng thở của nhau để cùng mệt nhoài thích thú.

Cứ thế bài hát được lặp đi lặp lại nhiều lần. Cứ thế, tất cả cùng quay tròn cho đến khi đuối sức, tự động buông nhau ra, ngã sóng soài xuống nền đất rạ..

Trò chơi chỉ có vậy nhưng lại được truyền tụng rất lâu và đến nay, mặc dù trải qua thời gian, vẫn giữ nguyên tính chất ban đầu. Đặc biệt hơn nữa bài hát này chỉ phát triển ở vùng quê miền Nam thôi.

ĐỂ có thể đi sâu hơn vào nội dung, chúng ta thử lần lượt tìm hiểu về lời ca, bố cục, âm thanh tiết điệu và những điểm đặc biệt của bài hát.

1) **Ngôn ngữ trẻ thơ** : Nếu ngôn ngữ người lớn là kết quả của một quá trình suy tư và kinh nghiệm sống, thì trái lại, ngôn ngữ trẻ em là thứ ngôn ngữ trực tiếp, tự nhiên như một thứ tiếng đàn, hễ chạm vào dây là bật thành nốt nhạc. Đó là ngôn ngữ của trực giác, đơn giản mà gần gũi rất nhiều với hoàn cảnh xung quanh, với sinh hoạt thôn xóm ruộng đồng. Tâm lý trẻ — qua ngôn ngữ — đặt nặng trên sự liên tưởng nhiều hơn là suy luận. Và liên tưởng đã hẳn là liên tưởng đến những gì thiết thân nhất với cái nhìn trong cuộc sống của chúng.

Cái nhìn của trẻ là cái nhìn qua sự vật, khác với cái nhìn của người lớn : nhìn qua sự kiện.

Kim khí thì chắc hơn cây gỗ, trẻ em nào cũng dễ nhận biết điều đó. Bắc

kim thang là bắc một cái thang liền
lĩ và chắc như loài kim.

Liền nhau như «chim liền cánh, như
cây liền cành», như sự vắn vít của
nhánh cà, của dây khoai lang, của dây
bí rợ.

Cột, kèo là nòng cốt của một cái nhà
Cột là vật chống đỡ mái nhà, là điểm
tựa cốt yếu cho kèo, cho rui, mè... Cột
chắc chắn, thẳng mạnh, chịu đựng.
Đó cũng chính là hình ảnh của thân
hình trẻ em trong toàn bộ căn nhà «bắc
kim thang» giữa trăng sao đồng ruộng.
Kèo là những thanh gỗ nằm ngang,
mang tính chất nhịp cầu, nối liền thân
cột này qua thân cột khác, mái trước
qua mái sau. Kèo không cứng cỏi hiên
ngang như cột nhưng tiềm tàng sức chịu
đựng dẻo dai. Uyển chuyển như những
chiếc chân bé bỏng của các em đang
móc chuyền vào nhau để tất cả giữ được
thẳng bằng trên chân kia. Những cái
chân móc dính liền nhau ở đây cũng là
hình ảnh của những nấc thang trong
toàn bộ chiếc kim thang.

«*Chú bán dầu qua cầu mà té*», «*chú*»
đây không thể hiểu là thứ tiếng gọi
thông thường để chỉ một ngôi vị ra đời
sau người cha, hoặc là tiếng thân mật
của người lớn gọi một chàng trẻ tuổi.
Chú bán dầu ở đây càng không thể là
một anh nông dân địa phương.
Nông dân thì cày cuốc ruộng vườn chứ
không bao giờ lại đi gánh dầu, nhất là
gánh dầu bán dạo. Vậy, chú bán dầu mà
trẻ em nhắc đến chỉ có thể là một «*chú
ba tàu*» đi bán dầu lẻ.

Mà đã ở thôn quê thì phương tiện
giao thông không mấy thuận lợi.

Đề vượt một con sông ngấn, một con

kinh con lạch cạn, đương nhiên là chỉ có
thề quá giang trên những chiếc thuyền
tam bản, hoặc băng qua những chiếc
cầu khỉ cheo leo với vài miếng ván,
vài thanh tre mỏng manh ghép lại.
Quang gánh kèn càng «cầu tre lắc lẻo
gập ghềnh khó đi» nên sẩy chân, chú
ba rơi tòm xuống nước.

Hoặc may mắn hơn, chú được té úp
sấp trên lòng cầu, trong khi quang gánh
đều trút cả xuống nước. Qua cầu «*mà
té*» quả là một chuyện rất đáng cười
vì chú quá vụng về.

«*Chú bán ếch ở lại làm chi*» — chú
hẳn là chú ba tàu rồi. Nhưng «*bán
ếch*» thì chưa hẳn đã là ếch thật.

Ếch vốn là thổ nưòi của đồng ruộng.
Muốn có ếch nhậu rượu, hoặc xào lăn
chỉ việc làm siêng bó vài bó đuốc, tối
tối lội ra đồng là tha hồ đầy giỏ.

Vậy «*ếch*» ở đây chỉ có thể hiểu là
«*chup ếch*», «*chup ếch*» là thứ tiếng
dùng để chỉ một cách khôi hài những
kẻ vừa «*đưa tay với*» thứ gì cao thấp.
Soạt cẳng đo xem đất vẫn dài» kiểu Hồ
xuân Hương mà thôi. Và kẻ đó không
ai khác hơn là chú bán dầu. Chú bán
dầu mà chú lại quăng cả quang gánh
xuống sông để lo chụp ếch sao? Ếch
chụp không được, vốn liếng đi đời
nhà ma, chú tiếc của nên cứ xuýt xoa
nhìn mãi xuống sông. Tay chú phải lia
phủi lia mà cũng không bắt được. Chân
chú muốn đi mà đi không đành. Chú
ở lại làm chi? Chắc chắc không phải
chú định đứng ở đó để đón nhận
những lời chế diễu của lũ trẻ nít đang
đùa chơi quanh đây.

BỜ sông, bờ lạch cây cối mọc
sầm uất, giang sơn của loài le le
vịt nước, bìm bịp vv... Giờ giấc này
có lẽ chim chóc đang thanh bình tắm
mát, xía lông hoặc bơi chải thức ăn..
Bỗng, giữa cảnh tịch mịch, chú ba tàu
rơi ùm xuống nước làm xáo động cả
mặt sông. Chim chóc hốt hoảng. Hốt
hoảng thì kêu thét lên, như chú ba đã
từng la thét. Nhưng tiếng la của chú
thì đầy sợ hãi, xen lẫn niềm tiếc của,
nên nó đục và buồn. Tiếng kêu của
chim thì nhiều ngạc nhiên hơn nên
cũng bay bổng hơn. Và khi sự ngạc
nhiên kia đã được sự rơi bồm trong
nước của chú ba giải thích thì sự ngạc
nhiên lại biến thành thích thú. Và khi
thích thú thì người ta ca hát, huýt sáo,
hoặc đánh trống thối kèn. Le le là
loài vật đầu biết làm như vậy. Ta chỉ
việc thi vị hóa, nhân cách hóa là xong :
«con le le đánh trống thối kèn»...

Nếu «chú bán dầu» trong lúc « chụp
ếch» đã làm cho lũ le le nổi hứng mà
«đánh trống thối kèn» thì chính tiếng
kèn tiếng trống kia lại làm giật mình
(hay vui lây ?) mấy chị bìm bịp trong
những bụi ô rô, bụi bần, bụi mắm gần
đấy. Đó là một thứ phản ứng dây
chuyền rất tự nhiên. Tự nhiên như
chính niềm vui trong lòng lũ trẻ đã
trải khắp cảnh vật xung quanh, mặc
áo mới cho cả loài le le bìm bịp.

Qua sáu câu ngắn gọn, giản dị, tự
nhiên ta có thể ghi nhận được trình
độ vận dụng từ ngữ rất tài tình của
trẻ em.

Cảm nghĩ của các em, qua sự vật,
đã được diễn tả một cách khá đầy

đủ hay ngược lại, trẻ em đã biết chọn
sự vật rất chính xác để diễn đạt những
cảm nghĩ trừu tượng thoát hiện rất
thần tình..

BÀI ca cũng được bố cục thật gọn
ghẽ :

— Hai câu đầu : Vừa giới thiệu
vừa tả không những cách thức chơi
mà nói cả ý nghĩa sâu cùng của trò
chơi : sự liên hệ của mỗi cá nhân trong
cộng đồng, ý nghĩa sự đoàn kết, sự hỗ
trương nhau đề tự tồn. Đây cũng là
những nét lớn, phát họa gần : chủ thể
động là trẻ em.

— Hai câu giữa : Cái nhìn được dẫn
ra xa hơn ngoài ngoại cảnh : chú bán
dầu, chiếc cầu khỉ trên sông lạch. Qua
hình ảnh ngoại cảnh đã ngầm giới thiệu
một ít cảnh trí và sinh hoạt thôn quê :
sự có mặt của ngoại kiều; phương tiện
giao thông lạc hậu đơn sơ nhưng rất
nên thơ.

— Hai câu cuối.— Đây là cảnh sát
chân trời rộng, ngát hơn. Đó là một
bức tranh thủy mặc với những nét
chấm phá hợp lý : con le le, con bìm
bịp trong những lùm cây ven sông,
lạch. Hai câu này cũng là phần kết của
bài. Tính chất gieo cảm tưởng, gieo
ấn tượng, gây cảm xúc thật rõ rệt :
đánh trống, thối kèn, thối tò tí le tò
le. Gieo ấn tượng cho người nghe
bằng ngôn ngữ đã là giỏi. Ở đây, gieo
ấn tượng bằng âm thanh. Không là âm
thanh của người nhưng là của chim.
Cũng không hẳn của chim nhưng là âm
thanh của chim - rất - người. Không
phải là tiếng người nói bằng mồm

nhưng là tiếng kèn, tiếng trống của người được nghe từ tiếng kêu của chim. Tất cả lại chỉ xảy ra trong liên tưởng, được thành hình bởi những khối óc tinh nghịch, đầy khôi hài, nhưng cũng đầy thân mật.

MẶC dầu đây là một bài hát cho trẻ em và chính do các em sáng tạo nên, lời lẽ không vì thế mà thiếu văn vẻ. Nếu cách dùng chữ của các em đã đạt mức chính xác nhất, bố cục đã rất chắc chẽ và gọn gàng thì về phương diện từ vựng, ta vẫn tìm thấy rất nhiều ưu điểm. Ưu điểm nổi bật nhất ở đây là tinh chất tùy bút. Nếu tùy bút được định nghĩa một cách giản đơn là phóng bút theo giòng cảm hứng tự nhiên, thì toàn bản văn « bắc kim thang » đã có đủ tính chất đó. Ta có cảm tưởng các em nghĩ sao là nói y như vậy — các em đâu đã học văn phạm và những cách dùng mỹ từ pháp, những cách vận dụng khả năng ngôn ngữ — nhưng chính vì thế mà lời nói của các em rất trung thành với ý nghĩ trẻ con của các em.

Đang chơi đùa, hoặc đang làm việc bỗng thấy chú bán dầu đi qua cầu trượt té, hình ảnh buồn cười đó chợt hiện lên trong trí óc của các em thì các em cũng nói ngay hát ngay ra thành lời :

« Chú bán dầu qua cầu mà té ».
Chú té, nhưng các em không muốn hiểu một cách giản dị là trượt ngã, các em không cần biết chú có bị đau đớn hay không, nhưng bản chất tinh nghịch chợt dậy, các em muốn hiểu là chú bán

dầu đang chụp ếch. Vậy là nói ra liền:

«Chú bán ếch ở lại làm chi»

Chú té làm chim giạt mình kêu thét lên, các em không muốn nói là chim hoảng sợ vì chính các em đâu có hoảng sợ, trái lại các em đang rất vui (ác hay không đâu cần). Các em được chứng kiến rõ ràng mọi cử động của chú bán dầu từ lúc chú bước lên cầu đến khi chú té, các em thấy điều đó buồn cười, cười được là vui, vui thì hát ca đánh trống thổi kèn :

«Con le le đánh trống thổi kèn

Con bìm bịp thổi tò tìle tò le»

TÍNH cách tươi trẻ hồn nhiên của các em không những thể hiện qua lời văn, từ vựng mà hàm súc, qua âm thanh bài hát.

2) Âm thanh. — Ngôn ngữ Việt Nam vốn đơn âm và giàu bằng trắc (5 dấu giọng ˊ ˋ ˋˊ ˋˋ ˋˋˊ). Trong ngôn ngữ Việt đã có sẵn âm điệu phong phú, dường như trong tiếng nói đã có sẵn một sơ đồ về bằng trắc bằng trầm của âm nhạc. Và nếu giọng ngâm thơ là một gạch nối giữa giọng đọc và hát thì âm thanh bài hát chính là một tổng hợp kỳ diệu giữa ngôn ngữ bình thường và cảm hứng tự nhiên của con người. Do đó, âm thanh bản dân ca nói trên rất gần gũi và rất trung thành với lối phát âm bình thường. Hình như trong ngôn ngữ ta đã có sẵn âm điệu cung bậc để khi tâm hồn ta vừa dào dạt thì lập tức biến thành một bài ca tuyệt vời.

Từ những đặc điểm kể trên của ngôn ngữ Việt thể hiện trung thực qua âm

thanh bài dân ca, ta có thể đi đến kết luận đơn giản này về loại nhạc dân :

— Âm nhạc phải phát xuất (bắt nguồn) từ giọng nói.

— Tính cách địa phương phải phản ảnh qua ngôn ngữ địa phương đó, điển hình là thể hiện qua lời ca.

— Căn bản âm nhạc dân tộc phải phản ảnh trung thành ngôn ngữ của dân tộc.

Nếu ngâm nga là đọc một cách giàu cảm hứng và hát, là ngâm nga một cách có tiết điệu nhịp nhàng, âm thanh phong phú hơn ; thì yếu tố căn bản của dân nhạc là phải đi sát với giọng ngâm thơ. Và đã hẳn mỗi một miền đất nước đều có một giọng ngâm thơ khác nhau. Trong câu hát :

« Nước non ngàn dặm ra đi »

chẳng hạn, mà ta thường được nghe khắp ba miền đã kết hợp được cả ba yếu tố nói trên. Hát là tăng thêm độ tình cảm của thơ một cách có tiết tấu âm vực. Nếu một bài hát không thể hiện được ngôn ngữ địa phương thì không thể được xem là dân ca của địa phương đó. Cũng vậy, suy rộng ra một bài hát Việt Nam, mà không phản ảnh được tiếng nói của người Việt thì không thể được gọi là một bài hát Việt Nam : phi địa phương tính, bất thành dân tộc tính, bất thành âm nhạc tính độc đáo của dân tộc.

NÓI như một nhạc sĩ Tây phương :
« không phải kiến thức âm nhạc tạo ra nhạc, nhưng quá trình ngôn ngữ đã tạo ra nhạc ». Hay nói rõ hơn :
« Ngày nay người ta đem sáng tác vào buổi, xưa, người ta sáng tác giữa thiên nhiên, giữa cộng đồng. Nhạc là

do đời sống cấu tạo nên ».

3) Tiết điệu.— Cũng như ca dao, đồng dao, câu hò giọng hát được hình thành từ giữa lòng quang cảnh thôn trang. Thiên nhiên ở đây rộng mở như tâm hồn người nông dân giữa cảnh trăng thanh gió mát giữa cảnh hoạt động tung bừng của ngày mùa, giữa niềm phấn khởi của ấm no hạnh phúc, nên người sống ở đây vốn lạc quan, tươi trẻ, và yêu đời. Trẻ em vô tư và hồn nhiên, nên giọng hát cũng hàm chứa tính chất nhanh vui như điệu nhảy, điệu múa, như chính sự hoạt động hàng ngày của các em, như nhịp lao động của những người thân yêu của các em.

Đó là tiết điệu đã được lưu truyền lâu đời nhất và trung thành nhất của dân tộc. Và mãi mãi sẽ còn được gìn giữ do những người nông dân chất phác thực thà trung hậu kia của chúng ta. Tiết điệu dân ca, nếu đã ăn tàng niềm lạc quan của dân tộc, thể hiện lao động tính của người nông dân cần cù nhẫn nại, nó cũng mang giữ tính cách rập bước băng rừng vượt suối trên con đường Nam tiến của tiền nhân chúng ta, xưa kia từng :

« Dắt dìu nhau về đến Cà Mau... »

Nhưng ngoài những nhận xét tổng quát ở trên, ta còn ghi nhận được những điểm rất đặc biệt về tiết điệu ở bài dân nhạc này. Ta đã biết các em hát bài đó trong lúc nhảy quay tròn. Tiết điệu bài hát quả đã mang trọn tính chất vui tươi nhí nhảnh, nhịp nhàng đó. Bài hát còn có sức lôi cuốn mãnh liệt của con trốt, bởi khi đã cất lời ca là phải ca mãi, ca mãi như đã nhảy mãi, vì sức ly tâm, sức say sưa của

bước chân; của niềm phấn khởi tung bừng thúc từ nội tâm từ ngoại cảnh. Khi các em hát đến cuối bài thì lập tức phải trở lại câu đầu ngay. Ta ghi nhận thêm : hình ảnh bài hát giống như một vòng tròn (vòng tròn của bước chân trẻ em). Ta cũng có thể hình dung tiết tấu của bài hát như một con rắn quay đầu ngậm lại chính cái đuôi của mình. Và vì là chính cái đuôi của mình nên lúc chán lại tự ý nhả nó ra — cũng như các em, khi mệt chán thì buông nhau ra nằm lăn trên đất mà thở vầy. Khỏe thì tiếp tục đùa chơi, mệt chán thì ngừng, không gì tự nhiên hơn được. Chúng ta có thể thí nghiệm để tìm hiểu sức lôi cuốn kia của bài hát bằng cách mời năm bảy bạn vừa nhảy vừa hát như các em. Chúng ta sẽ chiêm nghiệm được sức lôi cuốn vô hình, sinh lực huyền bí của vòng tròn màu nhiệm kia của âm thanh và tiết điệu dân ca Việt Nam mà điển hình là bản bắc kim thang đã dẫn ở trên.

4) Ngũ âm Việt.— Nói đến ngũ âm nhiều người thường nhớ đến năm âm : cung, thương, đốc, chủ, vũ của Trung hoa. Thật ra Việt Nam cũng có ngũ âm riêng biệt. Vì mỗi dân tộc đều có dân tộc tính, địa phương tính riêng biệt. Nếu âm nhạc Tây phương căn cứ trên bát độ : do ré mi fa sol la si do thì hẳn họ cũng có lý do riêng để sắp đặt như thế cho thích hợp với các sắc giọng phía mặt trời lặn của họ.

Ngôn ngữ Việt, có 5 dấu giọng :

(Huyền, nặng, không, không và sắc)

để diễn tả những thanh trầm bổng của lời nói hằng ngày. Mà âm nhạc là phản ảnh của ngôn ngữ địa phương, nên dân ca là phải bắt nguồn từ 5 dấu giọng kia mà đi. Trong bài « bắc kim thang » cũng vậy, khởi từ giọng nói miền Nam, 5 dấu giọng đã được diễn đạt qua 5 âm điệu : Hò xự xang xê cớng. (Tương ứng với Do ré fa sol la của Tây phương). Như vậy, chúng ta không thể nói là thang âm Việt Nam không đủ âm giai (tức là thiếu yếu tố cấu tạo nhạc). Mà trái lại, qua bài dân nhạc thiếu nhi kể trên, ta đã có một minh chứng hùng hồn rằng bài dân ca này vẫn được thấu gồm trong thang âm ngũ thanh. (Tương ứng với Game Fa dièse của Tây phương).

NHƯ vậy dân ca Việt Nam không cần phải vay mượn yếu tố nhạc nào của Tây phương về âm thanh tiết điệu mà căn cứ hoàn toàn vào âm giai ngũ âm Việt, vào ngôn ngữ, cảm hứng thuần túy của người Việt, giữa khung cảnh thiên nhiên Việt, đã đủ sức phản ảnh trọn vẹn tâm tình người Việt, trải qua lịch sử cuộc sống và hừng vọng của mình. Đó là đức tính lạc quan, tin tưởng, yêu đời. Yêu đời nên cũng yêu người, yêu người nên chuộng hòa bình, yêu hòa bình nên dễ thân thiện, và muốn thân thiện, dĩ nhiên là phải thù ghét chiến tranh. Bởi đã lặn tròn theo đà chém giết thì làm sao ca hát được giữa người với người và giữa lòng cảnh sắc của thiên nhiên.

lưu nghi

CON SÂU

NÓ nằm đó. Nó lê mình đi một chút. Minh nó dài bằng một ngón tay chỏ, lớn bằng ngón tay cái, đen, đầy lông từ đầu đến cuối. Mắt, mũi, miệng... ở đâu? Không thấy. Cũng không biết nó là con sâu gì. Nhìn hình thù đó thì gọi nó là con sâu. Cũng như thấy một nhân dạng có hai chân, hai tay, đầu, mình... thì gọi là con người.

Nó có mặt tại nơi đó đã bao lâu rồi, tôi không biết. Tôi thấy nó luôn bốn lần, sáng, chiều, sáng, chiều, và tôi để ý sự hiện diện của nó trong cát bụi, ở gốc cây dương-liễu bên vệ đường. Nó nằm đó một mình, tro trọi đơn độc, trần truồng, giữa bao nhiêu tiếng động phố phường. Chừng như nó không mấy quan tâm đến người, vật xê dịch ngay bên cạnh nó, đông đảo và liên tục, không giờ phút nào ngưng cả. Chừng như nó xa lạ với trời xanh, với gió mát, với nắng vàng, trắng sáng trong lành. Trời vẫn

xanh, gió vẫn mát, nắng vẫn vàng và trắng sáng... nó vẫn nằm trong cát bụi. Nhưng tại sao có những thứ đó, những xao động có hình thề và không hình thề, ngoài hình thề của nó? Xa lạ. Hoàn toàn xa lạ.

Đến ngày thứ ba, một buổi chiều âm u, gió lộng đuôi trôi mây xám đục ngang bầu trời, tôi thấy một lũ trẻ nít vây quanh con sâu. Lần này, nó quẩn quại — như con người quẩn quại trong cơn đau nhức — không lê mình nhẹ nhàng như hai hôm trước. Rồi nó nằm im.

Một đứa trẻ hỏi :

— Sâu gì đó bay ?

Thằng lớn nhất lấy một cành cây nhỏ quờ vào con sâu, lắc đầu.

— Ai mà biết ? Nó chết rồi.

Một đứa con gái mặc áo cánh tím hỏi

— Tại sao nó chết ? Nó đói hả ?

Thằng lớn nhất hứ một tiếng, đáp :

— Nó phải tìm lấy đồ ăn mà sống chứ.

Đưa con gái lúc này cãi lại :

— Nhưng tìm không ra thứ gì hết, lấy gì mà ăn để sống ? Hôm trước, trong hẻm nhà tao có một ông già chết queo bên đồng rác, tội ghê.

Một thằng con trai mặc quần cụt xanh hỏi :

— Tại sao thế ?

Thằng lớn nhất thét lên :
Thằng nhỏ mặc quần cụt xanh nói tiếp :
Thằng lớn nhất thét lên :
Thằng nhỏ mặc quần cụt xanh nói tiếp :

Đưa con gái mặc áo hoa nói tiếp :

— Mày tưởng chỉ đói mới chết hả ? Trăm thứ làm cho nó chết. Xe cán này. Người ta đập nó chết này. Người ta bắn nó chết này. Như mợ tư tao đó, đang ăn cơm, đạn ở đầu bay cái vù, nổ cái ầm, chết ngất nát bấy không còn gì hết.

— Thằng lớn nhất trợn mắt :

— Đừng cãi nữa. Tao hỏi tại sao con sâu này chết ?

Đưa con gái mặc áo cánh tím chỉ thằng mặc quần cụt xanh.

— Thằng mắc dịch này nè, đập con sâu đó bằng cây gỗ bự bằng bắp tay tao, làm sao nó sống nổi ?

Đưa con gái mặc áo hoa đập mạnh vào vai thằng mặc quần cụt xanh, nhìn vào mặt hắn hỏi lớn :

— Sao đập nó chết mày ? Mày ác lắm. Hắn thù gì với mày ?

Thằng nhỏ mặc quần xanh vụt đứng

dậy, thu tay, trợn mắt :

— Chứ để nó sống làm gì ? Nó gớm ghiếc như vậy, sống làm gì ? Tao thấy là tao giết hết, không chừa con nào hết. Mày bệnh nó hả ? Bà con với mày đó hả ?

Đưa con gái mặc áo hoa tức giận, mím chặt môi, nhìn chòng chọc vào mặt thằng mặc quần cụt xanh :

— Tao ghét mặt mày lắm. Mày mới mở mũi mà đã có giọng hung dữ, độc ác như bố mày. Tao biết mà, bố mày mở miệng ra là nói chuyện chém giết đòi chém hết thầy mọi người. Bố mày với mày bữa sau chết bị dày xuống địa ngục.

Thằng lớn nhất thét lên :

— Thôi, đừng cãi nữa. Điếc lỗ tai lắm. Mặc kệ bố nó. (Rồi nó quay qua nhìn thằng nhỏ mặc quần cụt xanh). Con sâu này xấu xí, gớm ghiếc thì mặc kệ nó chứ ? Ai bảo mày giết nó ? Mày giết nó mày lãnh được bao nhiêu tiền ? Nó cũng muốn sống như mày vậy chứ ?

Thằng nhỏ mặc quần cụt xanh nín thinh, nhìn xuống đất. Đưa con gái mặc áo cánh tím hỏi :

— Bây giờ làm sao đây ?

Một thằng nhỏ tóc hung vàng, đưa chân lên cao :

— Đề tao chà cho nó nát ra.

Thằng lớn nhất lại lườm thằng tóc hung vàng :

— Mày động tới con sâu tao đánh mày ngay. Mày đừng giở trò độc ác như mẹ ghẻ mày. Mày có biết mẹ ghẻ mày ác nhất hẻm số ba không ? Đi xin được ít tiền của mấy cha nhà giàu về làm tàng, khinh khi hết thầy mọi người, huyênh hoang như

con khi đột.

Thằng tóc hung vàng trở mắt :

— Mặc kệ mẹ tao chó.

Thằng lớn nhất nói tiếp :

— Mày tưởng mẹ ghê mày thương mày lắm hả ? Nuôi mày như nuôi thằng đầy tớ. Mày làm không được việc, mẹ ghê mày đuổi ra đường lúc nào không biết. Mày lo cái thân mày đi. Đừng hống hách, hung dữ nữa.

Đứa con gái mặc áo hoa đầy mạnh thẳng tóc hung vàng ngã chúi xuống nền đất :

— Mày ác lắm. Đem chôn con sâu đi bay. Tội nghiệp.

Đứa con gái mặc áo tím chột sáng mắt lên :

— Bọn mình làm đám ma con sâu đi.

Tất cả bọn nhỏ bỗng quên hẳn học, cùng reo lên :

— Ừ, làm đám ma đi cho vui.

Thằng mặc quần cụt xanh nói :

— Tao thoi kèn đám ma cho.

Thằng tóc hung vàng nói tiếp :

— Tao khiêng hương án.

Đứa con gái mặc áo hoa, khoát tay :

— Khoan đã, chờ tao chút. Tao về nhà lấy cái hộp giấy làm quan tài.

Nói xong, hẳn vụt chạy đi. Thằng nhỏ mặc quần cụt xanh và thằng tóc hung vàng cũng đi tới bờ rào. Một đứa bẻ một nhánh cây nhỏ mà dài để làm kèn, đứa kia hái một cái hoa dâm bụt đỏ tươi, đưa lên cao nói lớn :

— Hương án đây bay. Đẹp không ?

Đứa con gái mặc áo hoa đã trở lại, cầm

trên tay một chiếc hộp giấy nhỏ. Màu giấy kim tuyến chói ánh nắng chiều, rực rỡ như một thỏi vàng. Hẳn đưa chiếc hộp cho thằng lớn nhất :

— Đây, quan tài đây. Mày liệm con sâu đi.

Thằng lớn nhất cầm chiếc hộp, lật qua lật lại, nhìn thật kỹ. Đôi mắt hẳn sáng ngời. Hẳn nói một mình :

— Chà, cái hộp đẹp quá. Làm quan tài uồng quá. Hộp này đựng để cho chúng nó đá nhau thì tuyệt.

Mấy đứa nhỏ kia dục :

— Liệm con sâu đi. Mau đi, làm đám ma.

Thằng lớn nhất ngồi chồm hồm, lấy hai que gỗ nhỏ gắp con sâu bỏ vào hộp, bỏ vào một chút đất cát, xong cầm cái hộp đứng thẳng dậy.

Thằng mặc quần cụt xanh ngậm cành cây nhỏ trong miệng, giả bộ thổi kèn... tò te tí te, te tò te...

Thằng tóc hung vàng đưa cái hoa dâm bụt lên ngang mặt vẻ nghiêm nghị, lách lên phía trước :

— Tao khiêng hương án, đi trước hết.

Rồi hẳn quay lại, hất hàm về phía hai đứa con gái, nói :

— Hai đứa bay khóc lên. Khóc lên mới ra đám ma chó.

Đứa con gái mặc áo tím đã khóc từ lâu. Đôi mắt hẳn đỏ ngầu. Nước mắt chảy dài trên hai gò má đầy, mọng đỏ. Hai đứa con gái đi sát vào nhau, sau lưng thằng lớn nhất cầm chiếc hộp giấy kim tuyến.

«Đoàn đám ma» tiến lên chậm chạp. Nắng chiều chỉ còn để sót lại trên đầu cây dương liễu những bụi vàng. Thằng «khiêng hương

án» vẫn nghiêm trang đưa cái hoa dâm
bụt ngang trán. Thăng mặc quần cụt
xanh vẫn ngậm cành cây nhỏ trong miệng,
thời lên những tiếng tò te, tò te...
Thăng lớn nhất cầm chiếc hộp đựng xác
con sâu, nhìn thẳng phía trước. Hai đứa
con gái đi sau vẫn khóc ngon lành, như đưa
đám ma thật.

Đi được một quãng đường, đứa con gái
mặc áo cánh tím dừng lại, lau nước mắt
trên cánh tay, nói lẽ nhè :

— Thôi, tao không đi nữa. Tao về. Buồn
lắm.

Đứa con gái mặc áo hoa cũng dừng lại :

— Tao cũng buồn lắm. Tao nhớ mẹ Tư
tao quá.

Rồi cả hai đứa con gái bỏ đoàn đám ma,
dẫn nhau quay về.

Đoàn đám ma chỉ vồn vện, ba thằng con
trai, đi mãi, đi mãi ra bãi cỏ sát bờ sông.
Thăng khiêng hương án buông xuôi cánh
tay cầm hoa dâm bụt nói :

— Khiêng hương án mỏi tay quá.

Thăng mặc quần cụt xanh vẫn tiếp tục
thời kèn miệng... tò te, tò te tí te...

Thăng lớn nhất dừng lại, nói :

— Đến nơi rồi.

Thăng mặc quần cụt xanh rút cành cây
ra khỏi miệng, không thời kèn nữa. Ba đứa
nhỏ ngồi quanh chồm hồm, hí hục đào một
cái lỗ sâu nửa bàn tay. Dòng sông trôi lơ
lửng phản chiếu bầu trời hoàng hôn. Những
ngôi sao lấp lăm rưng xuống lòng sông.

Thăng lớn nhất đặt cái hộp giấy kim
tuyến xuống lỗ. Cả ba đứa đua nhau lấp
đất thật đầy, thành một nấm mộ nhỏ xíu.
Thăng mặc quần cụt xanh chợt nói :

Quên đem hương đèn rồi.

Thăng tóc hung vàng đưa cái hoa dâm
bụt ra trước mặt :

— Lấy cái bông này làm hương.

Rồi hắn cầm chiếc hoa đỏ ối trên một
đầu nấm mộ.

Phổ phưởng đỏ lửa từ lúc nào không
biết. Dòng sông trở màu xanh đậm — màu
xanh của bầu trời. Thăng lớn nhất dục :

— Thôi, tối rồi. Về đi.

Ba đứa trẻ bỏ nấm mồ nhỏ mới đắp
nhảy lưng tung về đường cũ. Tội
ngồi lại trên bờ cỏ, không buồn, không
vui, nhưng thoáng nghĩ con sâu kia
thật là có phước. Gió đêm dịu hiu
thổi, mát rờn da thịt. Những ngọn điện bên
kia bờ sông đục ngầu như những con mắt
khóc đêm.

Một lát sau, tôi chợt thấy hai đứa trẻ
chạy nhanh xuống bờ sông, chỗ chôn con
sâu lúc nãy. Hai đứa giành nhau đào đất.
Chúng nó xô đẩy nhau như hai đối thủ đồ
vật. Hai hình người nhỏ bé té nhào trên
nền cỏ. Tôi nghe thoáng qua cơn gió những
tiếng thở nhọc mệt, một vài tiếng chữ thề.
Một đứa ngã nhoài trong bóng tối. Còn đứa
kia chạy vụt lên mặt đường. Nó chạy thật
nhanh, vung mạnh hai cánh tay. Khi nó
chạy ngang qua một trụ điện đường, tôi chợt
thấy từ bàn tay của nó ánh lên màu giấy
kim tuyến chói sáng như thời vàng.

Thăng nhỏ thứ hai cúi thủi leo lên bờ
cỏ, lướt qua bên cạnh tôi. Tôi nghe hắn
chửi thề tục tĩu.

LÚC bấy giờ tôi lại nghĩ con sâu thật
là vô phước.

Dòng sông xanh đậm bốc hơi nước mát
rờn da thịt.

Một cụm mây trắng trôi trong lòng sông
che lấp những ánh sao.

minh dũng

TRUYỆN HAI ANH EM SINH ĐÔI

● Năm 1942

Hai vợ chồng bác Vinh đã nhiều năm không có con. Hôm nay sinh một lần hai đứa rất mập mạp. Hàng xóm có người nói : Một trong hai đứa trẻ sẽ có một đứa chết cho đứa kia được sống. Bác Vinh nhìn vợ cương quyết : không, con chúng ta sẽ sống mãi. Nó sẽ sống mãi. Khi chúng ta chết rồi nó vẫn còn sống. Bác gái nước mắt đã chảy xuống má, sung sướng nhìn hai đứa con đang ngủ ngon trong tay nôi của mình. Vợ chồng bác đặt tên cho chúng là Hiếm và Muộn, để nhớ sự vui mừng, phúc lộc của gia đình. Hai đứa trẻ nường náu lớn lên giữa cảnh chiến tranh tàn khốc, giữa trận bão đói rục rụi, giữa muôn

và cái chết quật ngã chung quanh.

● Năm 1962

Hiếm và Muộn nhập ngũ vào quân đội, Hiếm ở một vùng tận biên giới Miên-Việt. Nơi hằng ngày cái chết rình rập, dò thăm. Muộn cũng ở tận sơn cước miền Trung. Tại một tiền đồn đêm đêm đạn bay trên đầu như muỗi đói.

● Năm 1963

Cả hai anh em không hẹn nhau về phép thăm nhà. Người cha thấy hai đứa con bỗng khóc oà : mẹ chúng mày đã chết rồi. Bác Vinh kể tiếp : Hôm đó sau buổi đi cày ruộng về, tao thấy mẹ chúng mày nằm ngấp ngoái giữa nền

nhà, bên cái hố đạn mới đào, nhà cửa bị lũng toe toét, những nòi niêu, com cá vắng đầy mình mẹ chúng mày. Khi đó mẹ chúng mày còn nói được. Hai mặt đã bị đạn xẻ thành một cái hố sâu đầy máu. Khi nghe tiếng tao, mẹ chúng mày quờ quạng ngồi dậy nhưng không được. Tao không quên được những phút xót xa vô cùng ấy. Mẹ chúng mày hỏi bao giờ các con mới về. Tao nói chiến tranh khốc liệt này làm sao mà về. Mẹ chúng mày khóc. Nước mắt và máu trào ra một lần : Thôi chúc cha thằng Hiếm ở lại, tôi đi...

Hiếm và Muộn ngồi gục đầu. Chúng nó nhớ lại tất cả, còn nhớ tất cả. Những ngày đói lạnh mẹ tả tôi đi nhặt lúa sót ngoài ruộng sâu. Những buổi cực cùng mẹ bằng hai anh em hai tay đi khắp xóm ăn nhờ. Ôi! Nét mặt mẹ hiền từ, ôi đôi mắt buồn đau đó, không còn nữa, không còn được nữa.

Hai anh em bận binh phục, quì lạy rất lâu trên mộ mẹ đề lên đường chiến đấu cho nước.

● Năm 1965

Trên một chiếc đò trôi rất chậm về quê. Người ta thấy hai chiếc quan tài trên có lấp quốc kỳ đề hàng một. Đến đầu làng kia, một cụ già đầu đã bạc phơ đưa tay lên vẫy. Mấy người gánh lúa cũng đặt xuống và ngã nón tôn kính chào. Bác Vinh cho đò cập nhẹ vào bờ rồi lau mồ hôi. Thấy bà con đứng sẵn chột bác nghe trong cổ đã đắng. Một bà già bỗng xúc động khóc to, (bà này ngày xưa đã từng cho Hiếm và Muộn bú nhò). Bà kể lể : Tội nghiệp cho chúng nó sinh một lần, tử cũng một lần.

Hiếm và Muộn đã chết. Hai anh em không hẹn nhưng cùng nhau chết trong một đêm giao tranh với địch để bảo vệ Quê hương.

● Năm 1966

Mộ của Hiếm và Muộn được chôn sát hai bên mộ mẹ. Ba ngôi mộ đã cũ nằm song song giữa triền đồi cát vàng. Ai đi ngang qua đây, thấy ba ngôi mộ cũng bình dung được một bà mẹ bằng hai đứa con sinh đôi, nằm ngủ giữa lòng đất bơ vơ.

Huế 4-66

VƯƠNG PÊN LIÊM

tìm hiểu về nguyên tắc giáo dục cộng đồng

GIÁO dục cộng đồng là một hệ thống giáo dục có giá trị thực tiễn về nhân sinh, lấy Học sinh và quần chúng làm đối tượng dựa trên nền tảng Học đường và Địa phương. Nó có những nguyên tắc căn bản làm tiêu chuẩn để định hướng cho mọi hoạt động của trường học.

Trường tiểu học cộng đồng thi hành đường lối giáo dục cộng đồng nên phải áp dụng triệt để 4 nguyên tắc căn bản mà Nhà tiểu học đã đề ra trước đây.

NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT

Trường hoạt động sát với hoàn cảnh và nhu cầu địa phương :

Ngày nay, chúng ta phải quan niệm rộng rãi rằng trường học là trung tâm văn hóa và xã hội của địa phương.

Trường học vừa truyền bá học thuật hay, ý tưởng đẹp, vừa tổ chức những hoạt động từ thiện, công ích. Dân chúng xem nhà trường như một chỗ tinh khiết, thiêng liêng dành vào công việc giáo hóa duy nhất ở trong vùng. Họ còn dành sẵn cho giáo chức những cảm tình nồng hậu, lúc nào cũng kính mến, nể nang một «thầy học». Những thắc mắc, lo âu của họ thường được mang đến giải bày cùng giáo chức và chờ đợi những lời chỉ dẫn quý báu. Khi cho con đến trường, họ phó thác hờn nhên vào sự răn dạy của thầy cô.

Ngược lại nhà trường phải làm sao cho xứng đáng với danh nghĩa cao quý và đừng để dân chúng thất vọng, trở thành thất vọng, trở thành một thứ rẻ khinh đối với họ. Nhà trường phải mang đầy đủ tính cách «đại diện» cho địa phương. Muốn hoàn thành trách

vụ này nhà trường phải :

1) *Hoạt động sát với hoàn cảnh địa phương* : Nhà trường chẳng khác chi con người sống tùy thuộc và bị chi phối bởi hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh xã hội.

— Chương trình giáo dục trước tiên bắt nguồn từ *hoàn cảnh vật chất*. Công việc giảng dạy không thể chối bỏ thực tại, lãng quên những điều tai nghe mắt thấy, cụ thể trước mắt. Bài học phải được thể hiện rõ rệt khung cảnh chung quanh nhà trường, sự việc quen thuộc với lứa trẻ như đường sá, cầu cống, sông rạch, thời tiết, mùa màng, nhà cửa, gia đình vân vân... Những thứ ấy diễn ra hàng ngày trong cuộc sống của lứa trẻ và chúng có rất nhiều dịp để quan sát, tiếp xúc. Nhà trường cũng dạy cho chúng hiểu biết thêm nguồn lợi của xã thôn về vật lực, nhân lực và tài lực để tập cho chúng nhận định được sự nghèo giàu nơi mình cư ngụ. Chỉ mới ngần ấy tuổi trên ghế nhà trường, học sinh đã ý niệm phần nào về địa phương.

— Chương trình giáo dục thứ nữa liên quan đến *hoàn cảnh xã hội*. Lứa trẻ không chỉ sống với con đường quê căn cỗi, cứ ngấm mãi giòng sông trôi lững lờ hay giam hãm trong gia đình tẻ lạnh và khắc khổ. Chúng còn hiện sinh với mọi gia đình thân thuộc, bè bạn, láng giềng. Cái xã hội này luôn luôn sống động bằng việc làm, phong tục, tập quán; tín ngưỡng, tâm lý... lúc tiềm tàng khi hiển hiện. Học sinh sẽ là người lớn sau này. Nhà trường chuẩn bị đời sống tương lai cho chúng

qua hình ảnh, cuộc sống hiện tại. Nhà trường giúp học sinh làm nầy nỗ tình thần yêu nước, ưa chuộng địa phương kính trọng nghề lao động chân tay như nghề «cày sâu cuốc bẫm» hay «gồng gánh vác khuôn». Chúng sẽ ý thức việc bảo vệ thuần phong mỹ tục đồng thời bài trừ những điều mê tín dị đoan, xa lánh cạm bẫy truy lạc. Và chúng còn biết xúc động khi xã hội bị xâm phạm đời sống bị xáo trộn.

Ngoài ra, nhà trường còn đề ý tới cục diện xã hội đương thời những biến đổi mới mẻ. Do đó bài dạy mới thực tế, cụ thể và sống động. Hoàn cảnh xã hội đặt lồng vào khung cảnh lớp học là vậy.

2) *Hoạt động sát với nhu cầu địa phương* : Mỗi địa phương đều có những nhu cầu, những vấn đề trọng đại cần phải giải quyết theo nguyện vọng của dân chúng. Giáo chức không nên quên nó khi soạn thảo chương trình học của học sinh và hoạt động của mình. Bài học căn cứ trên các nhu cầu mới thiết thực và có ý nghĩa là nhằm thỏa mãn mong ước của dân chúng. Và vì lẽ ấy giáo dục khỏi mang tiếng là phi nhân sinh, trái lại có tính cách thực dụng hoàn toàn, bỏ xa lối dạy khoa cử. Mỗi việc làm của nhà trường dù nhỏ nhất đến đâu không để trở thành vô ích nữa, mà nhất nhất phải ảnh hưởng sâu rộng đến địa phương, đáp ứng đầy đủ nguyện vọng của quần chúng tráng niên.

Nhà trường phải biết phân biệt :

— *Các loại nhu cầu* : Thờ ờ thường

người ta chia nhu cầu theo 4 lãnh vực : giáo dục, kinh tế, y tế và xã hội.

Lãnh vực giáo dục có tính cách khái quát nhưng quan trọng vì nhằm gây ý thức mới và truyền bá cho dân chúng nên hàm súc cả kinh tế, y tế và xã hội. Như việc phổ biến phương thức sử dụng phân hóa học cho nông gia (nhu cầu kinh tế). Nhà trường giải thích và gây ý thức trước (giáo dục) rồi sau mới đi đến việc truyền đạt kỹ thuật. Nhu cầu giáo dục cũng qui định luôn sự sửa đổi thái độ, tập quán, quan niệm, lề lối làm việc... ngoài công việc chính nâng cao trình độ văn hóa của người dân.

Trên lãnh vực kinh tế, trong đó có canh nông, nhu cầu xác định theo từng vùng, địa phương. Chúng ta có thể kể đến nghề nông, trồng lúa, chăn nuôi, chài lưới, thương mại, tiểu công nghệ v. v... Đây là những hoạt động nông cốt thuộc sinh kế của dân chúng, vấn đề sống còn. Mỗi khía cạnh nêu lên vô số nhu cầu, phần nhiều là cấp thiết trong giai đoạn hiện tại. Đa số nhu cầu liên quan đến phương pháp cải tiến, kỹ thuật tân kỳ, cơ giới hóa dụng cụ. Có vùng, nhu cầu lại đơn giản hơn như nghề nông : dẫn, tháo thủy, trừ sâu rầy, bảo vệ mùa màng...

Về y tế, vấn đề này lại càng thiết thực. Nhu cầu khẩn cấp xoay chung quanh công việc định bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh. Đôi lúc người ta đặc biệt đề ý đến phép vệ sinh cá nhân, vệ sinh công cộng, những điều thường thức về ăn ở. Công việc thay

đổi thái độ, thói quen sai lầm và bài trừ óc mê tín chữa trị bệnh nhân là nhu cầu lâu ngày, cần nhiều ngày giờ.

Nhu cầu xã hội thường là cấp thời, xảy ra thình lình như cứu trợ nạn nhân hỏa hoạn, bão lụt, chiến tranh... bài trừ tư đồ tư tưởng, kháng kiện hóa xã hội, chỉnh trang nông thôn. Nhu cầu xã hội rất rộng rãi đòi hỏi tập thể chung sức giải quyết. Thí dụ : đắp một con đường đất, bắc một cây cầu hoặc khai quang một nơi nào. Thực hiện các công tác này người ta còn gọi là phát triển cộng đồng.

Người ta còn có thể xếp loại vị trí và thứ hạng các loại nhu cầu :

— *Vị trí của nhu cầu* : Chúng ta nhận định nhu cầu đã nêu trên xem thuộc về tầng lớp người nào : trẻ con, tráng niên hay đàn ông đàn bà. Điều quan trọng là nhu cầu đó nằm trong phạm vi học đường hay của dân chúng ngoài học đường. Tùy theo vị trí của nhu cầu, chúng ta thành lập chương trình, kế hoạch hành động thích nghi. Tuy nhiên sự phân định vị trí như vậy không có nghĩa giới hạn hoạt động cho riêng trong học đường hay ngoài học đường. Chúng ta căn cứ vào vị trí để vạch rõ và nhấn mạnh tầm quan trọng của nó mà thôi.

Trên thực tế nhu cầu nào cũng liên hệ giữa trường học và địa phương như đã đề cập trước đây.

— *Thứ hạng nhu cầu* : Một địa phương luôn luôn có vô số nhu cầu thuộc giáo dục, kinh tế, y tế và xã hội. Nhà trường không thể nào gặp

đâu giải quyết đó, sau trước trước sau lộn xộn. Ngoài những vấn đề có tính cách nhất định đã ghi rõ trong chương trình áp dụng chung, nhà trường sẽ «tùy cơ ứng biến», nếu gặp nhu cầu khẩn thiết xảy ra thì bắt buộc giải quyết ngay.

Nhà trường cần phải biết nhận định đúng đắn và xác thực thể nào là *nhu cầu thiết yếu và nhu cầu thứ yếu*. Nhu cầu để thực hiện trước nhu cầu thiếu phương tiện và khó khăn. Người ta gọi nhu cầu thiết yếu và thứ yếu là căn cứ vào tầm quan trọng, sự ích lợi của vấn đề nguyện vọng của dân chúng.

NGUYÊN TẮC THỨ HAI

Vừa giáo dục học sinh vừa giáo dục dân chúng :

Chúng ta có dịp khẳng định rằng trẻ con sinh ra và lớn lên ở gia đình nhiều hơn ở học đường và không thể chối bỏ một bình diện nào. Nếu làm ngược lại nhà trường cô lập hóa học sinh, hơn nữa thi hành một đường lối giáo dục phiến diện và nông cạn.

Giáo dục là gì, nếu không phải là nhằm sửa soạn cho mỗi cá nhân sống trong một hoàn cảnh thích hợp, đầy ý nghĩa. Dù dân chúng hay học sinh, trẻ con hoặc người lớn đều mang bản chất con người trong cá nhân. Cho nên tất cả mọi người đều phải được hưởng quyền giáo dục một cách hợp lý đồng đều và cùng một lúc. Qua các nhận xét trên, nhà trường chủ trương :

a) *Giáo dục học sinh và dân chúng* : Trước tiên học sinh là đối tượng gần nhất của trường học. Trường học trực

tiếp giáo dục học sinh vừa trong hiện tại vừa hướng về tương lai. Hai công tác này được thực hiện tương xứng với nhau. Giáo chức lấy cảnh vật hiện hữu dạy cho học sinh sống tại địa phương. Học sinh không còn bỏ ngõ khi sống ở lớp học và lúc về gia đình. Hai cuộc sống tương đối gần gũi nhau, bất cứ với hình thức nào. Kể đó chúng thu nhận mọi sự hiểu biết bây giờ để, áp dụng vào ngày sau. Giáo chức dựa vào kinh nghiệm bản thân để dạy học. Điều đó có tính cách thiết thực chứ không viễn vông, ảo tưởng.

Học sinh thụ hưởng kết quả giáo dục học đường đã dành. Chính dân chúng nhận ảnh hưởng của sự giáo dục này. Học sinh sẽ tường trình mọi việc làm việc học của mình ở lớp cho phụ huynh nghe sau mỗi buổi học. Nhờ đó dân chúng ý thức lần hồi các điều giảng dạy Họ đã gián tiếp hấp thụ mà chính họ cũng chẳng hay biết. Người nhà có thói quen hay phóng uế bậy bạ, khạc nhổ quá bừa bãi. Những đề tài này được giáo chức khai thác triệt để khi giảng dạy cho học sinh. Dĩ nhiên chúng có ý thức và tuân hành không khó khăn. Gặp đứa trẻ nhiệt thành, cứng cỏi sẽ « sửa lưng » ngay người thân thuộc. Trái lại những trẻ con mềm mỏng tự mình làm gương trước để dạy người chung quanh hoặc rót vào tai họ bằng những bài học sửa sai đó thường đêm. Bậc làm cha làm mẹ nghĩ thế nào về những cử chỉ ấy của con cái ? Đã hơn một lần, chúng ta ghi nhận ít nhiều kết quả.

Như vậy, nhà trường giáo dục đầy đủ và cẩn thận thì coi như xong một thể hệ trẻ. Nhưng đối với xã hội chậm

tiến hiện tại, sự đổ nát còn ứ đọng từng lớp dân chúng có thể không tự cảnh tỉnh được mà phải nhờ đến một áp lực khác của nhà trường.

b) Giáo dục dân chúng vì học sinh :
Phụ huynh thường hay bị mặc cảm đối với tuổi trẻ. Họ sẽ phớt lờ hoặc chống đối lại *thứ giáo dục qua học sinh*. Nhà trường giáo dục dân chúng là vì thế, xa hơn nữa vì học sinh.

Kinh nghiệm cho ta thấy rằng trẻ con bị ảnh hưởng của gia đình, xã hội nhiều hơn của lớp học. Lúc ở lớp chúng hăng say thu nhận dễ dàng mọi lý lẽ. Đến khi về nhà, chúng va chạm bởi một thứ quan niệm kỳ lạ có giá trị gần như tuyệt đối, cách biệt. Tức thì lời hay lẽ phải của giáo chức bỗng tiêu ma trong khoảng khắc. Chúng làm sao uống nước nấu sôi được khi gia đình vẫn thân nhiên uống nước sống lấy ở hồ ao, giếng dơ bẩn.

Dân chúng phải được chuẩn bị tư tưởng và hành động cùng một lúc với trẻ con học sinh. Giáo dục học đường chỉ có kết quả khi trình độ hiểu biết của dân chúng phụ huynh lên cao.

Người Việt Nam nhất là ở nông thôn đều là nạn nhân của bao nhiêu năm chinh chiến và ách nô lệ của ngoại nhân. Mọi thứ ấy hiện đang di hại nặng nề sẵn sàng công phá bức tường thành giáo dục do trường học dựng nên. Từ phương thức hoạt động hữu hình đến trạng thái tâm linh... nhất nhất đều phải cải tiến đề trợ lực cho giáo dục cũng như làm nền tảng cho cuộc sống của họ, cần phải tiến bộ kịp thời.

c) Một giáo dục cho hai đối tượng :
Nhà trường thi hành cùng một lúc hai thức giáo dục nhằm vào hai đối tượng *học sinh* và *dân chúng*. Hai đối tượng liên kết với nhau rất chặt chẽ như hình bóng nên hai lối giáo dục cũng phải đặt song song để nó cùng hỗ trợ cho nhau. Chương trình giáo dục phải được soạn thảo cho cả học sinh lẫn dân chúng. Mục đích của bài dạy vừa đào tạo học sinh để sống, vừa hướng dẫn dân chúng biết sống cho mình cho xã hội và thiết thực nhất cho học sinh. Giáo chức dạy bài công dân nghĩa vụ thi hành quân dịch cho học sinh. Nhưng thực ra mục đích của bài dạy còn nhằm vào quần chúng tráng niên nữa. Cũng như trường học không thể quên học sinh được khi hướng dẫn quần chúng thực hiện một công tác công ích sửa chữa cái cầu. Ít nhất trong công tác này học sinh cũng học được tinh đoàn kết tôn trọng của công.

Vì bản chất đầu tiên của công tác giáo dục hàm súc hai đối tượng nên có hai ý nghĩa. Đến lúc thực hành nó cũng phải tác động như thế. *Giáo chức nên có sẵn trong đầu óc hai đối tượng trong khi giảng dạy một vấn đề*. Và giáo chức không thể nào quên được bằng tác dụng của giáo dục học sinh ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục quần chúng và ngược lại.

NGUYÊN TẮC THỨ BA

Học phải gắn liền với Hành :

Bản tính tự nhiên của trẻ con là động biến. Giáo dục phải uốn nắn theo khuynh hướng ấy. Mọi phương pháp giảng dạy đều chuông sự linh hoạt, cụ thể và sống động phù hợp với thực tế.

như vậy công việc học hỏi phải đi đôi với điều kiện thực hành. Học đường với phủ nhận tính cách thụ động của giáo dục và xa lánh mọi hình thức cố tình làm tê liệt óc sáng tạo của trẻ con. Nhà trường gắn liền học với hành vì lẽ :

a) *Hành là kết quả của việc Học* : mỗi bài dạy đều đưa tới cái mục tiêu cuối cùng của nó là kết quả thu nhận được. Kết quả tốt hay xấu đều do ở việc làm. Người đóng vai chủ động « làm kép hát » là học sinh, Vì chỉ có người trong cuộc mới hiểu rõ vấn đề hơn ai cả. Nhờ có hành động trẻ con mới nhận thức và lĩnh hội những điều đã học, chúng biết rút ra từ sau bài học một phương châm khả dĩ làm kim chỉ nam cho mình. Nhưng điều quan trọng là phải biết áp dụng ngay phương châm ấy vào thực tế.

— *Áp dụng điều đã học để cải tiến bản thân* : Bằng những ý tưởng đã thu đạt học sinh sửa đổi lần lần bản thân mình cho hoàn toàn (tu thân). Bản thân là cứu cánh mà cũng là khởi điểm. Suốt trong thời gian ngồi trên ghế nhà trường học sinh đã được giáo chức giảng dạy đầy đủ mọi khía cạnh của cuộc đời, đo lường cân nhắc và gan locket tất cả vấn đề để còn lại một thứ « gạo cội » vừa miệng học sinh.

Cũng từ chỗ đó giáo chức vạch ra một con đường đi. Học sinh bám sát cái thực học để đi trên con đường đó, từ lớp học với trường học đến gia đình ra ngoài xã hội qua bạn bè, cha mẹ, người thân, lối xóm, nhân quần. Mỗi bước tiến của mình là một thử thách Bản thân có trau dồi chu đáo thì cuộc

đời bớt cam go. Tất cả đều do chỗ biết xử dụng hay không.

— *Áp dụng điều đã học để cải tiến xã hội* : Giáo chức chẳng những giáo dục học sinh để chúng tự cai tiến đời mình mà còn dẫn dắt chúng làm hạnh phúc cho mọi người. Thực hiện ý tưởng ấy không khó. Chúng muốn làm hay không do mình là sự việc. Ai cũng có sẵn ý thức cộng đồng, xa hội trong người và ai cũng muốn tham dự công tác xã hội. Cái học thực dụng ở nhà trường sẽ giúp học sinh sau này góp phần đắc lực vào công cuộc cai tiến địa phương mình.

Nhà trường giảng dạy phép tôn trọng của công. Học sinh đã ý thức và đã thực hành ngay với cương vị một đứa trẻ. Đến khi lớn lên, sống trong xã hội, chúng sẽ là công dân gương mẫu và tìm cách gây ý thức ấy cho mọi người. Muốn thực hiện trọn vẹn cái hành hồi còn ở lớp học đến lúc ra đời, học sinh phải có một thói quen.

b) *Hành để thanh tịnh quen* : Bài dạy không chỉ đưa đến sự biết cho học sinh mà còn cần phải hướng dẫn chúng làm. Hành ngay lúc học và hành ngay sau khi học một cách liên tục để tạo thành thói quen, tập quán tốt. Chính cái thói quen, tập quán này sẽ qui bảo vô cùng cho người dễ sống ở đời.

— *Hành ngay trong lúc học* : Bất cứ bài học nào trong lớp cũng kết thúc bằng những thực hiện cụ thể. Học Sư thì phải đóng kịch để rút ra bài học lập chí. Dạy học sinh chó nên đề mòng tay dài thì không ly nào giáo chức chỉ đưa bàn tay ra đó rồi nói chuyện khơi khơi với chúng. Học sinh phải

thực hành ngay các điều chỉ dạy. Giáo chức phải dạy học sinh làm. Cùng lúc với lời nói của mình. Và nhất định lời nói phải đi đôi với việc làm. Chính trong cái làm đó học sinh đã học được nhiều kinh nghiệm quý báu khi va chạm với thực tế.

— *Hành sau khi học* : Hành trong lúc học cần thiết bao nhiêu thì sau khi học cũng phải được duy trì. Vì các điều thực hành sau này mới giúp ích được cho mọi người. Cái hành càng được thể hiện bao nhiêu thì cái học mới thấm thía và ảnh hưởng sâu xa bấy nhiêu. Học chỉ nhớ khi biết hành nhiều liên tục và quen thuộc.

Ở trường, trẻ em tập nấu nước sôi và uống nước chín. Về nhà, chúng phải tiếp tục làm được các điều đó.

NGUYÊN TẮC THỨ TƯ

Hướng dẫn học sinh học tập theo tinh thần tự do, dân chủ.

Trường học quan niệm học sinh là một cá thể tự do nên phải được tôn trọng đặc biệt. Trong lớp, học sinh có chủ quyền, đóng vai trò chủ động trong công việc học tập và được hoạt động tự do. Đời sống lớp học phản ánh trung thực đời sống xã hội. Hay ít ra giáo chức chuẩn bị cho học sinh đủ mọi thứ cần thiết để chúng làm quen và có thể sống hữu ích, thiết thực sau này. Nhà trường đừng bắt học sinh sống hoai trong hoàn cảnh giả tạo, thụ động và kém sinh khí, ngột ngạt.

Chúng phải được hướng dẫn học tập theo tinh thần tự do, cởi mở để phát triển tinh thần dân chủ.

a) *Học tập theo tinh thần tự do* : Học sinh không đòi hỏi một thứ tự do tuyệt đối. Nhà trường áp dụng đường lối học tập tự do có hướng dẫn. Trẻ con chưa đủ trí năng để phán xét như người lớn cho nên hay hiểu lầm tự do là muốn làm gì thì làm, làm việc tắc trách và học tập bừa bãi; gây hỗn loạn cho sinh hoạt chung.

Tuổi trẻ học tập tự do trong kỷ luật và trật tự. Chúng được giao phó công việc. Mỗi cá nhân đóng góp một phần vào công cuộc học tập.

— *Học sinh tự tìm tòi, học hỏi* : Học sinh tự đảm trách lấy công việc học tập sau khi được giáo chức chỉ dẫn rành rẽ và cung cấp đầy đủ tài liệu, học cụ. Địa điểm học tập không nhất thiết là lớp học mà có thể là trong sân trường, ở vườn cây, ngoài địa phương. Nơi nào thuận tiện và thích hợp cho bài học thì được tổ chức. Với phương tiện sẵn có, học sinh tự mình thích thú tìm tòi, quan sát, nhận xét trong khung cảnh vui tươi, khoáng đạt. Còn gì cởi mở cho bằng học sinh và thầy giáo đưa nhau ra tận chỗ khi đề tài là con đường làng. Vì đã được chuẩn bị sẵn học sinh tự do quan sát, nghiên cứu. Giáo chức ở bên cạnh sẽ thân mật trả lời và giải thích những câu hỏi ngáy ngớ và những thắc mắc không thắc mắc. Nhờ đó, bài học còn vượt khỏi phạm vi chỉ học hỏi suông tới chỗ tìm cách sửa đổi, nếu đúng đó là nhu cầu... Bao nhiêu vấn đề sẽ được phanh phui dưới con mắt của tuổi trẻ.

— *Tập thể chỉ huy* : Khi tổ chức một lớp học như trên, giáo chức không đứng ra phụ trách hết. Việc quan trọng

là giáo chức khơi mào góp ý kiến để cho học sinh tự do phát biểu trong tinh thần xây dựng. Tất cả học sinh thảo luận và đặt vấn đề chung quanh một đề tài để đưa ra một chương trình hành động, một đường lối phải theo. Thí dụ : Bại học là bệnh sốt rét. Có thể còn nhiều học sinh chưa biết bệnh sốt rét. Sau khi thảo luận chúng đồng ý phải tổ chức cuộc khảo sát tìm hiểu về tình hình bệnh ở địa phương, nguyên do bệnh trạng, cách chữa phần theo sự chỉ huy chung của đa số.

— Cá nhân phụ trách : Mọi người đều chấp thuận đường lối hoạt động trên nguyên tắc. Khi phân công xong xuôi, mỗi cá nhân tùy theo phần việc của mình mà thi hành. Giáo chức luôn luôn hiện diện bất cứ nơi nào có học sinh để đôn đốc, chỉ dẫn. Vấn đề thi dụ trên, giáo chức đưa học sinh tới địa điểm đã định. Chúng sẽ đi theo toán hoặc cá nhân mà quan sát, hỏi thăm dân chúng, ghi nhận lấy các tài liệu. Học sinh có thể thu thập cả ý kiến cùng nguyện vọng của dân chúng. Khi trở về, chúng họp lại thảo luận một lần nữa để đúc kết thành một bài học sát thực tế và ai cũng hiểu biết một cách tường tận.

Các công việc trên đã đưa đến một tinh thần dân chủ thật sự trong giới học sinh.

b) *Phát triển tinh thần dân chủ* : Cả lớp học làm việc tự do, có hướng dẫn sẽ phát triển tinh thần dân chủ. Tinh thần này rất cần cho đời sống tập thể hiện tại cũng như tương lai lớp học dân chủ không phải là vô tổ chức, hỗn độn và không thứ bậc. Kỷ luật nội qui

học đường vẫn được tôn trọng. Nhà trường giúp học sinh làm nẩy nở lần hồi quan niệm về tự do, ý thức dân chủ trong sinh hoạt tập thể, giống như đời sống thực sự, bằng cách :

— Tổ chức hàng đội tự trị : Hàng đội tự trị thi hành đúng mức dân chủ từ thể thức chọn lựa vị đại diện (trưởng ban toán trưởng, liên toán trưởng...) phân toán đến việc áp dụng đường lối chỉ huy đều do toàn thể qui định, bầu cử, bình nghị biểu quyết. Giáo chức chỉ dẫn và để cho chúng làm lấy thành tựu.

Khi ở trong đoàn thể của mình, học sinh sẽ tự và tự bảo vệ lấy luật lệ do chúng thành lập.

— Sinh hoạt tập thể cá nhân hy sinh cho đoàn thể trong sinh hoạt chung : học tập, chơi đùa, du ngoạn, văn nghệ, thể thao v.v... Từ chỗ sống chung đó, chúng ý thức trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận. Lớp học là một xã hội thu hẹp trong đó có các đoàn thể học sinh tập sống quen dần với đời sống tự do, dân chủ : ăn, nói, đi, ở... vừa được hướng dẫn chu đáo vừa tự mình góp phần xây dựng.

Sáng kiến cá nhân, óc tháo vác, lòng độ lượng, đức hy sinh luôn được phát huy và khích lệ. Với một xã hội nhỏ thể hiện đầy đủ tính chất dân chủ, tự do, học sinh dễ dàng hấp thụ một cuộc sống mới hương vị làm nền tảng cho tuổi trưởng thành.



n ẻ o v ề c ủa y

Truyện dài

NHẤT HẠNH

X

STEVE ơi, cái nhà của mình ở đường 109 đã được trả lại cho người ta rồi phải không ? Thương quá đi!! Chúng ta đã trải qua biết bao nhiêu vui buồn trong đó, và đối với tôi, tôi không bao giờ có thể quên được bất cứ một chi tiết nào trong nó. Steve không nói, nhưng tôi biết là sau khi tôi đi rồi Steve đã phải bắt buộc trả lại cái nhà đó để đi mượn một gian phòng khác, bởi vì một mình Steve làm sao trả được tiền nhà, tiền điện, tiền nước, và bao nhiêu thứ lật vật nữa liên hệ tới một cái nhà ?

Nơi mà tôi đang ngồi viết cho Steve đây là một ngôi nhà lợp bằng lá dừa nước, một thứ cây mọc đầy ở các rạch, các bưng, các vùng sinh lầy ở miền Nam nước Việt. Vách của nó

được trét bằng đất bùn trộn lẫn với rơm khô. Kín lắm, và cũng đẹp nữa. Chắc chắn là Steve chưa bao giờ thấy những cái vách trát bùn như vậy. Trước hết người ta lấy tre chẻ ra, gọt hai đầu, lắp vào các cây cột gỗ quanh nhà rồi lấy lát buộc lại thành những tấm lợp tre chắc chắn. Sau đó đất bùn được lấy dưới sông lên, trộn với rơm khô. Bữa ấy tôi có yêu cầu các bác nông dân pha thêm tí xi-măng vào cho chắc. Người ta lấy rơm bùn quăn vào các nếp của tấm lợp tre cho các mắt lợp được bít kín lại và cuối cùng lấy đất bùn trét lên cho phẳng. Những cái vách khi khô rồi cũng trắng bệch ra, nom rất đẹp. Ở đây là đồng quê, gió lộng nhiều, nhất là vào buổi chiều, nên làm vách như thế này thì kín và

Ấm lắm. Bây giờ là buổi sớm mai. Tôi ngồi viết trước một chiếc cửa sổ ngó ra đồng. Năng vừa lên. Phía bên trái là đồng lúa còn con gái, trước mặt cách tôi chừng trăm thước là một cái rạch sinh lầy xanh um lá dừa nước. Bên phải là xóm làng với những cái chuồng trâu cao ráo, sát ngay rạch dừa nước. Đất miền này nhiều phèn lắm, và nhằm mùa nắng vấn đề nước uống là một vấn đề gay go. Tuy gần sông, nhưng mà vào mùa nắng thì nước mặn. Ở đây chỉ cách Saigon chừng mười cây số nhưng đã yên lành và dễ chịu hơn Saigon nhiều lắm rồi. Tôi về đây từ hồi hôm. Dạy học ra muộn cho nên tôi đầu cầu giáp giới của làng thì đã thấy mặt trăng tròn nằm trên đọt cây dừa trên sông rồi. Gió trên cầu mát rượi. Tôi đi thông thả vào làng. Ở Việt Nam, những làng như thế này là tương đối có an ninh lắm. Tôi đã vừa được ngủ một đêm thanh tịnh ở vùng quê, tuy thỉnh thoảng tiếng súng trong đêm vẫn nghe rõ mồn một.

KHU vực mà tôi đang nói cho Steve nghe đây là một thí điểm làm « làng » của chúng tôi, được khởi sự vài tuần lễ sau ngày tôi về tới quê nhà. Chúng tôi gọi nó là « làng tự nguyện đầu tiên ». Đó là mẫu làng mà chúng ta đã bàn bạc nhiều với nhau trong những lúc rỗi rảnh đó, Steve. Bây giờ nó đã thành sự thực. Ba tiếng « làng tự nguyện » gọi cho chúng ta hình ảnh một khu làng mà trong đó dân chúng tự động tổ chức lại nếp sống kinh tế, giáo dục và y tế của họ theo những tiêu chuẩn phát

triển cộng đồng. Họ chấm dứt thái độ thụ động tiêu cực và trông chờ, phải có những người bạn có óc tổ chức, có kiến thức căn bản về sinh hoạt xã hội nông thôn sống ngay trong xóm làng, làm chất men cho tinh thần tự nguyện phát khởi. Ở khu làng thí nghiệm này, chúng tôi đã được dân làng chấp nhận như anh em bà con của họ, cái nhà mà tôi đang ở đây là một cái nhà bốn gian, ba gian là trường học, một gian là trạm y tế. Tất cả đều do các nông dân trong làng tạo dựng, với sự có mặt của chúng tôi. Nói cho đáng, chỉ có hai người con trai là Tâm Quang và Tâm Thái là ở thường trực trong làng, còn tất cả chúng tôi chỉ về thỉnh thoảng để học hỏi và thực tập. Chúng tôi cũng vừa mới mở một địa điểm thực tập khác, không xa đây lắm. Đó là ấp Thảo Điền.

Chắc chắn nếu Steve có ở đây thì Steve sẽ thích lắm. Nhưng mà Steve chưa thể qua đây được đâu. Hãy học cho xong chương trình mà em đang theo đuổi đã. Tôi cũng đã suy nghĩ về vấn đề đề cho Steve qua đây theo học tại trường đại học Saigon để tìm hiểu thêm về văn hóa Việt Nam. Nhưng mà sau tôi nghĩ : Steve phải học cho xong chương trình ấy đã trước khi qua. Vấn đề không giản dị như khi chúng ta bàn với nhau ở Nữ Ớc. Sự có mặt của một người Mỹ như Steve trong nhóm chúng tôi hiện bây giờ chưa có lợi gì cho công việc. Và nhận thức của quần chúng về vấn đề cố nhiên là chưa chín chắn gì cả.

Steve, tôi về tới phi trường Tân Sơn Nhất vào một buổi trưa nóng bức.

Đáng lẽ tôi tới Saigon chậm hơn thế, vì theo lộ trình định sẵn, máy bay của chúng tôi phải ghé Vọng Các trước. Nhưng sương mù không cho phép máy bay ghé xuống Vọng Các và do đó tôi tới Saigon sớm hơn một tiếng đồng hồ. Khi bánh xe máy bay chạm đất, tôi thấy lòng rung động. Phương Bối chỉ cách đây chưa đầy hai trăm cây số ! Bốn giờ đồng hồ xe hơi thì tôi đã có thể trở về. Trở về với miền rừng núi thân thuộc với chiếc nôi mây êm đềm đã từng che chở cho chúng tôi trong một thời gian bão táp, đã từng un đúc và nuôi dưỡng chúng tôi trong bao nhiêu năm tháng rộng dài.

SAU một thời gian gần ba năm trời sống trong một khung cảnh khác hẳn với xã hội Việt Nam, tôi đã trở về và đã được thức tỉnh lại một cách đầy đủ bằng những bóng hình thật quen thuộc, thật giản dị. Dọc theo con đường dài từ phi trường Tân Sơn Nhất về nhà, tôi chứng kiến lại một cách hiện thực tình trạng chậm tiến của xứ sở này. Những dãy nhà còn lụp xụp, ngổn ngang, đầy nhóc những người. Những bác xa phu cong lưng đập xích lô, mồ hôi nhễ nhại. Tôi còn nhớ rõ cái lưng áo rách toang của một bác xa phu. Bác này uể oải một chiếc xe cũ kỹ không có khách. Chắc hẳn là bác đã ngồi trên yên quá lâu nên hai mông của bác đã đau và mỏi. Bác đang ngồi trên một bên mông để cho bên mông kia được thông thả, và do đó bác chỉ đập xe bằng có một chân trái. Thỉnh thoảng bác thay sang bên kia và đập xe bằng

chân này cho đến khi nào có khách gọi bác mời phanh lại và ngồi ngay ngắn để đưa khách. Tôi trông thấy bọn trẻ con ở trần và chạy chơi chân đất trên hè phố. Tôi trông thấy những đồng rác, những xe nước mía, những chiếc xe gắn máy vừa chạy vừa ru lên như những con vật dữ bị thương. Thành phố Saigon đầy rẫy, thành phố Saigon lam tam mang thêm một cách vụng về những nhà lầu những căn phố có đường nét và màu sắc Mỹ. Đau lòng hơn cả do do xô lên Saigon qua nhiều. Chắc hẳn là vùng quê nọ cho nó được an ninh. Những hình ảnh đó khiến tôi nao nao. Việt Nam đang ở trong một giai đoạn lịch sử quyết định, không biết chúng tôi có thể làm được một cái gì để đóng góp vào cho cái hướng đi mới của một dân tộc vừa thoát khỏi một chế độ độc tài hay không.

Steve, ngay tối hôm đó, tôi đã phải nghe nhiều chuyện buồn rồi. Ngồi ở chùa Trúc Lâm với mấy mươi người bạn trẻ tuổi, tôi đã lắng tai nghe những câu chuyện không lấy gì làm vui làm ay. Những người quân nhân đã không biết cách nắm lấy cơ hội và khí thế đang lên của quân chúng để tạo một sức mạnh đi tới. Những người tăng sĩ Phật giáo, choáng ngợp bởi thái độ khám phục và mến chuộng của quần chúng đối với đạo Phật đã trở nên tự thị tự mãn đáng ghét. Thật là một hiểm họa cho đạo Phật. Một cuộc phap nạn thứ hai đang khởi đầu mà ít ai hay biết đến. Người trí thức, người thanh niên sau khi khám phá ra tiềm lực đạo Phật trong quần chúng, đã tìm

tới với những vị tăng sĩ, và đã thất vọng... Một số đông đảo những người có tham vọng, những người theo cơ hội chủ nghĩa, đã đến tràn ngập tự viện và bao quanh những nhà lãnh đạo Phật giáo. Sự có mặt của họ xung quanh các thầy đã khiến người trí thức và những người có lòng đặt những câu hỏi. Rồi thì Phật giáo, chính Phật giáo trong cơ hội ngàn năm một thuở của nó, cũng không biết tìm cách để tự phát triển và đóng góp phần mình vào cho sự tạo nên một nẻo thoát cho tình trạng đã từng bế tắc trong gần hai mươi năm qua.

TÔI đã ngồi nghe họ rất lâu, Steve. Rồi tôi an ủi họ. Chúng ta đừng thất vọng. Chúng ta sẽ đóng góp phần của chúng ta. Sức chúng ta bé nhỏ, nhưng lòng của chúng ta không bé nhỏ. Hãy tự biến mình thành một chút men để làm dậy lên lần khối bột to lớn. Chúng tôi đã thức trọn đêm đo, chia xẻ với nhau những lo âu, những hy vọng. Những ngày ở lại Paris tôi đã phải đầu tắt mặt tối với các bạn bên ấy. Tiếp đó là một chuyến đi mệt nhọc và một đêm thức trọn. Tôi mệt mỏi quá và đã ngủ suốt buổi sáng kế tiếp. Đến mười một giờ trưa, tôi mới dậy để ăn «điểm tâm» do Toàn sửa soạn.

Steve ơi, chiều ngày hôm ấy tôi đi thăm những gốc cây, những bụi tre của chùa Trúc Lâm và nghe Toàn kể chuyện *Sen Hải Đầu Mùa* và những hoạt động của các bạn trẻ trong thời tôi vắng mặt. Buổi tối ấy lại có một cuộc họp mặt thứ hai, và trong cuộc họp mặt này chúng tôi đã tìm ra được

một vài nguyên tắc để làm việc. Sáng hôm sau, tôi một mình tìm về Phương Bối, mang theo một cái xác nhỏ. Tôi tìm một chiếc xe Minh Trung ở bến xe đường Pétrus Ký và thoải mái thoát khỏi Sài Gòn. Những cánh rừng, những vườn cao su, và những cánh rừng khác nữa. Rồi Định Quán. Rồi núi, rồi đèo, và cuối cùng rừng *B'su Langlu* hiện rõ trước mặt Đại Lão Sơn, Đại Lão Sơn quen thuộc đã tới gần. Tôi bảo xe ngừng ở cây số 190 và ung dung xách túi leo lên ngọn đồi bên trái. Qua đồn điền Đại Hà, tôi ghé vào. Không có ai ở nhà cả. Đồn điền có vẻ hoang vắng. Chắc gia đình bác Đại Hà đã dọn về tỉnh lỵ ở để có nhiều an ninh hơn. Tuy nhiên khi bước về phía sau tôi thấy qua cửa sổ của nhà bếp một nồi com nguội và một vài thứ chén bát để ngổn ngang. Chắc là bác Đại Hà đã để lại một vài người làm công để coi sóc nhà cửa và vườn tược. Những người này có lẽ là đang ở ngoài vườn. Tôi đưa tay lên miệng hú vài tiếng nhưng không có ai trả lời cả. Tôi xách túi tiếp tục leo qua chiếc đồi thứ hai. Lau lách choáng cả đường đi. Con đường quen thuộc ngày xưa nay có vẻ hoang vắng lạ thường. Rừng có vẻ huyền bí hơn và nguy hiểm hơn. Vượt khỏi khu rừng tranh tôi bắt đầu trèo đến cái dốc cao nhất. Cầu Mai đã xuất hiện nơi cửa rừng. Vài thân cây bắt ngang qua cầu đã gãy đổ, tôi phải bước cẩn thận. Lạ quá, tôi nhận ngay ra con đường từ cầu Mai lên Thiên Duyệt Thất. Con đường vẫn đẹp, vẫn quyến rũ, vẫn đầy đủ phong độ như cách đây ba bốn năm trời. Có dấu tích của sự phát dọn. Ai đã lên đây

trong những ngày như thế này nhĩ. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ. Nhưng kia, tôi đã đi tới chỗ rẽ vào lối Thiền Duyệt Thất. Tôi nhìn lên Thiền Duyệt Thất. Và tôi sửng sốt. Một người đang đứng ở cạnh Thiền Duyệt Thất, tay cầm một cái xà gạc, nhìn xuống phía tôi. Steve biết đó là ai không ? Trời ơi, chính Nguyễn Hưng, Nguyễn Hưng bằng xương thịt ! Vừa lúc đó thì Nguyễn Hưng cũng kịp nhận ra tôi. Chúng tôi gọi tên nhau. Tôi chạy lên, và Nguyễn Hưng cũng bỏ xà gạc, chạy xuống. Chúng tôi gặp nhau ở giữa sườn đồi, trên con đường dốc lên thất Thiền Duyệt.

TÔI hỏi Nguyễn Hưng: sao Nguyễn Hưng lại ở đây ? Thì ra cái lúc tôi mới về Saigon, Nguyễn Hưng đang ở Đalat. Nghe tin tôi về, Nguyễn Hưng không xuống Saigon mà lại tìm tới Phương Bối, vì biết rằng thế nào tôi cũng phải tìm lên Phương Bối. Mà quả thật Nguyễn Hưng đã nghĩ đúng. Dù ai nói Đông nói Tây, tôi vẫn bắt chắp những sự nguy hiểm, và đã tìm về Phương Bối. Chúng tôi đã thực hiện một cuộc gặp lý thú — tuy là hẹn gặp nhưng kỳ thực thật đã là một sự bất ngờ đối với tôi. Nguyễn Hưng đã nói gì với tôi, Steve có biết không ? Nguyễn Hưng bảo rằng từ hôm qua khi về tới Phương Bối. Nguyễn Hưng đã tự tay phát dọn con đường từ cầu Mai lên Phương Bối, cả xung quanh ngôi nhà Phương Bối và Thiền Duyệt Thất nữa. Nguyễn Hưng bảo nếu không làm như thế thì Phương Bối sẽ điêu tàn quá và sẽ gây xúc động cho tôi lúc tôi trở về.

Hào ý của Nguyễn Hưng, tôi trông thấy rất rõ. Chính trong giờ phút tôi tới Phương Bối, Nguyễn Hưng còn đang phát dọn xung quanh Thiền Duyệt Thất.

Nhà Thượng đã bị cháy rụi trong một tai nạn gây nên do việc đốt rừng không cẩn thận của người Thượng. Leo lên đỉnh đồi Thượng, tôi nhìn đồng than và những cái xác cột nầm đen nằm ngổn ngang trước mặt với một niềm cảm thương, than kia là di tích của chiếc nhà Thượng xinh đẹp ngày xưa, nơi chúng tôi đã trải qua bao nhiêu giờ phút êm đềm, ấm áp. Hòa bình, chúng ta sẽ làm lại nhà Thượng, tôi nói với Nguyễn Hưng như thế, sau một hồi trầm ngâm, bằng một giọng quả quyết. Nguyễn Hưng có lẽ cũng được an ủi bằng câu nói đó, cho nên gật đầu vui vẻ. Chúng tôi xuống đồi, đi thăm mọi nơi. Thật ra Phương Bối rất có lòng. Ngày tôi về, khóm hồng phía trước còn nở cho ba chiếc hoa đỏ chói. Cây mimosa góc nhà đã lớn và rất xanh tốt. Mấy gốc thông tôi trồng ngày xưa cũng rất xanh và đã lên cao.

CHÚNG tôi đi dần về phía rừng Tham Thiền. Tăm bắng có những chữ » Đại Lão Sơn Phương Bối Am » ở phía trước vẫn còn nguyên vẹn. Nét chữ vẫn rõ ràng, xương kinh. Nước sơn tốt quá, đã năm sáu năm rồi mà chưa tróc. Tôi cúi nhặt một trái thông, và thấy phảng phất hương của hoa chiêu. Chúng tôi tìm được bụi hoa, bứt một ôm những

cành hoa có bông trắng xóa và đem lên cúng Phật. Bàn Phật của chúng tôi tang thương quá : lâu ngày không có ai dọn dẹp, bụi đất và lá khô phủ đầy.

Chúng tôi bỏ một ít cành cây quét dọn cho sạch sẽ và dâng bó hoa dưới chân tượng Phật mà nét thủy mặc đã gần phai mờ. Phương Bối am đã đề trống lâu nay, và tất cả các cửa đều mở để cho những kẻ tò mò ghé qua đây khỏi phải mất công phá cửa, bẻ khóa. Chúng tôi ngồi yên lặng giờ lâu trên gác tham thiền trong tư thế cầu nguyện. Rồi chúng tôi trở ra, khép nhẹ cánh cửa. Thời toàn thịnh của Phương Bối đã qua rồi. Còn đâu những đêm giao thừa với đồng lửa vĩ đại trên đỉnh đồi Thượng. Còn đâu những ngày thám hiểm núi rừng mà người nào người nấy nai nịt gọn ghẽ như sắp ra trận mạc. Còn đâu những buổi bình văn sang sảng ở nhà Thượng, những cuộc đàm thoại đầy hứng thú về những vấn đề tâm linh và xã hội. Chúng tôi trở nên yên lặng hơn sau giờ phút tĩnh tâm cúng Phật.

Trên hồ nước, trên vách tường, tôi đọc những câu biểu ngữ viết bằng than đen. Những câu biểu ngữ chống đối nhau của cả hai bên. Nguyên Hưng cho tôi biết rằng có một hòm họ bắn nhau dữ dội tại cầu Mai. Những xác chết gần cầu Mai. Rồi những cuộc hành quân kế tiếp. Chính sau biến cố đó, bác Đại Hà đã di cư về tỉnh lỵ. Chỉ còn ở lại, trong ấp chiến lược bên kia trũng, một số các gia đình rất nghèo phải bám lấy mảnh đất đã khai thác.

Nhà Phương Bối xơ xác và hoang

lạnh. Các tử sách của chúng tôi đã được chở về Đại Hà từ lâu. Những bàn ghế và vật dụng khác đều cũng được chuyển về Đại Hà. Có nhiều nhóm đã vào đốt củi thức đêm trong các phòng. Thôi nhé, Steve, thôi đừng ấp ủ cái mộng về Phương Bối sống với chúng tôi nữa nhé. Đúng là thời thịnh vượng của Phương Bối đã qua rồi. Phương Bối giờ đây thương tích đầy mình, bây giờ đầy túi thân và có độc. Những buổi sáng sương mù, những buổi chiều trong vắt, Phương Bối một mình hoang vắng như một cái tổ chim xác xơ. Những con chim đã bay đi cả rồi. Những con chim tuy có ước mong trở lại nhưng mưa gió không cho chúng trở lại.

CHÚNG tôi ngồi nói chuyện với nhau bên hồ nước cho đến chiều, Phương Bối thật êm ả, dù trong lòng chúng tôi có hơi lo. Nguyên Hưng rủ tôi trở lại Đại Hà trước khi chiều xuống. Chúng tôi chia nhau mấy cái bánh bột nếp mà tôi mang theo trong túi xách vừa đi xuống đồi vừa ăn. Chúng tôi tìm về Bảo Lộc bằng xe « lam » và ngủ lại đêm ở đó để sáng sớm trở về Saigon.

Steve ơi, mấy tháng sau đó vì nhớ Phương Bối quá chớ nên chúng tôi lại tìm lên núi Đại Lão. Lần này chúng tôi lên đông có tới mười người. Chúng tôi đều bị một toán lính vây bắt. Sau mấy giờ đồng hồ, chúng tôi được thả, và từ đó, chúng tôi không lên thăm Phương Bối được nữa. Ngồi đây viết cho Steve tôi biết rằng Phương Bối đang âm thầm và cô quạnh chịu đựng. Cũng như biết bao nhiêu

làng mạc bao nhiêu núi sông đang âm thầm và cô quạnh chịu đựng. Cuộc chiến càng ngày càng trở nên ác liệt và không ai không mong ước cho nó chấm dứt càng sớm càng hay. Chiến tranh gây thương tích khắp nơi trên đất nước và cũng gây thương tích trong lòng mỗi chúng tôi. Hình ảnh của Phương Bối trong lòng chúng tôi cũng là hình ảnh của một vết thương. Đùng là một vết thương.

Tôi sẽ ở lại đây cho đến hết ngày, Steve. Hôm nay chủ nhật, trường học đóng cửa. Ngôi trường của chúng tôi tên là *Chim Sơn Ca*. Và trạm y tế gọi là trạm *Tình Thương*. Lát nữa tôi sẽ vào trong xóm để tìm hiểu thêm về đất cát ở đây. Buổi chiều thế nào cũng có một số các bạn trẻ về làm việc và nghiên cứu. Chúng tôi đề khá nhiều công phu vào việc nghiên cứu và thực hiện cải tiến sinh hoạt của những khu làng thí nghiệm này. Chúng tôi phải tìm ra cho được những phương thức hữu hiệu để thực hiện công cuộc cải tiến sinh hoạt nông thôn. Tương lai của đất nước chúng tôi tùy thuộc rất nhiều ở những nỗ lực hiện tại để cải tiến xã hội nông thôn. Chủ quyền và độc lập của xứ sở chúng tôi như Steve đã biết chỉ có thể đảm bảo khi nào chúng tôi có thể đứng vững trên hai chân của chúng tôi. Như vậy có nghĩa là chúng tôi phải tiến tới một nền kinh tế độc lập và vững chãi. Nếu Steve ở đây, Steve sẽ nhận thấy rằng xứ sở của chúng tôi không nghèo. Xứ sở chúng tôi có nhiều tài nguyên chưa khai thác được. Đi thăm miền đồng bằng rồi lên thăm miền cao nguyên, Steve sẽ thấy điều đó là đúng. Chúng tôi phải cải

tiến nông nghiệp, nhất định phải đặt rất nhiều cố gắng ở công cuộc cải tiến nông nghiệp bởi vì nền kỹ nghệ mới bắt đầu phát triển của chúng tôi đang cần đến sự phát triển nông nghiệp. Nông dân cần cung cấp nguyên liệu cho các ngành kỹ nghệ và cũng cần tiêu thụ những sản phẩm của các ngành kỹ nghệ ấy một cách rộng rãi. Có như thế các ngành kỹ nghệ mới được nuôi dưỡng và phát triển trong những bước đầu còn non yếu của mình và quốc gia mới khỏi phải tốn một số ngoại tệ nhập cảng những hóa phẩm để thêm vốn đầu tư vào các ngành kỹ nghệ đang cần được phát triển. Như thế, nông nghiệp cần được hướng dẫn để tự cải tiến về phương diện kỹ thuật lẫn thị trường. Mà sự cải tiến nông nghiệp lại có liên hệ mật thiết đến những vấn đề y tế, giáo dục và tổ chức. Cho nên một cuộc cải tiến toàn diện cần được thực hiện trên ý thức cộng tác của toàn dân. Steve cũng biết rằng trong hàng chục năm qua, người dân đã nghe quá nhiều những hứa hẹn cải tiến xã hội những nếp sống cơ cực vẫn hoàn cơ cực. Thêm vào đó, chiến tranh làm cho ruộng vườn hư nát, làm cho cơ nghiệp sụp đổ, làm cho an ninh bị đe dọa. Nền tảng kinh tế càng ngày càng lung lay. Viện trợ của Hoa Kỳ đủ sức giữ cho nền kinh tế ấy không sụp đổ, nhưng viện trợ ấy càng ngày càng làm cho Việt Nam phải bám víu vào Hoa Kỳ hơn lên, ~~như vậy Việt Nam càng lệ thuộc vào Hoa Kỳ~~ Chiến tranh đã phá hủy nhiều thứ và không để cho Việt Nam gượng lại để đứng vững trên hai chân kinh tế của mình.

dụng ở cái xứ này không thành công, hoặc chưa thành công đâu, Steve ơi. Tôi về làng, làm việc tại làng lâu rồi tôi biết. Phương pháp làm việc ở đây chắc chắn phải là những phương pháp khác hẳn với những điều người ta học được ở một đại học đường ở Tây Phương. Cho nên giấy tờ, thống kê, dự án đã có thể, trong rất nhiều trường hợp, là những mảnh giấy giúp người ta hợp thức hóa cách tiêu tiền bất hợp pháp. Các ông bộ trưởng, các ông giám đốc cho đến những nhân viên thừa hành của một cái chính quyền chỉ lo kiếm tiền, đều đã làm như thế, và đã khinh thường đến nỗi có một vài khi đổ vỡ và bại lộ.

TÔI xấu hổ về một số những người đồng bào tôi khi tôi kể cho Steve nghe điều đó. Nhưng mà tôi phải kể, bởi vì tôi phải giải nghĩa cho Steve nghe tại sao lại phải bắt đầu trở lại các công việc [] đã hờ hạo và đã bắt đầu nhiều năm về trước. Người dân quê đã bị đánh lừa nhiều lần khiến họ không còn tin tưởng ở một lời hứa hẹn đường mật nào nữa. Họ đã bị lợi dụng. Và họ đã sợ hãi phần đông những người cán bộ mà họ tiếp nhận từ trung ương. Những người này thực ra chỉ vì một số lương bổng mà trở thành « chiến sĩ xã hội ». Họ ăn mặc chỉnh tề, về nông thôn hoặc các « ấp chiến lược » và ở lại đó mấy giờ đồng hồ rồi rút lui. Trong khi ở lại, họ chẳng làm được việc gì đáng kể. Họ chỉ tuyên truyền qua loa cho chính quyền, và vì được đào tạo cấp bách, non nớt, không hiểu được tâm

lý quần chúng, không có tâm niệm phụng sự, họ nói và làm những điều phật ý nông dân. Họ hống hách khó chịu. Họ di ngành ngang dùng súng để bắn chim để dọa nạt và cũng để đàn chúng sợ giạt nầy mình. Thế rồi họ rút lui, để lại ấn tượng không tốt trong lòng thôn dã. Họ rút lui bởi vì họ đâu dám ở đêm ở những vùng nông thôn. Mấy ông cán bộ phía trong thì khôn ngoan hơn nhiều. Họ ăn mặc đồ đen giống hệt nông dân. Họ «tạm cùng» với nông dân khi họ về một nhà địa phương nào đó. Họ có thể ẩm con, quét tước, rửa bát hay ra đồng gặt lúa với nông dân. Tối đến họ ngủ lại, và chuyện trò. Những cán bộ nhân vị làm sao ăn đứt được họ, hả Steve? Đó là một trong nguyên do cho ta thấy rằng tại sao chính quyền ông Ngô Đình Diệm càng ngày càng bị thua

CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM

CHẮC Steve đã nghe nói đến nhiều lần về những ấp chiến lược. Những ông cố vấn từ Hoa Kỳ sang xem bộ tin tưởng ở chúng lắm. Nhưng mà những ấp chiến lược chỉ đẹp đẽ và hữu hiệu trong lý thuyết. Trên thực tế, chúng hư nát hết. Lý do là người ta đã xây dựng chúng bằng tiền bạc và bằng bạo lực. Người Mỹ đã tin tưởng quá ở mãnh lực của đồng tiền và chính phủ của ông Diệm đã tin tưởng quá ở sức mạnh của bạo lực. Thành trì của những ấp chiến lược, không được xây dựng bằng tự nguyện và bằng cộng tác, đã tan rã như những cánh bèo. Steve nên biết rằng ấp chiến lược lập ra, trên lý thuyết, là để

tập trung dân chúng lại thành từng vùng có kiểm soát có phòng thủ để ngăn ngừa sự xâm nhập và tác động của những người bên kia. Những vùng nào khả nghi thì bị giải tỏa trước. Có những vùng được giải tỏa một cách đột ngột để dân chúng không thể đem ra theo bất cứ một thứ tài liệu nào. Một buổi sáng nào đó, người ta đến gọi tất cả dân chúng, già trẻ trai gái, ra hết ngoài khu vực «ấp chiến lược» trong đó họ sẽ có đất cất nhà mới, vật liệu cất nhà mới, để trồng trọt và luôn cả tiền bạc để sinh sống cho đến lúc có thể tự túc được. Rồi người ta phóng hỏa đốt trụi khu ấp. Đốt như thế để mà tiêu huỷ tất cả những thứ nguy hiểm mà người ta nghĩ là có thể có rất nhiều trong khu xóm. Dân chúng đau xót và phẫn uất. Steve phải biết: nhà nào cũng có những kỷ niệm tuy đơn sơ nhưng rất thân thiết. Như cái bát hương, cái bài vị, mồ mã của người thân, hoặc những tờ di chúc hay kỷ niệm vui buồn khác. Tiền bạc đâu có thể thay thế cho những thứ ấy? Họ thất thểu ra đi tới khu đất mới và ở đó, họ được hướng dẫn bởi những người cán bộ của chính quyền để «làm lại cuộc đời». Họ nhận đôi chút tiền bạc và sống nhọc nhãi dưới sự hống hách của bạo lực.

Mà nào họ đã được yên thân trong «ấp chiến lược». Những người bên kia, mà bên này gọi là Việt Cộng, đâu có vì thế mà bị gạt ra ngoài. Họ có mang cái huy hiệu hay cái đồng phục nào đâu để cho chúng ta nhận ra họ. Thế là họ cũng vào ấp, sống lẫn lộn. Và một buổi sáng nào đó, người ta có thể thấy, trong phòng họp của ấp một

trái mìn, một trái mìn làm bằng gỗ thối, một trái mìn giả, có mang dấu hiệu Việt Cộng. Thế là cái hàng rào kẽm gai xung quanh ấp trở thành vô nghĩa. Trái mìn kia nói thay cho một lời dọa nạt: Có chúng tôi đây, các anh liệu hồn. Giả sử trái mìn này là mìn thật thì các anh nghĩ sao?

Vậy là tinh thần phòng thủ của ấp đã lung lay. Một trận giặc mà không có trận tuyến như thế, làm sao có thể đánh bằng súng đạn không mà được?

AP chiến lược, như Steve thấy, nhắm tới một mục tiêu quân sự và chính trị chứ không nhắm tới một mục tiêu xã hội. Chính vì thế mà những tuyên truyền về cách mạng xã hội không được ai nghe theo. Chúng tôi thấy rõ điều đó và đã quyết định với nhau rằng một phong trào dựng lại xứ sở cần được đặt trên một căn bản hoàn toàn khác biệt. Chúng tôi muốn mở một mặt trận chống lại nghèo đói, ngu dốt bệnh tật và vô tổ chức.

Chúng tôi hiện có hai làng thí điểm tại

miền Nam. hai làng tại miền Trung — một tại Khánh Hòa, một tại Thừa Thiên. Chúng tôi, trong thời gian đầu cũng bị người dân nhìn với những cặp mắt lạnh lùng. Thái độ họ là thái độ khép kín, nghi ngờ. Dù anh tuyên truyền gì cũng vô ích. Họ lạnh và cứng như một tảng thép nguội. Đó là hậu quả của những công trình « cách mệnh xã hội » đi trước. Chúng tôi hết sức kiên nhẫn, khiêm cung và cần trọng. Sau một thời gian, thái độ do may mắn. Đến lúc mà họ nở một nụ cười vồn vã, mình thấy ấm áp cả tâm hồn. Họ trở thành cởi mở, sốt sắng. Họ hưởng ứng và tham dự vào các dự án một cách chân thành. Được họ chấp nhận, mình thấy như con đường đi tới thành công được rút ngắn lại con một phần trăm. Mà Steve ạ, chính lúc cộng tác với họ để thực hiện các dự án cải tiến sinh hoạt, ta mới thấy được khả năng và tiềm lực của xã hội nông thôn trong công cuộc tạo dựng một đời sống tiến bộ.

Xã hội chúng tôi đã bị phân hóa quá, bởi vì chiến tranh đã tàn phá đức tin, tàn phá hy vọng, tàn phá mọi chương trình kiểu thiết lâu dài. Ngày nay quần chúng trở nên nghi ngờ mọi thiện chí, mọi hứa hẹn. Chúng tôi nhận thấy ngoài chất liệu tôn giáo, không còn có chất liệu nào có thể tạo dựng được đoàn kết tinh và xã hội tinh. Cho nên phải sử dụng cno được tiềm lực tôn giáo để thực hiện những sự chuyển đổi lớn. Đạo Phật có thể đóng góp nhiều vào công việc này. Nhưng mà chưa thể nương tựa vào những người có trách nhiệm lãnh đạo

các giáo hội đầu. Họ còn bảo thủ tư kiến nhiều quá và khó chuyển hóa quá. Dự án tôi đề nghị với Viện Hóa Đạo về kế hoạch xã hội hóa đạo Phật đã không được chú ý. Hiện giờ nó vẫn còn nằm trong hồ sơ của Viện Hóa Đạo. Chúng tôi phải bắt đầu từ chỗ tự lực để tranh thủ một sự chấp nhận sau này của quần chúng và của giáo hội nữa. Của quần chúng trước, đó là điều dĩ nhiên. Ở Âu Châu và ở Hiệp Chúng Quốc, hiện tượng đó cũng không lạ gì. Chúng tôi đã làm xong dự án về một tổ chức đào tạo những «Làng Tự nguyện». Những người này sẽ được huấn luyện kỹ lưỡng, có đủ kiến thức về xã hội về tôn giáo và nhất là về phương pháp thực hiện các dự án chống nghèo đói, bệnh tật, ngu dốt và vô tổ chức. Họ sẽ hành động không vì lương bổng, quyền hành mà vì tình thương ý thức trách nhiệm và ý thức tự nguyện. Họ sẽ là những người thanh niên cũng như Steve, cũng như Nguyễn Hưng vậy, có đức tin, có chí nguyện biết khinh thường nếp sống trường

giả và cầu an, biết tìm hạnh phúc trong phụng sự. Chỉ với chất liệu tâm lý đó chí nguyện đó, họ mới có thể thành công. Mà những người trai trẻ như thế, Steve, không hiếm ở đất nước này đâu. Tôi dám chắc với Steve là có hàng vạn hay hàng chục vạn. Tôi đã gần gũi họ trong những ngày gần đây, và đã thấy mặt họ sáng lên trong niềm tin mới. Chỉ trong mấy tháng nữa chúng tôi khai giảng trường Thanh Niên Phụng Sự xã hội, và ngôi trường này sẽ là một trường chuyên nghiệp thông thuộc một viện đại học trẻ trung vừa mới thành lập. Ban giảng huấn của trường gồm toàn những người trẻ tuổi, tất cả đều nao nức về công việc sắp thực hiện. Chúng tôi không có tiền bạc, nhưng chúng tôi đã có kế hoạch và rất nhiều thiện chí, Steve có nghe không?

(Còn nữa)

CÁC BẠN YÊU THƠ ĐÓN ĐỌC :

ANH CHỈ CÒN EM

Thi phẩm đầu tay của BÌNH DƯƠNG



Thơ của BÌNH DƯƠNG có những bài ngắn như những bài « *CHIỀU* », « *GÓP LỬA* », « *CÙNG THẾ THÔI* », « *MÀU NGHĨA TRANG* », « *NGHĨA* » lời thơ đơn giản nhưng diễn tả được cả tình và ý, cả tâm và cảnh, cũng hòa hợp được cả vũ trụ và nhân sinh, khiến ta nhớ đến loại thơ đơn giản của Nhật là loại thơ *Hai Cú* (*HaiKu*). Nghệ thuật diễn tả và bố cục thơ của BÌNH DƯƠNG cũng khá vững vàng, tỏ ra BÌNH DƯƠNG làm thơ đã từ lâu.

Tôi còn nhớ hồi đương chủ trương tờ *Điện Báo Văn Nghệ* (1951). Nhân dịp kỷ niệm đầy năm tờ báo, chúng tôi có cho ra một tập « *TUYÊN TẬP THI CA* » lựa in những thi phẩm xuất sắc của các bạn trẻ. Nhưng sau muốn đề cho tập thơ tuyên này có một tính cách đơn thuần và duy nhất, chúng tôi chỉ lựa đăng từ đầu đến cuối tập toàn thơ *TRỤ VŨ*, ngoại trừ có hai bài ngoài, đó là hai bài thơ của BÌNH DƯƠNG.

Từ bấy đến nay, có trên mười lăm năm.

BÌNH DƯƠNG còn sáng tác nhiều thơ nữa. Và bài nào cũng như bài trên, đều khơi nguồn cảm ở suối yêu thương, một tình yêu thương tỏa rộng bao gồm cả thiên nhiên tạo vật và lúc nào cũng hòa hợp với tình người.

Trích lời giới thiệu của LÊ TRÀNG KIỀU

HỘP THƯ' TÒA SOẠN

Tòa soạn *Giữ thơm Quê Mẹ* vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các Bạn :

Buổi học đầu xuân, truyện của V.B. — Giấc mơ ; thơ H.D.L — Những vì sao đêm ; truyện của M.A — Ru em ; thơ A.D. — Thở than ; thơ N.T.Đ. — Phía ngoài trời xanh ; truyện D.N. — Bài hoài ca bản xứ, Tình tự khúc số 3 ; thơ Q.H — Ý nghĩ sau cùng ; thơ N.N.N. — Xin cho đất nước một mùa xuân ; thơ H.T.C.

Tòa soạn *Giữ thơm Quê Mẹ*, trân trọng cảm tạ các Bạn và xin các Bạn vui lòng đừng gửi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn 3 tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiên phức. Một lần nữa, kính chúc các Bạn, vui mạnh và sáng tác thật phong phú dồi dào

T.V

ĐAU GAN! YÊU GAN!

Nhứt đầu, mất ngủ, ăn không ngon, chậm tiêu hóa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, nóng trong mình, bón uất, ban ngứa, vàng da.

DÙNG THUỐC TRỊ BỆNH GAN QUẢNG-AN-HÒA

(số 1 đề TRỊ GAN và số 2 đề BỎ GAN)

K.N số 617 ngày 18-12-63

HO ! SIẾNG !

CÁC CHỨNG SIẾNG KINH, ho cảm, ho đàm, ho khan, ho rang tức ngực, ho nhiều ban đêm, ho lâu ngày, ho sản hậu.

DÙNG THUỐC HO QUẢNG - AN - TIÊN

169 Lê-văn-Duyệt Saigon

Tổng phát hành : Nhà thuốc QUẢNG-AN-HÒA

(Có bán ở các tiệm thuốc Bắc) — *K.N số 613 ngày 18-12-63*

Mới phát hay đau lâu, ai bị bệnh TRỊ. Đi tiêu ra máu, bị bón kinh niên, nên dùng thuốc :

TRỊ-LẬU Quảng-An-Hòa

TRỊ các chứng: nội Trị, đi cầu máu tươi ra có giọt, hậu môn sưng, nổi mụt, ngứa ngứa đi đứng khó khăn, đại tiện đau rát, dùng thuốc này để lọc huyết, làm mát mề đại trường, tiêu trừ ung độc, hết bón.

K.N.S, 1252 — 28-9-65

THUỐC BỎ TRẺ EM

đại bỏ CƯỜNG-NHI-TỔ Quảng-An-Hòa

Rất cần thiết cho trẻ con dùng để trị chứng: ốm yếu, biếng chơi, lừ đừ, chậm chạp, *đỏ mề hôi trộm*, mặt mét da xanh. Hiệu nghiệm đề bỏ dưỡng cơ thể thiếu nhi, tiêu thực, ăn chơi, ngủ yên, khoẻ mạnh, học hành tiến bộ (có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc) Tổng phát hành: nhà thuốc QUẢNG-AN-HÒA 169 Lê văn Duyệt Saigon. (Đồng Dược Sĩ LÝ THẮC).

K.N.S. 1251 — 28-9-95

V
I
E
T
N
A
M
H
À
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của PHÂN-LỰC CƠ TRẮNG LỆ NHÚT THỂ-GIỚI
ĐƯỜNG BAY

Ha sen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG : 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI-MÁT-MỀ _ ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN _ ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng thức những món ăn đặc-biệt do các nữ tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi

★ ★

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



116. NGUYỄN-HỮU SAIGON 529-625-626

AIR